

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG**

**QUAN HỆ ĐẶC BIỆT
VIỆT NAM – LÀO
(1930 – 2017)**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 55 NĂM
NGÀY THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO (1962- 2017) VÀ 40 NĂM
NGÀY KÝ HIỆP ƯỚC HỮU NGHỊ HỢP TÁC VIỆT NAM – LÀO (1977- 2017)**

Hà Nội, năm 2017

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Văn Linh

Phó trưởng ban Tuyên giáo Trung ương

BAN BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Văn Linh	Trưởng ban
GS. TS Trịnh Nhu	Phó trưởng ban
GS. TSKH Hoàng Ngọc Hà	Phó trưởng ban
PGS. TS Trần Trọng Thơ	Thư ký khoa học
Đại tá Phạm Hữu Thắng	Thành viên
ThS. Nguyễn Hào Hùng	Thành viên
ThS. Nguyễn Văn Hay	Thành viên
ThS. Hoàng Thị Hà Nguyên	Thành viên
ThS. Lê Hồng Vân	Thành viên

LỜI MỞ ĐẦU

Trong lịch sử quan hệ quốc tế từ xưa tới nay, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là một điển hình, một tấm gương mẫu mực, hiếm có về sự gắn kết bền chặt, thuỷ chung, trong sáng và đầy hiệu quả giữa hai dân tộc đấu tranh vì độc lập, tự do và tiến bộ xã hội.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào phát triển từ quan hệ truyền thống, do Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nền móng và chính Người cùng đồng chí Kayxôn Phômvihân, đồng chí Xuphanuvông và các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước, nhân dân hai nước dày công vun đắp; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp đến là Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào trải qua nhiều thử thách khắc nghiệt, đầy hy sinh, gian khổ vì độc lập, tự do, hạnh phúc của hai dân tộc và nhân dân hai nước, đã trở thành *quy luật sống còn và sức mạnh kỳ diệu* đưa tới nhiều thắng lợi vĩ đại của Việt Nam và Lào trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ đất nước, cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với nhân dân hai nước Việt Nam, Lào, quan hệ đặc biệt được coi là *lẽ sống, là tình nghĩa ruột thịt thân thiết*, trước sau như một, dù gian nan nguy hiểm đến chừng nào cũng không thể chia tách được.

Trong bối cảnh hiện nay, sự nghiệp đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế mà nhân dân hai nước đang tiến hành đã tạo ra những xung lực mới, đồng thời đặt ra những yêu cầu khách quan về gia tăng mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam - Lào với những phương thức mới và những nội dung mới.

Thực hiện chủ trương của lãnh đạo cấp cao hai nước Việt Nam và Lào về việc tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (18/7/1977- 18/7/2017), Kỷ niệm 55 năm ngày Thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5/9/1962 - 5/9/2017), trên cơ sở kế thừa tài liệu tuyên truyền “Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)” đã được Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, xuất bản năm 2011, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành biên soạn cuốn tài liệu tuyên truyền: **Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào (1930 - 2017)**.

Cuốn sách trình bày những nét chính yếu chặng đường lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào từ năm 1930 đến 2017; nêu bật những thành quả, vai trò to lớn của mối quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc đối với tiến trình cách mạng

mỗi nước trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

Cuốn sách phản ánh đậm nét vai trò của các lãnh tụ của hai Đảng, hai Nhà nước; những hy sinh cao cả của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân hai nước trong việc xây đắp mối quan hệ đặc biệt dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ nhau rất trong sáng về mọi mặt, từ cấp Trung ương đến các địa phương, nhằm phát huy thế mạnh của mỗi nước, kết hợp thỏa đáng tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam – Lào với thông lệ quốc tế.

Cuốn sách thể hiện rõ quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào thủy chung, son sắt, là tài sản vô giá, là nguồn sức mạnh, nhân tố bảo đảm thắng lợi sự nghiệp cách mạng của mỗi nước.

Cuốn sách là tài liệu tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức chính trị, tình cảm, trách nhiệm và nghĩa vụ của nhân dân Việt Nam và Lào, đặc biệt là thế hệ trẻ hai nước trong việc gìn giữ và vun đắp mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước; để bạn bè thế giới hiểu rõ bản chất tốt đẹp, trong sáng của mối quan hệ Việt Nam – Lào; đồng thời khẳng định quan điểm, đường lối, chủ trương của hai Đảng, hai nước trong việc duy trì, củng cố và tăng cường mối quan hệ đặc biệt của hai dân tộc trong hiện tại và tương lai vì sự trường tồn và phát triển phồn vinh của hai dân tộc.

Chương I

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, HAI DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ LÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO (1930 - 1945)

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM – LÀO

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng, gần gũi bên nhau như làng trên xóm dưới. Thành ngữ Việt Nam có câu *láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau*, tương tự như cách nhân dân Lào gọi nhân dân Việt Nam là *bản cày hươn khiêng* (bản kê, nhà cạnh). Quan hệ Việt Nam – Lào là mối quan hệ nhân hòa, nảy sinh từ đời sống thích ứng với tự nhiên và dựng xây xã hội của biết bao thế hệ cộng đồng dân cư hai nước có nhiều lợi ích tương đồng, cao hơn hết là vận mệnh hai dân tộc gắn bó với nhau rất khăng khít và được phát triển thành quan hệ đặc biệt chưa từng có trong lịch sử quan hệ quốc tế.

Quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào không phải do ý muốn chủ quan của bất kỳ bên nào, mà bắt nguồn từ vị trí địa – chiến lược của hai nước, từ bản chất nhân văn, nương tựa lẫn nhau của hai dân tộc có cùng lợi ích cơ bản về độc lập, tự chủ và nguyện vọng chính đáng thiết tha về hòa bình và phát triển.

- Cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ

Việt Nam và Lào có vị trí địa – chiến lược quan trọng ở vùng Đông Nam Á do nằm kề con đường giao thương hàng hải hàng đầu thế giới, nối liền Đông Bắc Á, Nam Á qua Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Dãy Trường Sơn, biên giới tự nhiên giữa Việt Nam và Lào là bức tường thành hiểm yếu, tạo điều kiện cho hai nước tựa lưng vào nhau, phối hợp giúp đỡ lẫn nhau trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Tại đây, có nhiều vị trí chiến lược khống chế những địa bàn then chốt về kinh tế và quốc phòng rộng lớn của cả hai nước, có thể trở thành điểm tựa vững chắc cho Việt Nam và Lào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Do điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và Lào có nhiều điểm tương đồng, lại vừa có những nét khác biệt, trong hoàn cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày nay, hai nước hoàn toàn có thể bổ sung cho nhau bằng tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước về vị trí địa lý, tài nguyên,

nguồn nhân lực, thị trường cũng như sự phân vùng kinh tế và phân công lao động hợp lý để hợp tác cùng phát triển.

- Nhân dân hai nước giàu lòng nhân ái, bao dung và văn hóa của hai dân tộc có nhiều nét tương đồng

Việt Nam và Lào đều là những quốc gia đa dân tộc, có lịch sử phát triển lâu đời trên bán đảo Đông Dương. Quá trình cộng cư, hoặc sinh sống xen cài của những cư dân Việt Nam và cư dân Lào trên địa bàn biên giới của hai nước đã phản ánh sinh động, liên tục mối quan hệ cội nguồn và quan hệ tiếp xúc từ xa xưa của nhân dân hai nước.

Sự hài hòa giữa lòng nhân ái và tinh thần cộng đồng là một nét đặc sắc trong triết lý nhân sinh người Việt Nam cũng như người Lào. Người Việt Nam thường nói: “*Được lời như cởi tấm lòng*”, thì người Lào có câu ngạn ngữ: “*Vầu thực khọ, khỏ kin cò bò thi (bò khi thi), vầu bò thực khọ khỏ xừ cò bò khải*” (Nói hợp lòng thì xin ăn cho cũng chẳng tiếc, nói trái ý thì dầu xin mua cũng chẳng bán). Những tình cảm bình dị nhưng chân thành mà người dân nước Việt dành cho người bạn Lào láng giềng của mình từ xa xưa vẫn còn được lưu lại trong thư tịch cổ: “*người Lào thuần hậu chất phác*”¹, trong giao dịch buôn bán thì “*họ vui lòng đổi chác*”².

Mặc dầu Việt Nam và Lào có tiếng nói, văn tự không giống nhau, sáng tạo và lựa chọn các nền văn hóa cũng như các hình thức tổ chức chính trị – xã hội khác nhau, nhưng những nét tương đồng thì vẫn thấy phổ biến trong muôn mặt đời sống hàng ngày của cư dân Việt Nam và Lào. Các nền văn hóa nghệ thuật truyền thống của Việt Nam và Lào dễ dàng tìm thấy sự đồng cảm lẫn nhau, chia sẻ tâm hồn chung về các giá trị cộng đồng, coi trọng luật tục, tôn kính người già...

Sự tương đồng giữa văn hóa của người Việt và người Lào bắt nguồn từ chính nền tảng chung của văn minh nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á. Trong đời sống xã hội của mình, nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào bao giờ cũng nêu cao những phẩm chất yêu thương và hướng thiện.

- Nhân dân hai nước có truyền thống bang giao hòa hiếu, cru mang đùm bọc lẫn nhau từ lâu đời, cuối thế kỷ XIX cùng bị thực dân Pháp xâm lược và đặt ách cai trị tàn bạo

¹ Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*, Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, q.6, tr.361.

² Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, q.4, tr.243.

Trong thời kỳ phong kiến, đặc điểm nổi bật về quan hệ giữa nhân dân hai nước là thân thiện, hữu hảo.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách đô hộ lên Việt Nam, Campuchia và Lào. Do có cùng một kẻ thù và chung một cảnh ngộ bị xâm lược và áp bức, phát huy truyền thống đoàn kết hữu nghị sẵn có, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia dễ dàng đồng cảm, liên kết tự nhiên với nhau và tự nguyện phối hợp với nhau trong một sứ mệnh chung đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập, tự do.

Tuy các phong trào trên đều bị chính quyền thực dân đàn áp, dập tắt, song mối quan hệ giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào trong những năm đầu chống sự xâm lược và ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp cho thấy việc xây dựng khối đoàn kết đấu tranh trở thành một nhu cầu tất yếu khách quan của hai dân tộc. Xác định con đường cứu nước đúng đắn và xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc là những nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho các nhà lãnh đạo phong trào yêu nước và cách mạng trên bán đảo Đông Dương.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm xác định con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và dân tộc Lào

Trong những thập kỷ đầu thế kỷ XX, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) đã dày công nghiên cứu lý luận và trực tiếp kiểm nghiệm thực tiễn về bản chất và mô hình các cuộc cách mạng trên thế giới nhằm phát hiện chân lý cứu nước. Người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và Đông Dương để xác định con đường giải phóng của dân tộc Việt Nam và dân tộc Lào theo quỹ đạo cách mạng vô sản.

Trong quá trình đó, Nguyễn Ái Quốc luôn giành sự quan tâm đặc biệt đến tình hình Lào. Người không chỉ lên án chế độ thực dân Pháp nói chung mà còn tố cáo cụ thể sự tàn bạo của thực dân Pháp ở Lào¹. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - một trong những tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp sáng lập vào tháng 6 năm 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc), đến tháng 2 năm 1927, Hội này gây dựng được cơ sở tại Lào.

Trên thực tế, từ nửa sau những năm 20 thế kỷ XX, Lào là một đầu cầu trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng cứu nước mới của

¹ Xem: Nguyễn Ái Quốc: “Bản án chế độ thực dân Pháp” trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 2, tr.23-144.

Nguyễn Ái Quốc vào Đông Dương; đồng thời là địa bàn để Người nắm tình hình và tìm kiếm con đường trở về Việt Nam. Năm 1928, đích thân Người bí mật tiến hành khảo sát thực địa tại Lào¹ càng cho thấy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào.

II. ĐOÀN KẾT ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP TỰ DO

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập đánh dấu một bước ngoặt trọng đại của cách mạng Việt Nam. Ngay khi thành lập, Đảng đã ban hành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, trong đó, xác định rõ con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản; Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là thực hiện quyền độc lập dân tộc, quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, đóng vai trò lãnh đạo cách mạng.

Hai nước Việt Nam và Lào cùng bị thực dân Pháp thống trị, có cùng mục tiêu và khát vọng độc lập, tự do, nên con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam theo tư tưởng Nguyễn Ái Quốc được ghi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên cũng là con đường phù hợp, chứa đựng những giải pháp giải phóng dân tộc Lào khỏi ách nô lệ, đưa đất nước Lào đến thịnh vượng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương mở đầu những trang sử vẻ vang của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

Tháng 10 năm 1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết nghị đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương; xác lập các nguyên tắc, phương hướng, đường lối chính trị và những nhiệm vụ cơ bản cho phong trào cách mạng của ba dân tộc ở Đông Dương. Hội nghị đặt phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong suốt quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương còn đề ra những chủ trương và giải pháp cụ thể chỉ đạo các cấp bộ Đảng và phong trào cách mạng Đông Dương cũng như tăng cường sự quan hệ mật thiết, nương tựa lẫn nhau của hai dân tộc Việt Nam và Lào.

¹ Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào (Tóm lược)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.18. Các địa điểm mà Nguyễn Ái Quốc đặt chân đến Lào được xác định là bản Xiêng Vàng, huyện Noông Bốc, tỉnh Khăm Muộn. Một số tài liệu còn viết Nguyễn Ái Quốc đã đến Chùa In Peng và một số chùa lân cận khác ở Thủ đô Viêng Chăn.

Từ giữa năm 1930, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã nhanh chóng tác động và ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Lào. Nhân dân Lào tiến hành nhiều cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ gắn với ủng hộ phong trào cách mạng Việt Nam, chống âm mưu địch gây thù hằn và kỳ thị giữa người Việt và người Lào... Trong các cuộc đấu tranh đó, những người Việt sinh sống ở Lào đã tích cực tham gia, sát cánh cùng nhân dân Lào.

Từ trong phong trào đấu tranh của nhân dân Lào, nhiều người con ưu tú của nhân dân Lào được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 9 năm 1934, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời Ai Lao (tức Xứ uỷ lâm thời Ai Lao) được thành lập, đánh một dấu mốc quan trọng trong lịch sử đấu tranh yêu nước của nhân dân các bộ tộc Lào, khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với cách mạng Lào.

Tháng 3 năm 1935, Đại hội Đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra. Đại hội nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên hợp mật thiết các dân tộc Đông Dương để chống kẻ thù chung trên cơ sở lấy nguyên tắc chân thật, tự do và bình đẳng cách mạng làm căn bản.

Sau Đại hội Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào có nhiều chuyển biến mới và ngày càng gắn bó mật thiết.

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Ở Đông Dương, chính quyền thuộc địa thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào, ra sức vơ vét sức người sức của ở Đông Dương phục vụ chiến tranh đế quốc.

Trước sự tồn vong của vận mệnh các dân tộc Đông Dương, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng trước tiên của cách mạng Đông Dương, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước và thành lập ở mỗi nước một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

Những chủ trương đúng đắn dẫn trên đây của Đảng Cộng sản Đông Dương đã soi đường cho nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào phát huy mạnh mẽ tinh thần độc lập, tự chủ, phát huy sức mạnh của mỗi dân tộc, đồng thời tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân 2 nước cùng tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật.

Tại Lào, từ năm 1940, một số sĩ quan, cảnh sát, trí thức và công chức người Lào có tinh thần dân tộc lánh sang Thái Lan, tìm đường liên lạc với Đồng minh chống Nhật, Pháp; liên lạc với tổ chức Việt kiều ở Thái Lan để hoạt động.

Bộ phận Việt kiều tại Lào cũng đẩy mạnh hoạt động phối hợp với nhân dân Lào đấu tranh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc ở Việt Nam và Lào. Từ năm 1943, “*Ban vận động Việt kiều Lào - Thái*” được thành lập và nhanh chóng tiến hành gây dựng cơ sở trên địa bàn Lào. Đến năm 1944, Ban Vận động Việt kiều chuyển thành *Hội Việt kiều cứu quốc*. Hội Việt kiều cứu quốc thành lập *Đội Tiên phong*¹ làm nhiệm vụ và đóng vai trò của Xứ uỷ lâm thời Ai Lao. Đầu năm 1945, “*Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào*” - một chi nhánh của Mặt trận Việt Minh được thành lập nhằm hưởng ứng và tham gia công cuộc giành độc lập của xứ sở.

Trong khi phong trào đấu tranh của nhân dân hai dân tộc Việt Nam và Lào đang phát triển mạnh mẽ thì ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân phiệt Nhật tiến hành cuộc đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp và sau đó ban hành Chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Cao trào kháng Nhật cứu nước phát triển rất mạnh mẽ ở Việt Nam đã tác động và hỗ trợ tích cực, mạnh mẽ các lực lượng yêu nước Lào đấu tranh giành độc lập.

Tại Lào, thực hiện chủ trương của *Đội Tiên phong*, “*Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào*” nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Lào. Một chi bộ Đảng cùng các đoàn thể Việt kiều cứu quốc được thành lập tại Viêng Chăn.

Cũng từ sau ngày Nhật đảo chính, nhiều tổ chức chính trị khác nhau hình thành để mưu cầu nền độc lập cho dân tộc Lào.

Vào tháng 4 năm 1945, tại Thái Lan, nhóm người Lào đang hoạt động tại đây thành lập tổ chức “*Lào Ítxala*” (Lào tự do). Tổ chức này tập hợp các công chức, học sinh có tinh thần yêu nước, chủ trương dựa vào phe Đồng minh chống Nhật để giành độc lập.

Tháng 5 năm 1945, một tổ chức yêu nước khác của người Lào cũng ra đời là “*Lào pên Lào*” (Nước Lào của người Lào), gọi tắt là “*Lopolo*”, gồm những công chức, trí thức, sĩ quan người Lào tập hợp nhau để đấu tranh giành độc lập cho Lào.

Đội Tiên phong, Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào đã tiến hành liên hệ với các tổ chức “*Lào Ítxala*” và “*Lào pên Lào*” để bàn việc phối

¹ Một số tài liệu viết là *Đội tiên vệ* (Conlávăngnạ).

hợp hoạt động, thu hút và tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự cho thanh niên Lào - Việt.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào đang phát triển vô cùng mạnh mẽ thì vào ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Lực lượng quân đội Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang, rệu rã, các chính quyền tay sai của Nhật ở Việt Nam và ở Lào hoàn toàn bị tê liệt. Trong thời điểm lịch sử đó, Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền vào đêm 13 tháng 8 năm 1945. Ở Việt Nam, cuộc Tổng khởi nghĩa diễn ra sôi động và kết thúc thắng lợi hoàn toàn trong vòng 15 ngày. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra mắt quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* trịnh trọng tuyên bố với nhân dân cả nước và thế giới khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã đập tan bộ máy thống trị đầu não của quân phiệt Nhật và thực dân Pháp ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Lào.

Ở Lào, tình hình diễn biến rất phức tạp, trong chính giới Lào cũng còn nhiều khuynh hướng khác nhau về con đường giành độc lập cho đất nước Lào. Trong hoàn cảnh đó, Xứ uỷ Ai Lao nhanh chóng lập Ban Chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn và đề ra chủ trương vũ trang cho Việt kiều để có đủ sức mạnh đối phó với địch, rồi cùng toàn thể nhân dân Lào vùng dậy giành chính quyền từ tay quân phiệt Nhật và đánh đuổi quân Pháp nếu chúng trở lại. Ban Chỉ đạo tiến hành tuyên truyền chính giới Lào, vận động để Hoàng thân Phétxarạt cho phép Việt kiều hoạt động, tiếp xúc với Uỷ ban Lào pên Lào ở Viêng Chăn để thống nhất hành động. Ban Chỉ đạo và chi bộ Đảng ở Viêng Chăn còn cử người vào lãnh đạo thắng lợi cuộc đấu tranh của hơn 500 công nhân xưởng dệt Kappa đòi Nhật giao nhà máy cho Lào và trả nợ lương cho công nhân.

Trước những hoạt động của Ban Chỉ đạo khởi nghĩa, các chính giới Lào nhận rõ thật tâm đoàn kết của Việt kiều đối với Lào. Uỷ ban Lào pên Lào và tỉnh trưởng Viêng Chăn là Khăm Mạo rất tích cực phối hợp với Ban Chỉ đạo khởi nghĩa.

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, một cuộc mít tinh lớn diễn ra tại khu vực chợ Mới (Viêng Chăn) có đông đảo nhân dân Lào và Việt kiều tham gia. Ông Khăm Mạo thay mặt Chính phủ Vương quốc và Uỷ ban Lào pên Lào Viêng Chăn kêu

gọi Việt kiều đoàn kết với nhân dân Lào, giúp đỡ Chính phủ Lào, cùng nhau chống Pháp, giành độc lập dân tộc cho hai nước. Cuộc mít tinh ngày 23 tháng 8 năm 1945 đánh dấu cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Lào.

Nhận rõ tầm quan trọng của mối quan hệ đoàn kết giữa hai dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đại diện của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà sang thiết lập quan hệ với Chính phủ Lào. Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Hoàng thân Xuphanuvông đang ở Vinh ra Hà Nội và tiếp Hoàng thân vào ngày 4 tháng 9 năm 1945. Cuộc gặp gỡ đã có tác động mạnh mẽ, quyết định đối với Hoàng thân trong việc chọn lựa con đường làm cách mạng. Ngày 3 tháng 10 năm 1945, tại cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân tỉnh Savannakhet đón chào Hoàng thân Xuphanuvông trở về tham gia chính phủ Lào, Hoàng thân tuyên bố: *“Quan hệ Lào - Việt từ nay sẽ mở ra một kỷ nguyên mới...”*.

Được sự giúp đỡ của Ban Chỉ đạo khởi nghĩa ở Viêng Chăn, sau một thời gian hiệp thương, hai tổ chức yêu nước là Hội “Lào pên Lào” và tổ chức “Lào Ítxala” đã hợp nhất thành lập Ủy ban khởi sự (Khaná Phu co kan), gấp rút tiến hành thành lập Chính phủ Trung ương và dự thảo Hiến pháp tạm thời.

Sáng ngày 12 tháng 10 năm 1945, trong cuộc mít tinh lớn tại sân vận động thành phố Viêng Chăn, Chính phủ Lào Ítxala vừa được thành lập đã làm lễ ra mắt và trình trọng tuyên bố trước toàn thể nhân dân nền độc lập của quốc gia Lào. Chính phủ Lào chủ trương: *“Nhân dân Lào thân thiện với nhân dân Việt Nam và quyết tâm cùng nhân dân Việt Nam đánh đuổi bọn thực dân Pháp ra khỏi Đông Dương”*¹. Thủ tướng Khăm Mạo tuyên bố với Việt kiều: *“mong rằng ba nước Việt, Miên, Lào bắt tay nhau để kiến thiết quốc gia”*².

* * *

Thời gian từ năm 1930 đến năm 1945 là thời kỳ nhân dân hai nước Việt Nam và Lào nương tựa lẫn nhau trong quá trình đấu tranh giành độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong tiến trình lịch sử đó, bộ phận nhân sĩ, trí thức tiến bộ và các tầng lớp nhân dân Lào có vai trò quyết định quá trình phát triển của phong trào cách mạng Lào cũng như trong việc duy trì và phát triển mối quan hệ giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào. Người Việt ở Lào là một lực lượng tích cực trong phong trào cách mạng Lào và là nhân tố quan trọng xây đắp mối quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc.

¹ Báo *Cờ Giải phóng* - Cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương, số 27 ngày 21-10-1945.

² Báo *Cứu quốc* - Cơ quan của Tổng bộ Việt Minh (Việt Nam), số 68, ngày 16-10-1945.

Sự ra đời của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2/9/1945) và Chính phủ Lào Ítxalạ (12/10/945) là cơ sở đưa tình đoàn kết, giúp đỡ nhau lên tầm liên minh chiến đấu.

Chương II

LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM – LÀO TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1945-1975)

I. LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM – LÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954)

Sau khi giành lại được chính quyền, Chính phủ hai nước đã ký *Hiệp ước tương trợ Lào – Việt*¹ và *Hiệp định về tổ chức Liên quân Lào - Việt*², đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho sự hợp tác giúp đỡ và liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung của hai dân tộc Việt - Lào.

Bất chấp nguyện vọng chính đáng của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào, thực dân Pháp ngang nhiên gây chiến tranh hòng áp đặt lại ách thống trị của chúng ở Đông Dương. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm thành phố Sài Gòn, rồi mở rộng chiến tranh ra toàn Nam Bộ, Nam Trung Bộ của Việt Nam, sang Campuchia, Hạ Lào, rồi toàn cõi Đông Dương.

Trước nguy cơ tồn vong nền độc lập dân tộc của ba nước Việt Nam – Lào - Campuchia, ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, chủ trương: “Thông nhất mặt trận Việt – Miên – Lào chống Pháp xâm lược”. Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Đảng đã bước đầu xác lập và định hướng liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Campuchia.

Theo tinh thần đó, quân và dân các địa phương vùng giáp ranh biên giới Việt Nam – Lào phối hợp đánh quân Pháp. Hội Việt kiều cứu quốc ở các tỉnh, thành phố của Lào động viên, kêu gọi thanh niên tích cực gia nhập lực lượng Liên quân Lào – Việt.

Tiêu biểu cho tinh đoàn kết và liên minh chiến đấu của Liên quân Lào – Việt trong năm đầu của cuộc kháng chiến là trận chiến đấu bảo vệ Thà Khộc ngày 21 tháng 3 năm 1946. Tinh thần chiến đấu và sự hy sinh của cán bộ, chiến sĩ Liên quân Lào – Việt, trong đó có chiến sĩ Việt Nam Lê Thiệu Huy đã “nhắc

¹ Ký ngày 16 -10 -1945.

² Ký ngày 30 -10 -1945.

nhờ cho thanh niên Lào, cho nhân dân Lào, luôn luôn bền bỉ chiến đấu để giết đế quốc xâm lăng và giành độc lập thực sự cho đất nước”¹.

Trước sức tiến công ồ ạt của quân Pháp, đại diện Chính phủ hai nước Việt Nam, Lào đã thống nhất chủ trương vừa chiến đấu tiêu hao sinh lực địch, ngăn cản bước tiến của chúng, vừa chủ động tổ chức cho nhân dân Lào và Việt kiều di tản ra khỏi thành phố; đồng thời các lực lượng vũ trang cách mạng Lào và Việt kiều chuyển hướng về vùng nông thôn, rừng núi hoạt động, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Từ giữa năm 1946, sau khi quân Pháp chiếm lại một số tỉnh ở bắc vĩ tuyến 16 của Lào, các lực lượng kháng chiến Lào tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng cơ sở kháng chiến. Tháng 10 năm 1946, Ủy ban giải phóng Đông Lào thành lập để chỉ đạo cuộc đấu tranh tại vùng Đông Lào và nhận được sự chi viện, giúp đỡ của Bộ Tư lệnh Chiến khu 4 cùng nhiều địa phương Việt Nam.

Từ năm 1948, quân và dân Việt Nam tăng cường lực lượng sang phối hợp và giúp đỡ nhân dân Lào đẩy mạnh kháng chiến. Mặt trận Tây Bắc Lào² được thành lập nhằm xúc tiến việc xây dựng căn cứ địa Tây Bắc Lào, nối liền với khu Tây Bắc của Việt Nam; Ban xung phong Lào Bắc ra đời để xây dựng căn cứ địa ở Lào Bắc, làm chỗ dựa cho việc xây dựng và phát triển thế trận chiến tranh nhân dân; Đoàn võ trang công tác miền Tây được tổ chức làm nhiệm vụ giúp cách mạng Lào ở khu vực phía nam tỉnh Hủa Phăn và phía bắc tỉnh Xiêng Khoảng và Khu Đặc biệt được xây dựng ở Quảng Nam (Việt Nam) để làm chỗ dựa xây dựng căn cứ ở Hạ Lào.

Vào đầu năm 1949, Hội nghị cán bộ lần thứ sáu Trung ương Đảng (1/1949), quyết định “mở rộng mặt trận Lào - Miên”. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam xác định nhiệm vụ hỗ trợ hai nước Lào, Campuchia theo phương châm: vận động nhân dân và để cán bộ Lào, Campuchia tự đảm trách công việc; cán bộ Việt Nam chỉ làm cố vấn; thành lập quân giải phóng Lào.

Ngày 20 tháng 1 năm 1949, Đội Látxavông (tiền thân của Quân đội Nhân dân Lào) được thành lập tại vùng căn cứ Xiêng Khọ (Hủa Phăn), do đồng chí Kayxôn Phômvihản làm Tổng Chỉ huy. Sự kiện này đánh dấu một bước trưởng

¹ Thư của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông gửi cụ Lê Thuộc đề ngày 7 tháng 11 năm 1951. Phòng Tư liệu Viện nghiên cứu Đông Nam Á.

² Tây Bắc Lào - vùng phía Tây của Bắc Lào - gồm tỉnh Huội Xài và phần phía Tây tỉnh Luông Pha băng (sau tách thành tỉnh Xaynha Buly). Đây là vùng rừng núi điệp trùng, có biên giới giáp với Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc.

thành của lực lượng kháng chiến Lào, **ngày thành lập của Quân đội nhân dân Lào**, khởi đầu tiến trình xây dựng và trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng Lào.

Dựa trên những biến chuyển mới của cách mạng hai nước Việt Nam và Lào, ngày 30 tháng 10 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định các lực lượng quân sự của Việt Nam được cử làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào tổ chức thành hệ thống riêng và lấy danh nghĩa là *Quân tình nguyện*. Quan hệ chiến đấu giữa Quân đội Việt Nam và Quân đội Lào Ítxalạ được quy định rõ theo nguyên tắc: Chỉ huy và tác chiến thì Việt Nam làm chỉ huy trưởng. Vũ trang tuyên truyền thì làm chung, phối hợp chỉ huy.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Đại hội Quốc dân Lào (Mặt trận Lào kháng chiến) họp từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 8 năm 1950, tại Tuyên Quang (Việt Nam) quyết định thành lập Chính phủ Kháng chiến Lào, lập Mặt trận dân tộc thống nhất Lào, tức Neo Lào Ítxalạ, do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch kiêm Thủ tướng Chính phủ. Đại hội nhấn mạnh yêu cầu tăng cường đoàn kết quốc tế, trước hết là với Việt Nam và Campuchia, cùng nhau đánh đuổi kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951, tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam) để đề ra những quyết sách mới đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi, xác lập đường hướng đi lên của cách mạng Việt Nam và Đông Dương.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về đường lối, nhiệm vụ chung và đề ra chủ trương xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một đảng cách mạng, có cương lĩnh riêng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở từng nước đến thắng lợi hoàn toàn. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng Lao động Việt Nam có nghĩa vụ phối hợp và giúp đỡ các tổ chức cách mạng Lào, Campuchia xây dựng chính đảng mácxít để lãnh đạo cuộc kháng chiến của hai nước giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Đại hội chủ trương tăng cường củng cố khối đoàn kết liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương trên tinh thần phát huy tính chủ động, sáng tạo và thực lực cũng như tình hình cụ thể ở từng nước.

Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã mở ra chặng đường phát triển mới của quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Ngày 11 tháng 3 năm 1951, Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương khai mạc tại xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Hội nghị nhất trí thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchia theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau, cùng nhau đánh đuổi bọn thực dân, đế quốc xâm lược, giành độc lập thực sự cho nhân dân Đông Dương. Hội nghị đề ra chương trình hành động chung và cử Ủy ban liên minh gồm đại diện của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Việc thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchia là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, tạo cơ sở nâng cao quan hệ đoàn kết và phối hợp chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, các đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào đã tổ chức thành “*Nhóm Nhân dân Lào*” làm nòng cốt lãnh đạo phong trào và chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng cách mạng của Lào. Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định cho các đảng viên của đảng đang hoạt động ở Lào thành lập các tổ chức Đảng Lao động Việt Nam để vừa lãnh đạo lực lượng Việt Nam thực hiện nghĩa vụ quốc tế tại Lào, vừa giúp “*Nhóm Nhân dân Lào*” giữ vững sinh hoạt và lãnh đạo kháng chiến.

Trước tình hình thực dân Pháp tăng cường đánh phá phong trào kháng chiến của Việt Nam và Lào, thẩm nhuần quan điểm quốc tế cao cả của Đảng Lao động Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “*Giúp bạn là mình tự giúp mình*”, nhân dân Việt Nam đã cử nhiều người con yêu dấu của mình sang phối hợp cùng lực lượng vũ trang cách mạng Lào đẩy mạnh chiến tranh du kích, phát triển lực lượng kháng chiến.

Ngày 14 tháng 9 năm 1952, Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchia họp tại Việt Bắc (Việt Nam). Đến dự và nói chuyện với Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là sự nghiệp chung của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia. Đoàn kết chặt chẽ giữa ba nước nhất định sẽ đi tới thắng lợi, nhất định sẽ giành được độc lập tự do cho mỗi nước. Gặp gỡ các đại biểu của quân tình nguyện Việt Nam tại Lào về dự hội nghị, Người căn dặn: Phải chấp hành

sự lãnh đạo của Chính phủ Kháng chiến Lào, tuyệt đối không được tự cao, tự đại, bao biện; phải luôn luôn đoàn kết với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Lào.

Với sự cố gắng, nỗ lực tự thân và cùng với sự đoàn kết và phối hợp của Việt Nam, trong hai năm 1951-1952 cuộc kháng chiến của nhân dân Lào đã giành được kết quả quan trọng về mọi mặt chính trị, quân sự, văn hóa xã hội, ngoại giao.

Tháng 4 năm 1953, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Kháng chiến Lào quyết định mở chiến dịch Thượng Lào. Với thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào, hậu phương kháng chiến của Lào đã nối thông với vùng tự do của Việt Nam, tạo thế phối hợp chiến lược giữa Việt Nam và Lào, góp phần đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên một bước mới.

Từ sau chiến thắng Thượng Lào, Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam ở Lào đã phối hợp và giúp những người cách mạng Lào thành lập “*Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào*”.

Bước vào Đông Xuân 1953- 1954, quân và dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia tiếp tục đẩy mạnh tiến công trên khắp các chiến trường, buộc thực dân Pháp phải thực thi kế hoạch Nava (7/1953), hy vọng sau 18 tháng sẽ giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Trước tình hình trên, tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam thông qua kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 – 1954 nhằm đẩy mạnh kháng chiến ở Việt Nam và tăng cường phối hợp với quân dân Lào giải phóng Phôngxalỳ, đánh địch ở Trung, Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia.

Tháng 12 năm 1953, một bộ phận quân chủ lực Việt Nam phối hợp với bộ đội Lào Ítxalạ và quân tình nguyện Việt Nam tại Lào mở chiến dịch Trung, Hạ Lào, góp phần làm phá sản kế hoạch tập trung quân của Nava, tạo điều kiện củng cố, phát triển thế phối hợp chiến lược giữa hai nước Việt Nam và Lào.

Cuối năm 1953, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm giải phóng hoàn toàn vùng Tây Bắc Việt Nam, tạo điều kiện cho quân và dân Lào giải phóng vùng cực Bắc Lào. Từ cuối tháng 1 năm 1954, quân đội Việt Nam phối hợp với bộ đội Lào tiến công phòng tuyến sông Nậm U (Thượng Lào) đẩy tập đoàn cứ điểm của địch vào thế hoàn toàn bị cô lập.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân và dân Việt Nam mở đầu cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Phối hợp với chiến trường chính Việt Nam, quân và dân Lào liên tục đẩy mạnh các hoạt động quân sự từ Bắc xuống Nam Lào để kiềm chế lực lượng địch, đồng thời ủng hộ Mặt trận Điện Biên Phủ 300 tấn gạo và 400 viên đạn pháo 105 ly.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của Pháp bị tiêu diệt hoàn toàn. Đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam và cũng là thắng lợi của khối đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, mà Việt Nam làm trụ cột trong sự nghiệp kháng chiến chống kẻ thù chung.

Do những thắng lợi vang dội của quân và dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trong Đông Xuân 1953-1954, mà đỉnh điểm là chiến thắng Điện Biên Phủ, cùng với phong trào đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh đang sôi sục trên toàn thế giới, ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết. Nước Pháp và các nước tham gia hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia. Đó là cơ sở pháp lý quốc tế rất quan trọng để nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên giành độc lập, hoàn thành thống nhất đất nước ở mỗi nước.

Hội nghị Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Lào; Pathét Lào là lực lượng chính trị độc lập, hợp pháp, có quân đội, có vùng tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly; các nhà chức trách hai phái (Pathét Lào và Chính phủ Vương quốc Lào) sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết vấn đề chính trị trên cơ sở bảo đảm quyền tự do, dân chủ của nhân dân, thành lập chính quyền liên hiệp, hòa hợp dân tộc thông qua tổng tuyển cử tự do...

Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, việc ký kết Hiệp định Giơnevơ là một thắng lợi quan trọng của sự nghiệp đoàn kết kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung, của hai nước Việt Nam, Lào nói riêng trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

II. PHÁT TRIỂN LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO, CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1954 – 1975)

Với việc ký kết Hiệp định Giơnevơ 1954, cách mạng hai nước Việt Nam, Lào bước vào thời kỳ mới, song, đế quốc Mỹ, một thành phần tham dự Hội nghị

Gionevo nhưng không ký vào Hiệp định, vẫn từng bước thực hiện âm mưu xâm lược miền Nam Việt Nam và Lào. Vì vậy, nhân dân hai nước Việt Nam và Lào phải tiếp tục phối hợp đấu tranh để bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được.

Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam (19/10/1954) và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (11/1954) ra nghị quyết khẳng định tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và đoàn kết giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Lào.

Hội nghị Trung ương Mặt trận Lào Ítxala và Chính phủ Kháng chiến Lào (11/1954) xác định nhiệm vụ trung tâm của cách mạng Lào trong giai đoạn hiện tại là: Bảo vệ và xây dựng hai tỉnh tập kết thành căn cứ cách mạng của cả nước, xây dựng, phát triển các lực lượng vũ trang. Chính phủ Kháng chiến và Bộ Quốc phòng Lào đề nghị Việt Nam xây dựng kế hoạch và cử đoàn cố vấn quân sự giúp Lào củng cố, xây dựng Quân đội Pathét Lào.

Thực hiện chủ trương trên, hai nước Việt Nam, Lào đã phối hợp hoàn thành nhiệm vụ chuyển quân tập kết theo quy định của Hiệp định Gionevo và Hiệp định đình chiến ở Lào 1954. Bộ Quốc phòng Việt Nam quyết định thành lập Đoàn Cố vấn quân sự (Đoàn 100) giúp các đơn vị Quân đội Pathét Lào học tập về chính trị, quân sự, nâng cao trình độ chiến đấu; phối hợp với Bộ Chỉ huy tối cao Lào nghiên cứu, thống nhất kế hoạch tác chiến và phương thức bảo vệ hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ.

Sau một thời gian chuẩn bị và trước những chuyển biến mới của tình hình cách mạng, Đại hội thành lập Đảng Nhân dân Lào được tiến hành từ ngày 22 tháng 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1955 tại tỉnh Sầm Nưa. Việc Đảng Nhân dân Lào ra đời là một dấu mốc phát triển của phong trào cách mạng, tạo cơ sở vững chắc để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến ở Lào, đồng thời, là nhân tố trọng yếu, có ý nghĩa quyết định thúc đẩy quan hệ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng hai nước Lào – Việt Nam.

Đáp ứng yêu cầu đoàn kết rộng rãi lực lượng cách mạng trong giai đoạn mới, từ ngày 6 đến 31 tháng 1 năm 1956, Ủy ban Trung ương Neo Lào Ítxala tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại tỉnh Sầm Nưa. Đại hội quyết định đổi tên Neo Lào Ítxala thành Neo Lào Hắc Xạt (Mặt trận Lào yêu nước); đổi tên tờ báo Lào Ítxala, cơ quan ngôn luận của Mặt trận, thành Lào Hắc Xạt. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xạt, do Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch.

Sau khi Đảng Nhân dân Lào được thành lập, các lực lượng yêu nước Lào với sự phối hợp, hỗ trợ tích cực của các tổ chức quân sự và dân chính Việt Nam đã liên tiếp đánh bại các cuộc tiến công của các thế lực phái hữu trong chính quyền và quân đội Viêng Chăn vào vùng căn cứ cách mạng, gây cho địch nhiều thiệt hại. Những thắng lợi đó tác động tích cực đến xu hướng và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân Lào ở các đô thị, một vài nơi đã xuất hiện phong trào chống đế quốc Mỹ và tay sai, ủng hộ đường lối hoà bình, trung lập của Pathét Lào để thống nhất quốc gia.

Trong bối cảnh đó, ngày 2 tháng 11 năm 1957, Hoàng thân Xuphanuvông, đại diện Neo Lào Hắc Xạt và Hoàng thân Xuvana Phuma, đại diện Chính phủ Vương quốc Lào ký tuyên bố chung thoả thuận thành lập Chính phủ Liên hiệp, có Neo Lào Hắc Xạt tham gia. Tiếp đó, trong cuộc tuyển cử bổ sung quốc hội, ngày 4 tháng 5 năm 1958, các ứng cử viên của Pathét Lào và phía hoà bình, trung lập đều giành thắng lợi.

Không cam chịu thất bại, từ cuối năm 1958, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đẩy mạnh các hoạt động lật lọng, từng bước xoá bỏ các hiệp ước hoà hợp dân tộc đã được ký kết để cuối cùng xoá bỏ Chính phủ liên hiệp và hoà hợp dân tộc ở Lào. Chúng cho quân bao vây nhằm tước vũ khí hai tiểu đoàn vũ trang của Pathét Lào, bắt giam một số lãnh tụ Neo Lào Hắc Xạt và mở nhiều cuộc khủng bố, càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Trước sự can thiệp trắng trợn của đế quốc Mỹ vào Lào, ngày 4 tháng 5 năm 1959, lãnh đạo cấp cao của Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào trao đổi và thống nhất đẩy mạnh đấu tranh ở Lào, trước mắt phải tích cực xây dựng, phát triển lực lượng mọi mặt để sẵn sàng chuyển sang hoạt động quân sự rộng rãi trên cả nước; đồng thời tiếp tục giương cao ngọn cờ hoà bình, trung lập, hoà hợp dân tộc để tranh thủ dư luận trong và ngoài nước.

Sau khi Tiểu đoàn 2 của Neo Lào Hắc Xạt đóng tại Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng đã dũng cảm, mưu trí, phá vòng vây địch để rút ra vùng rừng núi phía đông, giáp với Việt Nam, Hội nghị Trung ương Đảng Nhân dân Lào (3/6/1959) xác định cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào đang chuyển từ đấu tranh công khai hợp pháp là chủ yếu, sang đấu tranh vũ trang là chủ yếu, kết hợp với các hình thức đấu tranh khác. Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam (2/7/1959) đề ra chủ trương chi viện cách mạng Lào đáp ứng yêu cầu

xây dựng, phát triển lực lượng trong tình hình mới và coi đây là một nhiệm vụ quốc tế hết sức quan trọng, có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

Theo yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân Lào về việc giải thoát các đồng chí lãnh đạo của Neo Lào Hắc Xát bị chính quyền Phủ Xánánicon bắt giam lỏng tại Viêng Chăn, Quân uỷ Trung ương Việt Nam quyết định thành lập một tổ công tác đặc biệt gồm 9 người, phối hợp với các đồng chí Lào hoạt động bí mật trong nội thành để thực hiện nhiệm vụ. Đêm 23 rạng ngày 24 tháng 5 năm 1960 dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ Viêng Chăn, cơ sở nội thành phối hợp với tổ công tác đặc biệt Việt Nam và binh lính, sĩ quan canh gác đã đưa Hoàng thân Xuphanuvông và 15 đồng chí bị bắt ra khỏi trại giam Phôn Khênh về căn cứ an toàn.

Trong khi cách mạng Lào có bước phát triển mới thì Chính phủ Vương quốc Lào lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, dẫn đến cuộc đảo chính (9/8/1960) của Tiểu đoàn dù 2 Viêng Chăn. Ủy ban đảo chính thành lập Chính phủ do Hoàng thân Xavana Phuma đứng đầu. Trước tình hình trên, Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra chủ trương: ủng hộ cuộc đảo chính, sẵn sàng hợp tác để thành lập chính phủ đi theo đường lối hòa bình, trung lập và gấp rút phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt. Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam (12/11/1960) xác định phương hướng nhiệm vụ quốc tế của Việt Nam ở Lào trong lúc này tập trung vào: phối hợp chiến đấu bảo toàn lực lượng, chuẩn bị tạo thế tấn công mới; củng cố hậu phương Viêng Chăn, củng cố căn cứ địa Sầm Nưa...

Theo đề nghị của Đảng Nhân dân Lào và Chính phủ Phuma, Việt Nam cử cán bộ và một bộ phận pháo binh sang Viêng Chăn, đồng thời các Quân khu 4, Quân khu Tây Bắc (Việt Nam) khẩn trương phối hợp với các lực lượng vũ trang Lào tiến công địch ở sát biên giới, hỗ trợ tích cực cho cuộc chiến đấu bảo vệ Viêng Chăn.

Thực hiện sự chỉ đạo trên, các lực lượng vũ trang yêu nước Lào và bộ đội tình nguyện Việt Nam đã phối hợp chiến đấu dũng cảm, đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch vào Thủ đô Viêng Chăn, đồng thời mở rộng tiến công địch ở nhiều nơi, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Đến đầu năm 1961, lực lượng cách mạng Lào đã giành được nhiều thắng lợi mới quan trọng.

Từ đầu năm 1961, đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn đẩy mạnh việc đánh phá hòng ngăn chặn việc vận chuyển của Đoàn 559 trên tuyến Đông Trường

Son. Để đáp ứng yêu cầu chi viện ngày càng lớn cho chiến trường miền Nam và cách mạng Lào, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào đã thảo luận, thống nhất chủ trương mở đường vận chuyển chiến lược sang phía Tây Trường Sơn. Được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân các bộ tộc Lào, các đoàn công tác quân sự Việt Nam đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng, phục vụ cho việc mở tuyến đường mới dọc Tây Trường Sơn trên đất Lào.

Việc chuyển hướng vận chuyển chiến lược sang Tây Trường Sơn không chỉ tạo ra thế và lực mới cho cách mạng hai nước Việt Nam, Lào, mà còn thể hiện ý chí quyết tâm cao của hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Lào trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, giành độc lập, tự do.

Do sức mạnh đấu tranh của nhân dân Lào, đế quốc Mỹ và tay sai phải chấp nhận ngừng bắn, mở hội nghị hiệp thương ba phái (Neo Lào Hắc Xát, Phuma và Bun ùm – Phumi) vào tháng 5 năm 1961, nhưng do thái độ ngoan cố của phe Mỹ, việc thành lập Chính phủ ba phái ở Lào bị bế tắc.

Trước tình hình trên, ngày 9 tháng 7 năm 1961, Trung ương Đảng Nhân dân Lào và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam hội đàm để bàn về phương hướng của cách mạng Lào và thống nhất một số nguyên tắc trong quan hệ giữa hai Đảng. Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Nhất trí nhưng không miễn cưỡng, phải bàn bạc phân minh, nêu cho hết ý kiến nhưng quyết định là Đảng Lào, vì cách mạng Lào là do người Lào làm lấy... giúp nhiều mấy cũng chỉ được 1/10 còn tự lực là 9/10”¹.

Trên cơ sở kết quả hội đàm giữa Trung ương Đảng Nhân dân Lào và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào (20/7/1961) và (22/11/1961) xác định nhiệm vụ: đấu tranh thành lập Chính phủ liên hiệp trên nguyên tắc thực hiện chính sách hòa bình, trung lập; đồng thời tích cực xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn, gây áp lực cho đàm phán. Đặc biệt, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào (10/4/1962) nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh phối hợp với Việt Nam chiến đấu đánh bại các cuộc tiến công lấn chiếm của địch và mở rộng vùng giải phóng, tạo đà phát triển cho cách mạng Lào.

Do bị thất bại nặng nề và liên tiếp trên các mặt trận, đế quốc Mỹ và chính quyền Viêng Chăn phải thành lập *Chính phủ liên hiệp dân tộc lần thứ hai*, có lực lượng Pathét Lào tham gia (12/6/1962) và ký kết Hiệp định Gionevor

¹ *Những sự kiện chính trị ở Lào*, Tài liệu của CP38, tr.140.

(23/7/1962) với sự tham gia của 14 nước, công nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

Việc ký kết Hiệp định Giơnevơ 1962, giải quyết hoà bình vấn đề Lào ghi nhận bước phát triển vượt bậc của cách mạng Lào, góp phần củng cố tình đoàn kết hữu nghị, liên minh chiến đấu giữa nhân dân hai nước Việt Nam, Lào.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào, ngày 5 tháng 9 năm 1962, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Vương quốc Lào chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Đại sứ Việt Nam Lê Văn Hiến và Đại sứ Lào Thạo Pheng là những sứ giả đầu tiên của hai nước. Việc hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao đánh dấu bước phát triển mới của quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc Việt Nam và Lào.

Đầu năm 1963 vua Lào Xixávang Váthana dẫn đầu đoàn đại biểu Hoàng gia Lào thăm Việt Nam. Trong buổi chiêu đãi vua Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Hai dân tộc Việt và Lào sống bên nhau trên cùng một dải đất, cùng có chung một dãy núi Trường Sơn. Hai dân tộc chúng ta đã nương tựa vào nhau, giúp đỡ lẫn nhau như anh em... Ngày nay chúng ta lại đang giúp đỡ nhau để xây dựng một cuộc sống mới. Tình nghĩa láng giềng anh em Việt - Lào thật là thắm thiết không bao giờ phai nhạt được”¹. “Thật là:

Thương nhau mấy núi cũng trèo.

Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua

Việt – Lào, hai nước chúng ta

Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”².

Mặc dù Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào được ký kết, đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược Lào, tăng cường viện trợ, giúp chính quyền Viêng Chăn tiến công lấn chiếm vùng giải phóng, đồng thời ra sức phá hoại Chính phủ liên hiệp, cô lập và vu cáo Neo Lào Hắc Xát.

Trước tình hình có chiều hướng phức tạp, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào (15/2/1963) đề ra nhiệm vụ: đấu tranh bảo vệ Chính phủ liên hiệp, bảo vệ hòa bình và ra sức củng cố, phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt. Hội nghị xác định quân đội Pathét Lào phải tích cực hoạt

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr 37.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr 44.

động quân sự làm hậu thuẫn cho đấu tranh chính trị, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu lấn chiếm của địch.

Từ ngày 18 đến ngày 24 tháng 4 năm 1963, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương Đảng Nhân dân Lào hội đàm để thống nhất các hoạt động phối hợp và giúp đỡ nhau có hiệu quả hơn. Đặc biệt, tại cuộc hội đàm (7/1963) bàn về phương hướng phát triển của cách mạng Lào, hai Đảng thống nhất nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng lực lượng cả về quân sự và chính trị, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài. Trung ương Đảng Nhân dân Lào đề nghị Việt Nam tăng cường lực lượng chuyên gia giúp Lào toàn diện, từ chủ trương, chính sách đến tổ chức thực hiện; trong đó, về quân sự, giúp Lào thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản là xây dựng chính trị, tư tưởng, tổ chức Đảng trong quân đội và củng cố, phát triển phong trào chiến tranh du kích.

Thực hiện chủ trương trên, từ cuối năm 1963, đầu năm 1964, Việt Nam cử hơn 2.000 chuyên gia quân sự sang làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào. Tiếp đó, từ giữa năm 1964, thành lập hệ thống chuyên gia quân sự Việt Nam từ trên cơ quan Tổng tư lệnh Lào xuống đến Bộ tư lệnh các quân khu, tỉnh đội và cấp tiểu đoàn, có nhiệm vụ phối hợp với bạn để nghiên cứu kế hoạch tác chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng và củng cố các vùng căn cứ ở Lào. Đồng thời, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với bộ đội Pathét Lào mở nhiều chiến dịch, chủ yếu ở khu vực đường 9 – Trung Lào, Cánh đồng Chum – Xiêng Khoảng, đập tan các cuộc tấn công lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng Lào, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Việt Nam vận chuyển trên đường Tây Trường Sơn để chi viện cho chiến trường miền Nam Việt Nam và cách mạng hai nước Lào, Campuchia.

Những hoạt động phối hợp giữa quân và dân hai nước Việt Nam – Lào trong xây dựng lực lượng và chiến đấu nói trên đã tạo sự chuyển biến rất có lợi về quân sự, chính trị cho lực lượng cách mạng Lào, góp phần bảo vệ và phát triển tuyến đường Tây Trường Sơn.

Từ giữa năm 1965, do bị thất bại nặng nề trong âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng và không thực hiện được ý đồ phá hoại, chia rẽ giữa các lực lượng cách mạng và yêu nước Lào, đế quốc Mỹ thực hiện bước leo thang chiến tranh mới, đưa lực lượng không quân Mỹ vào tham chiến ở Lào, đẩy chiến tranh đặc biệt ở Lào phát triển đến cao độ; đồng thời tiến hành chiến lược “chiến tranh

cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ra miền Bắc Việt Nam.

Trước những động thái mới của địch, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào (5/1965) nêu cao quyết tâm đánh bại chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ ở Lào và đề ra nhiệm vụ: Đẩy mạnh đấu tranh quân sự, phát triển chiến tranh nhân dân; tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân; củng cố và mở rộng vùng giải phóng thành quy mô của một quốc gia.

Do yêu cầu tăng cường đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược, ngày 22 tháng 6 năm 1965, Đảng Lao động Việt Nam hội đàm với Đảng Nhân dân Lào thống nhất các nội dung phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau, trong đó tập trung giúp Lào xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt với quy mô một quốc gia, xây dựng lực lượng vũ trang. Tiếp đó, ngày 3 tháng 7 năm 1965, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết khẳng định: “*Việt Nam cần phải nỗ lực đáp ứng đến mức cao nhất mọi yêu cầu đối với công cuộc phát triển cách mạng của Lào*”¹.

Thực hiện chủ trương giúp đỡ lẫn nhau đã được hai Đảng thống nhất, Việt Nam cử một số đơn vị quân tình nguyện và các đoàn chuyên gia quân sự, chính trị, kinh tế, và văn hóa sang làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào với số lượng ngày càng lớn theo yêu cầu của cách mạng Lào. Đến năm 1967, số cán bộ, công nhân Việt Nam tham gia xây dựng các lĩnh vực kinh tế, văn hóa ở Lào lên tới 15.000 người; riêng chuyên gia về quân sự lên tới 8.500 người.

Nêu cao tinh thần đồng cam cộng khổ, các lực lượng Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế đã kề vai sát cánh cùng quân và dân Lào ra sức xây dựng vùng giải phóng Lào về mọi mặt; xây dựng và nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang cách mạng Lào; đánh địch lấn chiếm, giữ vững và mở rộng các khu căn cứ; bảo vệ vững chắc tuyến vận tải chiến lược tây Trường Sơn. Đặc biệt, đầu năm 1968, bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân giải phóng Lào mở chiến dịch tiến công Nậm Bạc thắng lợi, giải phóng hoàn toàn khu vực Nậm Bạc – Khăm Đeng với trên một vạn dân, nối liền vùng giải phóng Thượng Lào thành khu vực liên hoàn, tạo thế vững chắc cho hậu phương cách mạng Lào và hỗ trợ thiết thực cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Campuchia.

¹ Nghị quyết Bộ Chính trị về công tác Lào, Hồ sơ: TW 364; trang 28; Văn phòng Bộ Quốc phòng.

Những thắng lợi trên thể hiện nấc thang phát triển mới của lực lượng cách mạng Lào, đồng thời khẳng định sức mạnh to lớn của quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân hai nước, củng cố sự gắn bó mật thiết giữa hai Đảng và hai dân tộc Việt Nam – Lào, trong đó thể hiện tình cảm chân thành nhất mực, sắt son của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng Lào, như đồng chí Cay xôn Phômvihản phát biểu trong cuộc hội đàm giữa Đảng Nhân dân Lào và Đảng Lao động Việt Nam (12/1968) đã nhấn mạnh: “*Sự giúp đỡ của Việt Nam cho cách mạng Lào hết sức tận tình và vô tư. Việt Nam đã giúp Lào cả vật chất và xương máu. Xương máu của nhân dân Việt Nam đã nhuộm đỏ khắp nơi trên đất nước Lào vì nền độc lập của Lào... Sự giúp đỡ của Việt Nam đối với Lào đã xây dựng nên mối quan hệ đặc biệt, thực tế đó cũng là sự vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản*”¹.

Mặc dù bị thất bại, từ năm 1969, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh, đưa chiến tranh đặc biệt ở Lào lên đến đỉnh cao với sự tham gia ngày càng nhiều của lực lượng không quân Mỹ và quân đội các nước tay sai, chư hầu của Mỹ, đồng thời tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh sang Campuchia. Những âm mưu, thủ đoạn và hành động chiến tranh mới của đế quốc Mỹ đã gây nhiều khó khăn, phức tạp cho cách mạng ba nước Đông Dương.

Trước âm mưu và thủ đoạn chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã ra chỉ thị khẳng định tăng cường đoàn kết giữa nhân dân hai nước, quyết tâm đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trong bất cứ tình huống nào. Ngày 18 tháng 7 năm 1969, Quân ủy Trung ương Việt Nam hội đàm với Quân ủy Trung ương Lào thống nhất các nội dung phối hợp và giúp đỡ nhau trên lĩnh vực quân sự, đồng thời xác định nhiệm vụ cách mạng Lào tập trung vào việc xây dựng, tăng cường lực lượng về mọi mặt; nâng cao chất lượng ba thứ quân; đẩy mạnh đấu tranh ở cả hai vùng nông thôn và thành thị, trên cả ba mặt quân sự, chính trị, ngoại giao; củng cố vững chắc các địa bàn đứng chân, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng; chú trọng sản xuất, bồi dưỡng sức dân... Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng Nhân dân Lào (25/6/1970) xác định nhiệm vụ cách mạng Lào trong hai năm tiếp theo là: Nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, phát huy thể chủ động tiến công địch về mọi mặt; ra sức củng cố vùng giải phóng; xây dựng và

¹ Dẫn theo *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam 1930-2007*, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.439.

phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt. Hội nghị nhấn mạnh cần phải tăng cường đoàn kết hơn nữa với nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia anh em trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược.

Thực hiện chủ trương trên, từ năm 1969, hai nước Việt Nam và Lào càng tích cực đẩy mạnh các hoạt động phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt.

Về quân sự, Quân ủy Trung ương Việt Nam quyết định tăng cường cán bộ cho các đoàn chuyên gia quân sự từ Trung ương đến các tỉnh theo yêu cầu của Lào. Các lực lượng chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Lào đã đẩy mạnh nhiều hoạt động, vừa chú trọng giúp bạn xây dựng, nâng cao khả năng, trình độ chiến đấu của bộ đội Lào, vừa cùng quân giải phóng Lào chiến đấu, đánh bại nhiều cuộc tiến công lấn chiếm của địch, quan trọng nhất là đập tan các chiến dịch Cù Kiệt (10/1969 – 4/1970), chiến dịch Đường 9 – Nam Lào (3/1971), giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, trong đó có vùng chiến lược Cánh đồng Chum – Xiêng Khoảng, bảo vệ vững chắc và thông suốt tuyến vận tải chiến lược Tây Trường Sơn.

Về chính trị, ngoại giao, Việt Nam tích cực ủng hộ giải pháp năm điểm của Neo Lào Hắc Xạt (3/1970) để giải quyết vấn đề Lào trên cơ sở Hiệp định Giơnevơ 1962; phối hợp chặt chẽ với Lào tích cực đóng góp cho thành công của Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương (4/1970) và việc thành lập Mặt trận thống nhất chống Mỹ, góp phần tăng cường liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, đồng thời tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, làm cho nội bộ địch, kẻ cả giới cầm quyền Mỹ bị chia rẽ sâu sắc.

Về lĩnh vực xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, các bộ, ngành của Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác, giúp đỡ với các bộ, ngành của Lào, như: lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ, thủ công và địa chất (2/1972); giao thông vận tải (4/1972); thuỷ lợi (5/1972), nhằm nâng cao tốc độ phát triển kinh tế trong vùng giải phóng Lào.

Với sự nỗ lực vượt bậc của bản thân và cùng với sự đoàn kết, giúp đỡ vô tư, trong sáng của Việt Nam, đến cuối năm 1972, cách mạng Lào đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Lực lượng vũ trang cách mạng Lào với hơn 3 vạn quân tập trung cùng hơn 5 vạn dân quân du kích trên khắp mọi miền của đất nước không ngừng trưởng thành, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong những trận đọ sức quyết định. Vùng giải phóng Lào được mở rộng, củng cố, đã

nối liền từ Bắc đến Nam và từng bước xây dựng theo quy mô một quốc gia, có nền tài chính riêng, có một số xí nghiệp công nghiệp nhỏ, thương nghiệp quốc doanh, nhiều tỉnh đã bước đầu tự túc được lương thực... Nhân dân các bộ tộc Lào trong vùng giải phóng từ địa vị nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, tích cực tham gia xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, xây dựng cuộc đời mới của mình. Đặc biệt, Đảng Nhân dân Lào tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai: quyết định đổi tên Đảng thành *Đảng Nhân dân cách mạng Lào* và suy tôn đồng chí Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng; thông qua Nghị quyết: “*Tăng cường đoàn kết Lào – Việt*”, trong đó khẳng định *tình đoàn kết Lào – Việt trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh thần quốc tế vô sản là mối quan hệ đặc biệt*. Đại hội đánh dấu sự trưởng thành về chính trị và tổ chức của Đảng Nhân dân cách mạng Lào – nhân tố trọng yếu, có ý nghĩa quyết định thúc đẩy quan hệ đặc biệt, liên minh chiến đấu Lào – Việt Nam lên bước phát triển mới.

Những chiến thắng to lớn về nhiều mặt nói trên đã trực tiếp góp phần quan trọng buộc chính phủ Viêng Chăn phải ký kết Hiệp định “*lập lại hoà bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào*” (21/2/1973), tạo điều kiện và thời cơ rất thuận lợi để thúc đẩy cách mạng Lào tiến lên, đồng thời mở ra cơ hội mới cho liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào đẩy mạnh đấu tranh giành thắng lợi hoàn toàn.

Tuy phải chấp nhận cho chính quyền tay sai Viêng Chăn ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Lào (2/1973), nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục câu kết và sử dụng lực lượng phản động Lào để phá hoại việc thi hành Hiệp định Viêng Chăn, gây lại tình hình căng thẳng ở Lào và chống phá cách mạng Đông Dương.

Trước tình hình trên, Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào chủ trương: giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hòa hợp dân tộc để tập hợp lực lượng đấu tranh đòi đối phương thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định; nâng cao cảnh giác, quyết tâm đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù; tăng cường lực lượng về mọi mặt, tạo điều kiện đi đến xây dựng một nước Lào độc lập, dân chủ, trung lập, thống nhất và thịnh vượng. Để xây dựng và củng cố vùng giải phóng ngày một vững mạnh làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh, Trung ương Đảng Nhân dân Lào đề nghị Việt Nam tiếp tục cử chuyên gia giúp Lào, nhất là về các ngành hành chính sự nghiệp, kinh tế, văn hóa...

Đáp ứng yêu cầu của cách mạng Lào trong tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (7/1973) chủ trương phối hợp

và hỗ trợ Lào phát huy thắng lợi đã đạt được, củng cố và đẩy mạnh các hoạt động buộc đế quốc Mỹ phải thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Viêng Chăn. Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã chỉ thị cho các đơn vị quân tình nguyện và đội ngũ chuyên gia làm nghĩa vụ quốc tế ở Lào tăng cường lực lượng, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ do cách mạng Lào đặt ra.

Tại cuộc hội đàm giữa hai đoàn đại biểu cấp cao Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào (12/1973), hai bên đã thống nhất xác định nhiệm vụ quan trọng nhất trong tình hình hiện tại để đưa cách mạng Lào tiến lên là: củng cố, xây dựng vùng giải phóng; nắm chắc lực lượng vũ trang, đi đôi với việc sử dụng Chính phủ liên hiệp; đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong hai thành phố trung lập và trong vùng đối phương quản lý. Để nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng hai nước, hai Đảng đã nhất trí phương hướng hợp tác cần tập trung vào *những vấn đề cơ bản nhất, những khâu then chốt nhất*, tạo điều kiện cho Lào nhanh chóng đảm đương được công việc một cách độc lập, tự chủ. Riêng về quân sự, hai Đảng thống nhất cần phải bố trí lại lực lượng phù hợp tình hình mới: Đưa các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đứng chân ở tuyến sau, giúp bảo vệ, giữ vững vùng giải phóng, đề phòng địch bất ngờ tiến công lấn chiếm; đưa bộ đội giải phóng Lào lên phía trước, trực tiếp tiếp xúc với địch, gây áp lực, làm chỗ dựa cho quần chúng đấu tranh và sẵn sàng tiến công địch khi cần thiết.

Thực hiện chủ trương trên, Việt Nam từng bước rút chuyên gia ở tỉnh và huyện về nước (trước tháng 5/1974), đồng thời điều chỉnh các lực lượng chuyên gia và quân tình nguyện còn lại để phối hợp và giúp Lào thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Về quân sự, Việt Nam cử các đội công tác và chuyên gia phối hợp với cán bộ Lào xây dựng cơ sở, củng cố các đội du kích, tổ chức huấn luyện quân sự; tham gia công tác tổng kết, tổng hợp tình hình, theo dõi, giúp đỡ các cụm chủ lực Lào; quân tình nguyện Việt Nam phối hợp chặt chẽ với bộ đội Lào đập tan nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở Luông Phạbang, tây Mường Xú - Xala Phu Khun, đông và nam Thà Khếch, nam Đường số 9, nam Pạc Xê, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng và hỗ trợ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân ở vùng địch kiểm soát.

Về kinh tế, văn hóa, các chuyên gia Việt Nam đã phối hợp tích cực, cùng với cán bộ và nhân dân Lào đẩy mạnh sản xuất, xây dựng kinh tế, văn hóa, giáo

dục trong vùng giải phóng, góp phần giải quyết những yêu cầu cấp bách về đời sống của nhân dân và chuẩn bị các mặt cho việc phát triển kinh tế của vùng giải phóng trong những năm tiếp theo.

Về đối ngoại, từ cuối năm 1973, Việt Nam đã tổ chức các đoàn đại biểu đại diện của Đảng Lao động và Nhà nước sang thăm hữu nghị chính thức vùng giải phóng Lào, như: chuyến thăm của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương, từ ngày 2 đến ngày 6 tháng 11 năm 1973; chuyến thăm của Đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ dẫn đầu (1/1974); chuyến thăm của Đoàn đại biểu phụ nữ giải phóng miền Nam do bà Nguyễn Thị Định dẫn đầu (4/1974)... Việt Nam cũng phối hợp và giúp Lào đón nhiều đoàn đại biểu của các nước đến thăm vùng giải phóng Lào, như: Đoàn đại biểu Quốc hội Thụy Điển, Đoàn đại biểu kinh tế Cu-ba (1/1974); Đoàn đại biểu Đảng Công nhân xã hội thống nhất Hung-ga-ry, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Bun-ga-ry (2/1974); Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Cu-ba (2/1974)...

Sự phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ hiệu quả giữa Việt Nam và Lào nói trên, đã làm cho thế và lực của cách mạng Lào lớn mạnh vượt bậc, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng lan rộng và sôi nổi, nhất là ở Thủ đô Viêng Chăn. Chính phủ liên hiệp Lào buộc phải chấp nhận Cương lĩnh chính trị 18 điểm và Chương trình hành động 10 điểm do Mặt trận Lào yêu nước đưa ra (12/1974). Sự phát triển của cách mạng Lào đã hỗ trợ tích cực cho nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Trước thắng lợi dồn dập, to lớn của nhân dân Việt Nam, Campuchia trong tháng 4 năm 1975, nhất là chiến thắng giải phóng hoàn toàn miền Nam (30/4/1975) của nhân dân Việt Nam, ngày 5 tháng 5 năm 1975, Bộ Chính trị Đảng nhân dân cách mạng Lào tổ chức Hội nghị mở rộng, quyết định phát động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong cả nước nổi dậy đoạt lấy chính quyền và giành thắng lợi hoàn toàn.

Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ra đời (12/1975) là thắng lợi to lớn, triệt để của nhân dân các bộ tộc Lào, đồng thời cũng là *thắng lợi quan trọng của mối quan hệ đặc biệt, liên minh đoàn kết chiến đấu, thủy chung, son sắt giữa hai dân tộc Việt Nam và Lào.*

* * *

Với đặc điểm “Đông Dương là một chiến trường”, cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào, từ năm 1945 đến năm 1975, nhất thiết phải liên kết, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau, vừa là thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, vừa vì lợi ích của mỗi quốc gia, như lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định: “*Giúp bạn là mình tự giúp mình*”.

Hiệu quả của Liên minh chiến đấu là sự lớn mạnh không ngừng của lực lượng cách mạng ở Việt Nam và ở Lào, là sự trưởng thành vượt bậc của lực lượng lãnh đạo ở mỗi nước mà sự phát triển Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam (2/1951) và Đảng Nhân dân cách mạng Lào (4/1955) là những minh chứng sinh động nhất. Hiệu quả của Liên minh chiến đấu còn là sự hình thành trên thực tế một khối đoàn kết thống nhất, một lực lượng chiến đấu chung của ba nước Việt Nam – Campuchia – Lào dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của nhau, tạo nên sức mạnh vô địch đánh bại những đế quốc xâm lược hung hãn, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì độc lập, tự do, hòa bình và tiến bộ xã hội.

Qua quá trình liên minh chiến đấu, hai dân tộc Việt Nam – Lào càng thêm tin tưởng, gắn bó khăng khít, tình cảm giành cho nhau thêm sâu sắc, đậm đà. Đó chính là nền móng vững chắc để tăng cường, phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam trong thời kỳ lịch sử mới.

Chương III

HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM – LÀO (1975 – 2017)

I. HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM – LÀO, GIAI ĐOẠN 1975 - 1985.

Sau năm 1975, quan hệ Việt Nam và Lào bước sang một trang hoàn toàn mới: từ liên minh chiến đấu chung một chiến hào sang hợp tác toàn diện giữa hai quốc gia có độc lập chủ quyền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, nhân dân hai nước càng có điều kiện phát huy truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó keo sơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, xây dựng và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện về chính trị, quốc phòng an ninh, kinh tế, văn hoá, giáo dục... Đây chính là đặc điểm quan trọng nhất, dẫn tới sự thay đổi về chất trong nội dung, phương thức và các nguyên tắc quan hệ giữa hai quốc gia, nâng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai nước lên tầm cao mới.

Tuy nhiên, quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam và Lào sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đối diện với những khó khăn không nhỏ. Hai nước đều phải ra sức khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh kéo dài 30 năm; nền kinh tế của Việt Nam và Lào về cơ bản đều là nền kinh tế nông nghiệp có trình độ canh tác, năng suất và sản lượng rất thấp; tư duy lãnh đạo kinh tế còn mang nặng tính tập trung bao cấp từ thời chiến... Tình hình quốc tế lại có những chuyển biến phức tạp, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, như là Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ, dẫn đến khủng hoảng từ thập niên 80 thế kỷ XX... Các thế lực thù địch trong nước và bên ngoài câu kết, tìm cách chia rẽ Lào với Việt Nam, Việt Nam với Lào. Đặc biệt, sau khi quân đội và chuyên gia Việt Nam rút về nước đầu năm 1976 theo thỏa thuận giữa hai Đảng và Chính phủ hai nước, các thế lực phản động trong nước Lào, với sự hỗ trợ của các thế lực thù địch quốc tế, đã hoạt động nổi dậy ở nhiều nơi, gây nên những nguy cơ bất ổn về an ninh chính trị của Lào.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu phải phát triển và thắt chặt quan hệ đặc biệt hai nước Việt Nam và Lào phù hợp với chuyển biến của thời cuộc.

Ngày 30 tháng 4 năm 1976, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết *Về tăng cường giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới*, xác định: việc tăng cường đoàn kết, giúp đỡ, hợp tác đối với Lào là

một trong những nhiệm vụ quốc tế hàng đầu của Đảng và nhân dân Việt Nam, cũng là vì lợi ích thiết thân của cách mạng Việt Nam.

Đặc biệt, từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 7 năm 1977, Đoàn đại biểu cao cấp Đảng và Chính phủ Việt Nam do Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức Lào. Hai bên đã trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế quan trọng mà hai bên cùng quan tâm, cũng như các vấn đề nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước, trên cơ sở đáp ứng nguyện vọng thiết tha và lợi ích sống còn của hai dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày 18 tháng 7 năm 1977, hai nước chính thức ký kết các Hiệp ước: *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; và ra Tuyên bố chung tăng cường sự tin cậy và hợp tác lâu dài giữa hai nước.*

*Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có giá trị trong 25 năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm từng 10 năm nếu một trong hai bên không thông báo cho bên kia muốn hủy bỏ Hiệp ước ít nhất là một năm trước khi hết hạn. Đây là Hiệp ước toàn diện, mang tính chiến lược lâu dài, tạo cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng cường lâu dài tình đoàn kết, mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào. Hiệp ước nêu rõ: Hai bên cam kết ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, không ngừng tăng cường tình đoàn kết và tin cậy lẫn nhau, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trên tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản và theo nguyên tắc *hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.* Việc ký kết hiệp ước là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước, đồng thời, có ý nghĩa quốc tế quan trọng, nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng giữa hai nước đang cùng hướng tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội và phát huy ảnh hưởng tích cực trong khu vực.*

Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia là một biểu hiện tốt đẹp của việc giải quyết vấn đề lợi ích dân tộc trên tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, là mẫu mực về

chính sách láng giềng hữu nghị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, nhân dân hai nước đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành quả to lớn trong mười năm hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam.

- Hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại

Mối quan hệ hợp tác về chính trị trong giai đoạn này tập trung vào nỗ lực của hai nước trong việc ủng hộ, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau trong việc hiện thực hóa mục tiêu cùng lựa chọn là tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong khi tập trung lãnh đạo giải quyết những vấn đề của Lào để ổn định và phát triển như: giữ vững chủ quyền lãnh thổ, duy trì an ninh nội địa, bảo vệ chế độ mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, phục hồi, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tranh thủ viện trợ nước ngoài, v.v... đã không ngừng tìm tòi, học hỏi kinh nghiệm và nghiên cứu lý luận của quốc tế để hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân, tạo tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của Lào. Đồng chí Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản nghiên cứu kỹ tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh để vận dụng vào công tác xây dựng Đảng ở Lào... Các nhà lãnh đạo Lào tiến hành trao đổi kinh nghiệm với Việt Nam về bảo đảm ổn định chính trị, từng bước đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp (trang trại), lưu thông thương mại, v.v....

Tình hình đời sống mọi mặt của nước Lào dần đi vào ổn định, độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự xã hội được giữ vững; chế độ dân chủ nhân dân được bảo vệ đã ảnh hưởng tích cực đến sự ổn định và từng bước đi lên của Việt Nam. Bên cạnh đó, sự chia sẻ của Lào với Việt Nam trên lĩnh vực an ninh chính trị, kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội đã tạo niềm tin và là sức mạnh vô giá, giúp Việt Nam bảo đảm được lợi ích trực tiếp về an ninh và phát triển ở biên giới đất liền phía Tây. Đồng chí Cayxôn Phômvihản thường xuyên nhấn mạnh quan điểm lập trường trước sau như một ủng hộ Việt Nam của Lào: Lào vững mạnh, độc lập thì Việt Nam ổn định, phồn vinh.

Về phía Việt Nam, mặc dầu phải giải quyết nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh, phải tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới phía

Bắc và phía Tây Nam, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn nhận thức sâu sắc mối quan hệ tương hỗ của cách mạng hai nước trong giai đoạn mới: “Lào có ổn định thì Việt Nam mới ổn định và ngược lại”. Vì vậy, Việt Nam đã cố gắng đáp ứng các yêu cầu chi viện và hợp tác với Lào một cách toàn diện, theo tinh thần vô tư “không tính thiệt hơn”. Các cuộc hội đàm hằng năm giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, các cuộc gặp gỡ trao đổi khi có việc đột xuất giữa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, giữa các bộ, ban, ngành, đoàn thể Việt Nam đã góp phần giúp Lào kinh nghiệm về giải quyết các khó khăn, giải tỏa kịp thời các vướng mắc xảy ra, củng cố niềm tin của Lào về thiện chí của Việt Nam.

Giải quyết thành công vấn đề biên giới giữa hai nước là một thành tựu nổi bật của hợp tác chính trị trong giai đoạn này. Triển khai Hiệp định hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước (18/7/1977), hai bên thỏa thuận lấy đường biên giới mà Pháp vẽ trên bản đồ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương làm cơ sở đối chiếu chính, so sánh cho việc phân chia biên giới trên thực địa. Từ ngày cắm mốc đầu tiên (25/7/1978), sau 8 năm thực hiện Hiệp định, đến ngày 24 tháng 1 năm 1986, việc phân giới và cắm mốc trên thực địa toàn tuyến biên giới Việt - Lào đã hoàn thành. Kết quả phân định chính thức đường biên giới quốc gia giữa hai nước thể hiện nguyên tắc trong quan hệ hai nước: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau cũng như lợi ích chính đáng của mỗi bên, phù hợp với luật pháp quốc tế và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước muốn có một đường biên giới hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển lâu dài.

Trong quan hệ đối ngoại, theo tinh thần của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước nhất trí phối hợp chặt chẽ về đường lối hoạt động đối ngoại, phát huy hiệu quả công tác đối ngoại mỗi nước và sức mạnh của ba nước Đông Dương trên trường quốc tế, góp phần làm cho môi trường an ninh chính trị Đông Nam Á đi dần vào ổn định, thể hiện thiện chí của các nước Đông Dương xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Đặc biệt, đứng trước những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực và quốc tế, Lào đã chủ động giúp Việt Nam tháo gỡ những vướng mắc trong quan hệ với các nước khác trong khu vực.

Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt Nam và Lào tiếp tục được khẳng định, đề cao tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/1982) và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (4/1982). Báo cáo chính trị của Ban chấp

hành Trung ương hai Đảng đều khẳng định sự tất yếu khách quan phải tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt, hữu nghị hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong hai ngày 22 và 23 tháng 2 năm 1983, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương diễn ra tại Thủ đô Viêng Chăn, tập trung thảo luận và đề ra những nguyên tắc, phương hướng, biện pháp nhằm tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của mỗi nước, tạo nhân tố quan trọng đối với hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và thế giới. *Hội nghị đã nhất trí đề ra 4 nguyên tắc chỉ đạo mới quan hệ giữa ba nước*, trong đó nhấn mạnh quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, với tinh thần hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của mỗi nước và vì lợi ích chung của ba dân tộc, trên tinh thần hữu nghị anh em, hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi.

Tiếp đó, *Tuyên bố chung Việt Nam - Lào năm 1985*, một lần nữa khẳng định quyết tâm của hai bên củng cố hơn nữa tình hữu nghị vĩ đại và tình đoàn kết chiến đấu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cách mạng hai nước đã dày công vun đắp; tăng cường sự hợp tác toàn diện, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật; tích cực thực hiện các thỏa thuận giữa hai nước và những thỏa thuận của Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương. Tuyên bố chung cũng thể hiện nguyện vọng của nhân dân ba nước Đông Dương và ASEAN cùng nhau giải quyết những vấn đề khu vực bằng đàm phán trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

- Hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Trên nền tảng quan hệ chặt chẽ về chính trị giữa hai nước, những năm 1976 – 1985, hợp tác quốc phòng, an ninh ngày càng đi vào chiều sâu, phù hợp với tình hình mới, góp phần tích cực vào việc bảo đảm củng cố quốc phòng, an ninh, ổn định xây dựng của mỗi đất nước.

Do tình hình phức tạp trong nước và khu vực, trước yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ của Lào, tháng 12 năm 1976, Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra nghị quyết đề nghị Việt Nam đưa lực lượng quân đội sang hỗ trợ quân đội Lào nhằm ổn định tình hình, ngăn ngừa các nguy cơ

chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước. Trung tuần tháng 9 năm 1977, Đoàn đại biểu quân sự cấp cao nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào do đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chỉ huy tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Lào sang thăm và làm việc với Bộ Quốc phòng Việt Nam, hai bên đã ký *Hiệp ước phòng thủ* ngày 22 tháng 9 năm 1977.

Ngày 28 tháng 6 năm 1978, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Sắc lệnh thành lập Binh đoàn 678 trực thuộc Bộ Quốc phòng. Binh đoàn 678 do Trung tướng Trần Văn Quang làm tư lệnh kiêm chính ủy, gồm ba sư đoàn bộ binh (324, 968, 337), một số phân đội binh chủng làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào. Binh đoàn 678 có nhiệm vụ cùng Lào xây dựng nền kinh tế và nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong cả nước Lào, tăng cường và bảo vệ khối liên minh Việt – Lào, không ngừng củng cố và phát triển tình hữu nghị đặc biệt giữa hai dân tộc.

Trong hơn một năm (8/ 1977 đến 13/11/1978) hoạt động phối hợp giữa lực lượng quân sự Lào với Sư đoàn bộ binh 324 là đợt hoạt động giành thắng lợi lớn nhất kể từ sau năm 1975, thể hiện tính hiệp đồng tác chiến cao và chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang hai nước trên các địa bàn xung yếu, đập tan các âm mưu, ý đồ chống phá, gây bạo loạn của Mỹ và các thế lực thù địch, thu hồi lại nhiều địa bàn quan trọng ở vùng rừng núi của Lào, nhất là ở các tỉnh: Xiêng Khoảng, Bolikhămxay, Luông Phabang, Viêng Chăn, khu vực biên giới giáp một số tỉnh miền Trung Việt Nam (Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh...), bảo đảm được an ninh trên các trục đường giao thông chiến lược như các đường 7, 9, 13... Đặc biệt, sự kiện tháng 5 năm 1985, Quân khu 4 Việt Nam đã sử dụng tiểu đoàn 31 đặc công quân khu và một số đơn vị bộ binh cùng các đơn vị vũ trang Lào phá tan sào huyệt phi lớn nhất ở Buôm Lọng, góp phần ổn định tình hình an ninh của Lào.

Bên cạnh việc phối hợp phòng thủ có hiệu quả, vì lợi ích của cả hai nước, Việt Nam và Lào còn đẩy mạnh hợp tác về đào tạo quân sự. Chỉ tính riêng trong năm 1984, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã cùng Lào đào tạo được 407 cán bộ, 1.381 cán bộ và nhân viên kỹ thuật tại 28 trường; 32 chuyên gia thường trú ở cơ quan Bộ Quốc phòng, trong đó có công tác quân sự địa phương, 350 chuyên gia kỹ thuật về các xí nghiệp quốc phòng và các nông trường... Quân khu 4 Việt Nam đã hỗ trợ phía Lào thực hiện nhiệm vụ *mở cửa ra hướng đông*. Từ đó, các

đơn vị kinh tế thuộc Quân đội nhân dân Lào đã có bước trưởng thành và phát triển nhanh chóng. Công ty Phát triển miền núi Bộ Quốc phòng Lào từ chỗ gặp nhiều khó khăn do thiếu phương tiện, kỹ thuật đã vươn lên làm chủ tình hình, đưa Lắc Xao (Bo-li-khăm-xay) từ một vùng rừng núi hẻo lánh trở thành một trung tâm có nhiều xưởng máy, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

Ghi nhận những đóng góp to lớn của Quân đội nhân dân Việt Nam đối với cách mạng Lào nói chung và Quân đội nhân dân Lào nói riêng, ngày 18 tháng 12 năm 1984, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Xuphanuvông đã ký quyết định tặng *Huân chương Vàng quốc gia*, phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước Lào cho Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trên lĩnh vực hợp tác an ninh, thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Lào - Việt Nam, Bộ Nội vụ Lào đã ký *Hiệp định hợp tác toàn diện* với Bộ Nội vụ Việt Nam. Nội dung của Hiệp định cho phép lực lượng an ninh của hai nước, ở cả Trung ương và các địa phương quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, trao đổi các đoàn đại biểu, các đoàn cán bộ lão thành...

Ngày 25 tháng 12 năm 1985, Trường Trung cấp An ninh Lào được thành lập, có nhiệm vụ tự đào tạo lực lượng an ninh Lào. Trong quá trình trên, Trường Đại học An ninh và Trường Đại học Công an Nhân dân của Việt Nam đã cử nhiều cán bộ, giảng viên sang Lào chuyển giao kiến thức cho cán bộ, học viên Lào. Nhờ đó, hàng năm Lào đã đào tạo được một lực lượng lớn cán bộ, chiến sĩ làm công tác an ninh, đáp ứng yêu cầu của quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc Lào.

- Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật

Sau khi thành lập, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào bước vào khôi phục và phát triển kinh tế, bước đầu thử nghiệm cơ chế quản lý kinh tế mới ở một số cơ sở quốc doanh, chuyển từ nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên sang kinh tế sản xuất hàng hoá, khuyến khích sản xuất, lưu thông. Việt Nam cũng bước vào giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm để đổi mới cơ chế quản lý từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; thực hiện khoán trong nông nghiệp; giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp công nghiệp... nhằm giải quyết những khó khăn về kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, tiếp tục tìm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của dân tộc Việt Nam và xu thế chung của thế giới.

Trong bối cảnh mới, nhất là từ năm 1983, hợp tác trong lĩnh vực kinh tế giữa hai nước có những biến chuyển. Lào đề ra công thức hợp tác: *Tài nguyên Lào, lao động kỹ thuật Việt Nam, vốn hợp tác hoặc vay của nước thứ ba*. Đồng thời, hai bên giúp nhau phát huy khả năng và tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước để giải quyết những nhu cầu cấp bách về đời sống và sản xuất. Đây là những định hướng phù hợp với điều kiện hai nước trong những năm đầu chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế.

Quan hệ hợp tác thương mại: Trước năm 1975, Việt Nam và Lào có hiệp định trao đổi thương mại nhưng mới chỉ dừng lại ở quy định một số nguyên tắc, thể lệ và danh mục chung, không quy định kim ngạch. Trao đổi chủ yếu diễn ra giữa các địa phương và các tỉnh của Việt Nam với vùng giải phóng Lào. Từ năm 1976 – 1981, trao đổi hàng hoá chính ngạch được bắt đầu theo phương thức bao cấp bằng ngân sách nhà nước mỗi bên. Từ năm 1981 – 1985, kim ngạch tăng nhanh hơn do Thái Lan bao vây cấm vận Lào 273 mặt hàng, nên Lào chuyển hướng sang phía Đông. Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào 5 năm (1981 – 1985) được ký kết, kèm theo nghị định thư thương mại hằng năm, đã tạo hành lang pháp lý cho việc trao đổi buôn bán giữa hai nước... Ngoài ra, Việt Nam còn hỗ trợ Lào sử dụng các nguồn viện trợ chủ yếu từ các nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế. Từ năm 1976 đến 1985, các nước và các tổ chức này đã viện trợ không hoàn lại cho Lào 547,89 triệu rúp, 126,57 triệu USD và cho vay 594,583 triệu rúp.

Nhìn chung, trong thời gian từ năm 1975 đến năm 1986, quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước đã từng bước thay đổi cả nội dung và phương thức hợp tác cho phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác giai đoạn này cơ bản dựa trên cơ sở tinh thần quốc tế vô sản, với phương thức chủ yếu là viện trợ và cho vay theo cơ chế tập trung bao cấp, chưa tương xứng với yêu cầu của nhân dân hai nước và tầm cao của quan hệ chính trị giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam và Lào.

Trong lĩnh vực hợp tác văn hóa, Việt Nam và Lào đều nhận thức sâu sắc ý nghĩa đặc biệt quan trọng của lĩnh vực này và hợp tác quảng bá cuộc sống mới, nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc cũng như truyền thống văn hóa tốt đẹp của mỗi nước. Hằng năm, hai bên thường xuyên lập kế hoạch giao lưu văn hoá nghệ thuật dưới các hình thức: trao đổi đoàn biểu diễn, tổ chức sáng tác mỹ thuật, tìm hiểu về chủ đề đất nước và con người, hợp tác xuất bản, in và phát hành sách báo, văn hoá phẩm, phim ảnh. Hai nước còn giúp nhau cung cấp một

số thiết bị chuyên dụng về in, điện ảnh, sân khấu, phát thanh, truyền hình, đồng thời phối hợp tuyên truyền giáo dục nhân dân hai nước về mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào, Lào – Việt, cũng như phối hợp tuyên truyền, tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn, qua đó tăng cường hiểu biết, gắn bó giữa nhân dân hai nước.

Hợp tác giáo dục và đào tạo là nội dung quan trọng có tính chiến lược vì lợi ích lâu dài và là lĩnh vực hợp tác thành công nhất trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục thời kỳ này của hai nước thể hiện tinh thần giúp đỡ lẫn nhau nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của những năm mới giải phóng. Hằng năm, Bộ Giáo dục hai nước đều ký kết các văn bản hợp tác và Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục của ba nước Lào, Campuchia, Việt Nam được tổ chức luân phiên tại Hà Nội và Viêng Chăn. Hàng loạt hệ thống trường lớp ở Lào với sự giúp đỡ của Việt Nam như: các trường phổ thông, trung cấp sư phạm, Đại học sư phạm Viêng Chăn đã được xây dựng. Lưu học sinh Lào, chủ yếu là sinh viên đại học, thực tập sinh, nghiên cứu sinh trên đại học có mặt ở 36 trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn tiếp tục đào tạo một số học sinh phổ thông cho Lào. Riêng "Trường Bỏ túc hữu nghị Việt - Lào" thành lập từ năm 1980, có nhiệm vụ đào tạo con em nhân dân các bộ tộc Lào gửi sang học từ phổ thông cơ sở đến phổ thông trung học. Số lượng học sinh Lào được đào tạo tại Việt Nam ở các loại trường kể cả phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đại học các ngành kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, an ninh thời kỳ này rất đông, chiếm khoảng 50% số người được gửi ra nước ngoài. Kết quả này là sự nỗ lực cao độ của cả hai phía, đã góp phần xóa nạn mù chữ, nâng cao một bước trình độ dân trí, hình thành đội ngũ cán bộ trí thức, đặt nền móng khoa học – kỹ thuật cho sự phát triển của đất nước Lào. Trong 6 năm, kể từ khi hai nước ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, trung bình mỗi năm Việt Nam cử 900 chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau sang hợp tác với Lào và đã đào tạo cho Lào 1/2 số cán bộ của Lào được đào tạo ở nước ngoài. Từ năm 1976 đến năm 1985, Việt Nam cử 5.957 chuyên gia các lĩnh vực sang hợp tác với Lào.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận chính trị của Đảng được coi là một nhiệm vụ chiến lược cơ bản thường xuyên của Đảng, Nhà nước của cả hai nước. Đào tạo cán bộ chủ chốt cho Đảng và Nhà nước Lào ngày càng trở thành một lĩnh vực hợp tác quan trọng giữa hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam và Lào. Việt Nam cử nhiều chuyên gia đầu ngành, có kinh nghiệm sang Lào xây dựng chương trình giảng dạy cho Trường Đảng cao

cấp của Đảng và Nhà nước Lào. Từ năm 1977 – 1989, Trường Nguyễn Ái Quốc X và Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt đã phối hợp cùng các cơ quan của hai nước đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn cho khoảng 1.000 cán bộ trung, cao cấp các ngành tuyên huấn, tổ chức, kiểm tra, phóng viên, giảng viên Trường Đảng của Lào. Hợp tác giáo dục – đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những thành tựu đặc biệt, không có nơi nào trên thế giới có được, đó là sự tin cậy lẫn nhau, cùng giúp nhau xây dựng, củng cố nhân tố bên trong hết sức cần thiết cho công cuộc bảo vệ và xây dựng của mỗi nước.

- Hợp tác giữa các địa phương và ngoại giao nhân dân

Đi đôi với quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương, còn có mối quan hệ kết nghĩa giữa toàn bộ các tỉnh có chung đường biên giới cũng như các tỉnh không có chung biên giới giữa hai nước với nhau như: Hà Nội – Viên Chăn, Hà Nam Ninh¹ – Udômxay, Vĩnh Phúc – Luông Nặm Thà, Hà Sơn Bình² – Luông Phạbang... Các địa phương đã phối hợp chặt chẽ về trao đổi đoàn tham quan, cùng giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm cũng như cùng tháo gỡ những khó khăn giữa hai nước. Các Hội hữu nghị Việt – Lào, Lào – Việt phát triển chi hội hữu nghị đến tận cấp huyện hoặc cơ sở, đã đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục về quan hệ hai nước. Đặc biệt, cộng đồng người Việt Nam tại Lào đã có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò làm cầu nối quan trọng trong việc giữ gìn và phát triển quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam và Lào.

Với những thành tựu to lớn đạt được sau chặng đường 10 năm (1976 – 1985), thế và lực của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ngày càng được củng cố vững chắc. Đây là lúc Việt Nam lần lượt rút hết chuyên gia thường trú, chuyển sang chuyên gia vụ việc ngắn hạn. Sự kiện này chứng minh cho sự trưởng thành vượt bậc của Lào và hiệu quả của những năm đầu thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam – Lào.

II. Củng cố và tăng cường hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào, giai đoạn 1986 - 2010

Trong 10 năm tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (1976-1985) Việt Nam và Lào đã có những tìm tòi, thử nghiệm bước đầu về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tuy nhiên, vẫn duy trì mô hình kinh tế kế hoạch hóa

¹ Nay là ba tỉnh: Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

² Năm 1991, tách ra thành hai tỉnh: Hà Tây và Hòa Bình; từ ngày 1 tháng 8 năm 2008, tỉnh Hà Tây và bốn xã của Hòa Bình được sáp nhập vào Hà Nội.

tập trung, bao cấp. Tình hình trên làm cho cả hai nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng; trong khi vẫn bị các lực lượng thù địch bao vây cấm vận. Đây cũng là thời gian tình hình quốc tế và khu vực có những biến đổi chưa từng thấy, xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa tiếp tục tác động sâu sắc đến mọi quốc gia.

Hai nước Việt Nam và Lào đứng trước một yêu cầu tất yếu phải tiến hành đổi mới đường lối xây dựng đất nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội lần thứ IV của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (11/1986) đã thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm của Đảng trong công tác lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước, đề ra đường lối đổi mới, tạo những tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội¹.

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) cũng tự phê bình nghiêm khắc: “những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*”² [4], đề ra đường lối đổi mới xây dựng đất nước trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cùng tiến hành công cuộc đổi mới, hai nước Việt Nam và Lào có những thuận lợi cơ bản đối với việc củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt: hai nước có thể chế chính trị - xã hội tương đồng, có cùng định hướng và mục tiêu phát triển chiến lược; gắn bó chặt chẽ với nhau về chính trị; hợp tác toàn diện, mật thiết với độ tin cậy cao, được triển khai đều khắp, ngày càng sâu rộng và khăng khít trên cả ba kênh Đảng, Nhà nước và nhân dân, từ Trung ương tới các địa phương, nhất là các địa phương có chung đường biên giới... Đặc biệt, cả Việt Nam và Lào đều coi nhau thuộc ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại của mỗi nước.

Tuy nhiên, trong điều kiện mới của toàn cầu hóa kinh tế, hai nước Việt Nam và Lào không những phải đối mặt với những thách thức chung mang tính toàn cầu mà còn phải vượt qua những cạnh tranh gay gắt từ chính các nước láng giềng có quan hệ gắn bó với Lào và Việt Nam, từ các chương trình hợp tác đa phương mà cả Việt Nam và Lào đều là thành viên, khi cả Việt Nam và Lào đều đang gặp khó khăn lớn về vốn, công nghệ, nguồn nhân lực và trình độ quản lý. Bên cạnh đó, các thế lực phản động, thù địch bên trong và bên ngoài tăng cường

¹ Xem Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tóm lược)*, Sđd, tr.227.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, 2006, t.47, tr.360.

chống phá cách mạng hai nước, thực hiện “diễn biến hoà bình” nhằm thay đổi thể chế chính trị, thực hiện các thủ đoạn chia rẽ và phá hoại mối quan hệ Việt Nam - Lào.

Trong bối cảnh đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước trước sau như một giữ gìn phát triển và đổi mới quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam.

Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Việc hợp tác kinh tế giữa ba nước (Đông Dương - BBS) phải theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên ưu đãi cho nhau, và phải có những chính sách, phương thức thích hợp, bảo đảm hiệu quả thiết thực”¹. Ngày 3 tháng 7 năm 1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ thị: “Trên cơ sở quán triệt đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các Nghị quyết 10 và 11 của Bộ Chính trị về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia và nội dung thỏa thuận trong các cuộc hội đàm lần này², các ban, bộ, ngành và các tỉnh trực tiếp làm nhiệm vụ hợp tác với bạn cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm, kiên quyết xử lý và có biện pháp chấm dứt các hiện tượng tiêu cực, các quan điểm, nhận thức và hành động sai trái gây phương hại cho quan hệ đặc biệt giữa ta với Lào”³.

Về phía Lào, Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào cũng khẳng định: “Xuất phát từ truyền thống lịch sử và tình hình, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ba nước, sự tăng cường liên minh hợp tác toàn diện giữa ba Đảng, ba nước Lào - Việt Nam - Campuchia mới trở thành nhiệm vụ chiến lược số một, là nguyên tắc cách mạng bất di bất dịch của mỗi nước, là vấn đề sống còn của mỗi nước”⁴. Đặc biệt, Chỉ thị của Ban Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào ghi rõ: “hai bên nhất trí phải tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ quan hệ đoàn kết sống còn và lâu dài, quán triệt quan điểm, phương châm nguyên tắc của mối quan hệ trong giai đoạn cách mạng mới, uốn nắn tư tưởng và tác phong làm việc mới, tránh những bảo thủ, chủ quan, chống mọi hiện tượng lơ là, mất cảnh giác, thiếu trách nhiệm, chống

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, 2006, t.47, tr.504. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, 2006, t.47, tr.504.

² Đây là cuộc hội đàm thường niên giữa Lãnh đạo cấp cao hai đảng, diễn ra trong hai ngày 9 và 10 tháng 5 năm 1987.

³ *Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 3 tháng 7 năm 1987 về việc quan hệ của Đảng ta với Đảng Lào và Đảng Campuchia*, lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

⁴ *Chỉ thị số 24-BBT của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, ngày 20 tháng 5 năm 1987 về việc triển khai kết quả của cuộc Hội đàm giữa lãnh đạo cấp cao hai đảng*, lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

tư tưởng dân tộc hẹp hòi”¹. Trong hoạt động thực tiễn, từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở, việc bảo vệ và phát triển quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam đã trở thành đường lối chiến lược, tình cảm thiêng liêng và nghĩa vụ quốc tế của Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào, là một trong những tiêu chuẩn rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân Lào.

Đại hội lần thứ V Đảng Nhân dân cách mạng Lào (3/1991) xác định tính chất và giai đoạn của cách mạng Lào hiện nay: “đang ở trong giai đoạn tiếp tục xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo ra các tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội”².

Đại hội lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam (6/1991), tổng kết năm năm đổi mới, thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” và “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*”, đồng thời cam kết: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”³.

Việc Việt Nam và Lào xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của mỗi nước đã tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới cao hơn. Căn cứ vào thoả thuận giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, tháng 10 năm 1991 và thực hiện Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ ký ngày 15 tháng 2 năm 1992, Ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam và Ủy ban Kế hoạch và Hợp tác Lào cùng phối hợp đề ra Chiến lược hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam và Lào. Chiến lược này là cơ sở để hai bên phối hợp xây dựng và quyết định các chương trình và dự án kế hoạch hợp tác.

Bước vào thế kỷ XXI, trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997 và sự dịch chuyển các dòng đầu tư và trao đổi thương mại mới ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, chịu sự tác động trực tiếp của tiến trình hội nhập quốc tế và khu vực diễn ra ngày càng sôi động và sâu sắc, mà trọng tâm của nó là tự do hóa thương mại.

¹ *Chỉ thị số 24-BBT của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, ngày 20 tháng 5 năm 1987 về việc triển khai kết quả của cuộc Hội đàm giữa lãnh đạo cấp cao hai đảng, Tài liệu đã dẫn.*

² Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tóm lược), Sđd, tr.241.*

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.147.

Khu vực Đông Nam Á nói chung và Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS)¹ nói riêng gia tăng mạnh mẽ các lộ trình hội nhập trên nhiều cấp độ². Đặc biệt, chương trình hợp tác GMS với sự hỗ trợ và tham gia của ADB là trụ lực chính trong tiến trình hợp tác của tiểu khu vực này. Đây là cơ hội lớn và điều kiện quan trọng để các nước GMS nâng cao năng lực phát triển toàn diện; đồng thời, nó cũng đặt ra một thực tế là các nước GMS sẽ không thể phát triển đơn lẻ, biệt lập mà luôn phải gắn kết trong chương trình phát triển tổng thể của GMS, gia tăng hơn nữa sự phối hợp giữa chính sách quốc gia và chính sách khu vực.

Việt Nam và Lào tuy đều là những thành viên mới của ASEAN³, song, đã sớm nắm bắt và thông qua tiếp cận của toàn khối ASEAN như là một đầu mối phối hợp cho các sáng kiến hợp tác Đông Á, chủ động tham gia vào các chương trình hợp tác Đông Á. Đồng thời, hai nước đều tích cực hưởng ứng các phương thức hợp tác ASEAN+1, ASEAN+3,... trên cơ sở sự mở rộng của Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA),

Với những điều kiện mới của quốc tế và khu vực, Việt Nam và Lào có cơ hội khai thác vị trí địa lý, tiềm năng và lợi thế của riêng mỗi nước nhằm bổ sung cho nhau cùng phát triển. Việt Nam với thế mạnh về kinh tế biển và vận tải biển, có thể phát huy vai trò là “cửa ngõ” ngăn nhất ra biển của Lào, để Lào có điều kiện lưu thông thương mại quá cảnh với khu vực và quốc tế. Tương tự như vậy, với tư cách “một trạm trung chuyển” trong nền kinh tế Tiểu vùng Mê Công mở rộng, có lợi thế về vận tải và thương mại quá cảnh, Lào có thể giúp Việt Nam mở rộng thị trường vào nội địa Đông Nam Á, châu Á và thế giới. Đây là lúc hai nước tích cực triển khai thực hiện các thỏa thuận cấp cao, trong đó có *Thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 2001-2010* và *Sáu chương trình hợp tác trọng điểm giai đoạn 2006-2010*⁴.

¹ GMS có sự tham gia của năm quốc gia là Thái Lan, Mianma, Lào, Campuchia, Việt Nam cùng hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc).

² Hội nghị Cấp cao ASEAN tại Cebu (Philippin), tháng 1 năm 2007, đã quyết định đẩy nhanh việc xây dựng Cộng đồng ASEAN (AC) với ba trụ cột là: Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC) vào năm 2015, thay vì 2020 như dự kiến trước đây.

³ Tháng 7 năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN; hai năm sau (tháng 7 năm 1997), đến lượt Lào gia nhập chính thức tổ chức này.

⁴ Sáu chương trình hợp tác trọng điểm giai đoạn 2006-2010 gồm: Chương trình 1: Hợp tác giáo dục - đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; Chương trình 2: Hợp tác phát triển bền vững vùng biên hai nước; Chương trình 3: Hợp tác thông tin, văn hóa, tư tưởng; Chương trình 4: Phát triển thương mại, đầu tư; Chương trình 5: Hợp tác kết nối mạng cơ sở hạ tầng, dịch vụ, du lịch giữa hai nước; và Chương trình 6: Duy trì hoạt động và nâng cao năng lực các chương trình, dự án phục vụ hợp tác giữa hai nước.

Từ khi hai nước tiến hành đổi mới vào năm 1986, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục được củng cố, tăng cường và đạt những thành tựu rất lớn.

- Hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại

Trong 10 năm đầu Việt Nam và Lào cùng tiến hành đổi mới, hợp tác chính trị và đối ngoại của hai nước tập trung vào việc giúp đỡ, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về giữ vững định hướng chính trị theo con đường xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức hợp tác và mở rộng quan hệ với bên ngoài.

Từ năm 1988, cuộc gặp thường niên giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng đã trở thành một cơ chế hoạt động chính thức giữa hai Đảng. Biên bản thoả thuận giữa hai Đảng là văn kiện quan trọng quyết định những phương hướng lớn của quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong từng thời kỳ và hằng năm.

Một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào là chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào của Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh dẫn đầu, từ ngày 2 đến 4 tháng 7 năm 1989. Hai bên thống nhất với nhau nhiều vấn đề quan trọng trong việc đổi mới phương thức hợp tác giữa hai nước và giải quyết các vấn đề quốc tế, khu vực. Hai bên khẳng định hợp tác và giữ vững định hướng chính trị theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Tháng 10 năm 1991, đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Nhân dân cách mạng Lào thăm chính thức Việt Nam. Hai bên khẳng định quyết tâm trước sau như một tăng cường củng cố và nâng cao quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, định kỳ trao đổi đoàn cấp thứ trưởng ngoại giao giữa hai nước nhằm phối hợp chặt chẽ các hoạt động ngoại giao trên các diễn đàn quốc tế.

Trong hai năm 1994 - 1995, đáp ứng yêu cầu của phía Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cử nhiều cán bộ cấp cao sang giới thiệu kinh nghiệm tại các Hội nghị Trung ương 8, 9, 10 (khóa V) của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và các cuộc tập huấn cán bộ chủ chốt của Đảng và Nhà nước tại Viêng Chăn, được phía Lào đánh giá cao, vì đã đáp ứng được yêu cầu cấp bách trước mắt của Lào.

Hằng năm, hai Đảng, hai Nhà nước cử nhiều đoàn cấp Trung ương, cấp tỉnh trao đổi kinh nghiệm về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, về công tác

tư tưởng, lý luận, công tác dân vận. Đặc biệt, công tác lãnh đạo và xây dựng Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước luôn là những đề tài trọng tâm trong các cuộc trao đổi giữa hai Đảng.

Xác định chủ trương chiến lược đa phương hoá, đa dạng hóa quan hệ quốc tế nhằm tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của mỗi nước, bên cạnh việc mở rộng quan hệ với các nước khác trong khu vực và trên thế giới, trên lĩnh vực quan hệ đối ngoại, hợp tác Việt Nam - Lào được đẩy mạnh toàn diện trên cả ba kênh: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Năm 1992 là năm đột phá trong hoạt động đối ngoại của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước láng giềng. Những chuyến thăm Thái Lan và Trung Quốc của đồng chí Cayxôn Phômvihản trên cương vị Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã góp phần quan trọng vào việc củng cố và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực, cũng như tạo cơ hội cho tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Hai nước tăng cường trao đổi thông tin và tham khảo ý kiến của nhau về các vấn đề hợp tác khu vực và quốc tế có liên quan đến quyền lợi của mỗi nước. Ngay từ năm 1992, giữa hai Nhà nước đã thành lập Ủy ban Hợp tác liên Chính phủ để giúp cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam không ngừng phát triển.

Hoạt động đối ngoại nhân dân cũng đạt được nhiều thành tích đáng kể. Hằng năm, giữa các ban, bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, nhất là các tỉnh biên giới, đều có những trao đổi hợp tác và mối quan hệ đó ngày càng đi vào chiều sâu với nội dung thiết thực và có hiệu quả.

Từ năm 1996, hợp tác chính trị, đối ngoại giữa hai nước Việt Nam và Lào ngày càng gia tăng. Trong cuộc gặp cấp cao giữa hai Đảng vào tháng 1 năm 1996 tại Viêng Chăn, hai bên đã thống nhất những định hướng lớn cho sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 1996-2000. Trên cơ sở đó, ngày 14 tháng 11 năm 1996, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 1996-2000.

Đầu tháng 1 năm 1997, Đoàn cấp cao Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào hội đàm tại Hà Nội. Hai bên khẳng định: tăng cường

hợp tác về chính trị, duy trì cuộc gặp thường niên giữa Lãnh cấp cao hai Đảng, tăng cường hợp tác giữa hai Ban Đối ngoại, hai Bộ Ngoại giao, nhất là khi hai nước cùng tham gia ASEAN và AFTA¹; tăng cường phối hợp chống vận chuyển ma túy qua biên giới; tăng cường hợp tác giữa các tỉnh có chung biên giới, cho phép mở chợ đường biên, khuyến khích trao đổi hàng hóa, giao lưu buôn bán, hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng; hai bên thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật theo hướng lựa chọn các công trình, dự án phù hợp với khả năng và điều kiện của mỗi nước.

Tháng 1 năm 1999, trong cuộc gặp cấp cao tại Hà Nội, Lãnh đạo hai nước nhất trí tiếp tục phát triển quan hệ Việt Nam - Lào, “trên cơ sở nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và phát huy cao nhất nội lực của mỗi nước, hợp tác bình đẳng cùng có lợi, kết hợp thỏa đáng tính chất quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào với thông lệ quốc tế, ưu tiên ưu đãi hợp lý cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho hai nước khắc phục hậu quả của khủng hoảng kinh tế - tài chính, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế”². Hai bên chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác về chính trị, duy trì cuộc gặp hằng năm giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng; tăng cường hợp tác giữa hai Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao phối hợp hành động trong quan hệ với ASEAN, AFTA, ARF³. Hai bên thống nhất khẩn trương xây dựng Định hướng chiến lược hợp tác đến năm 2020 và Chương trình hợp tác từ năm 2001 đến 2010. Tiếp tục hợp tác toàn diện, tập trung ưu tiên cho các lĩnh vực quan trọng có hiệu quả cao, trước hết tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi để từng bước giúp Lào giải quyết vấn đề an ninh lương thực. Chính phủ hai nước cần có cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư giữa hai nước, coi đây là trọng điểm hợp tác Việt Nam - Lào trong năm 1999 và những năm tiếp theo.

Trong các chuyến thăm của các đoàn cấp cao, hai bên đã tiến hành trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau trên nhiều lĩnh vực: lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội; quản lý nhà nước; xây dựng đảng về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trung bình mỗi năm có khoảng hơn 200 đoàn qua lại trao đổi, thăm viếng lẫn nhau. Việc chia sẻ những kinh nghiệm hay và các mô hình phát triển

¹ AFTA là viết tắt của *ASEAN Free Trade Area* (Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN), hình thành vào năm 1992.

² Biên bản thỏa thuận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, tại Hà Nội, tháng 1 năm 1999, lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị bảo quản 1695.

³ ARF viết tắt của *ASEAN Regional Forum* (Diễn đàn khu vực ASEAN) là một cơ chế đối thoại và tham vấn về các vấn đề an ninh và chính trị trong khu vực, xây dựng lòng tin và phát triển ngoại giao phòng ngừa. ARF đi vào hoạt động từ năm 1994.

kinh tế - xã hội tốt, hỗ trợ lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực là rất cần thiết và đem lại hiệu quả thiết thực cho cả hai bên, góp phần quan trọng vào việc vun đắp quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Hai bên nhất trí phối hợp nghiên cứu, biên soạn Công trình “*Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930-2007*” nhằm tổng kết quá trình liên minh chiến đấu và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, đúc kết những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc tiếp tục xây dựng và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên một tầm cao mới.

Lĩnh vực quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Lào từ sau năm 1996 tiếp tục được tăng cường cả về chiều rộng cũng như chiều sâu, đem lại nhiều kết quả khả quan. Trong khi triển khai đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, Việt Nam và Lào đều hết sức coi trọng quan hệ đặc biệt giữa hai nước, cam kết giữ gìn và không ngừng phát triển truyền thống quý báu đó như một quy luật phát triển và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước.

- Hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Trong bối cảnh luôn luôn bị các thế lực thù địch tìm cách chống phá, Việt Nam và Lào xác định *hợp tác về quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ rất cấp bách và quan trọng hàng đầu.*

Từ cuối thập niên 1980 và những năm đầu thập niên 1990, giữa hai Chính phủ, hai bộ chức năng là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng của hai nước đều ký những hiệp định, nghị định về hợp tác, hỗ trợ nhau trong công tác bảo vệ an ninh và củng cố quốc phòng. Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng của cả hai nước đều rất coi trọng việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm xây dựng lực lượng, chống xâm nhập, chống bạo loạn và vô hiệu hóa các hoạt động “diễn biến hòa bình” của kẻ địch. Trong mỗi quan hệ này, với phương châm “Giúp bạn là mình tự giúp mình”, “An ninh của bạn cũng chính là an ninh của mình”,... Việt Nam đã hợp tác với Lào củng cố và xây dựng lực lượng an ninh Lào có chất lượng cao, đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Bộ Quốc phòng hai nước thường xuyên gặp gỡ, tham vấn về chiến lược quốc phòng dài hạn và đường lối quốc phòng toàn dân, toàn diện của nhau. Theo yêu cầu của phía Lào, Việt Nam hợp tác xây dựng Quân đội nhân dân Lào

trở thành một đội quân vững mạnh về chính trị - tư tưởng, tổ chức và chuyên môn, có sức chiến đấu cao, làm chỗ dựa cho thế trận chiến tranh nhân dân ở Lào. Chiến công chung nổi bật về hợp tác an ninh - quốc phòng giai đoạn này là việc quân và dân Lào chủ động phối hợp chặt chẽ với quân đội Việt Nam chặn đánh cuộc hành quân Đông tiến I và Đông tiến II của lực lượng phản động lưu vong do Hoàng Cơ Minh cầm đầu vào Việt Nam qua con đường Lào trong hai năm 1986-1987. Bằng việc triển khai rộng khắp chiến lược quốc phòng toàn dân, Lào đã có những cống hiến trong vai trò “nút chặn” an ninh ở phòng tuyến phía tây Việt Nam, giúp Việt Nam phòng thủ từ xa một cách có hiệu quả.

Từ năm 1996, trên cơ sở định hướng của thỏa thuận giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng về quốc phòng - an ninh, hai Bộ Quốc phòng Việt Nam và Lào tiếp tục tiến hành các cuộc gặp trao đổi, phối hợp giúp đỡ lẫn nhau về xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị - tư tưởng, tổ chức và chuyên môn. Hằng năm, phía Việt Nam cử chuyên gia quân sự sang làm nhiệm vụ quốc tế xây dựng các kế hoạch và lập phương án tác chiến giúp bạn Lào. Các quân khu, các tỉnh có chung biên giới xúc tiến chương trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ lẫn nhau về xây dựng thế trận cụm chiến đấu liên hoàn và củng cố các lực lượng dân quân tự vệ ở địa phương để đẩy mạnh sản xuất, kết hợp với bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Về đào tạo cán bộ, ngoài chương trình đào tạo dài hạn, Bộ Quốc phòng Việt Nam còn thường xuyên tổ chức các lớp học ngắn hạn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đơn vị của quân đội Lào. Trong 5 năm (2000 - 2005), Việt Nam nhận đào tạo dài hạn hơn 600 cán bộ cho quân đội Lào.

Việc tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam trên đất Lào cũng được hai bên quan tâm, tích cực phối hợp và đạt được kết quả tốt.

Điểm nổi bật trong việc hợp tác về an ninh thời kỳ này là công tác phòng thủ an ninh của các lực lượng an ninh và quân đội hai nước chống lại lực lượng phản động lưu vong đang tìm cách chống phá cách mạng Lào và Việt Nam đạt hiệu quả cao, có chiều sâu. Điển hình là trong những năm 2000-2007, một số phần tử phản động trong nước Lào được các thế lực thù địch bên ngoài hỗ trợ, gây ra một số vụ nổ, phục kích ở một số địa phương, nhưng đều bị lực lượng an ninh Lào phối hợp chặt chẽ với lực lượng an ninh Việt Nam ngăn chặn như: vụ

đánh cửa khẩu Văng Tàu (Chămpaxắc, 7/2000); vụ gây rối trật tự an ninh ở Viêng Chăn (7/2000); vụ bạo loạn vũ trang ở Hủa Phăn (2003); vụ gây rối ở Bò Keo (7/2007).

Sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa Việt Nam và Lào trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã tạo ra một trong những nhân tố cơ bản thường xuyên bảo đảm lợi ích trực tiếp về an ninh và phát triển của mỗi nước, không chỉ tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh và khả năng phòng thủ của mỗi bên, mà còn làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đồng thời góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đổi mới ở hai nước.

- Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật

Hợp tác kinh tế hai nước trong công cuộc đổi mới luôn chiếm vị trí quan trọng hàng đầu, với mong muốn là động lực thúc đẩy sự phát triển của các quan hệ hợp tác khác.

Bước vào thời kỳ đổi mới, quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước dần có sự thay đổi theo hướng phát triển từ viện trợ không hoàn lại, cho vay là chủ yếu sang giảm dần viện trợ và cho vay, bước đầu đẩy mạnh hợp tác sản xuất, kinh doanh bình đẳng, cùng có lợi; đồng thời, trong hợp tác đã chuyển dần từ hợp tác từng vụ việc theo yêu cầu của phía Lào sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch được ký kết giữa hai Chính phủ.

Thực hiện thỏa thuận tháng 10 năm 1991 giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, Ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam và Ủy ban Kế hoạch và Hợp tác Lào đã cùng phối hợp đề ra chiến lược hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật. Chiến lược này là cơ sở để hai bên phối hợp xây dựng và quyết định các chương trình và dự án kế hoạch hợp tác trong thời gian tới.

Ngày 15 tháng 2 năm 1992, tại Viêng Chăn, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật thời kỳ 1992-1995 và năm 1992. Để hiện thực hóa Hiệp định khung này, Chính phủ hai nước đã tiến thêm một bước trong việc thống nhất cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật.

Thực hiện các thỏa thuận quan trọng giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng (10/1991, 3/1993, 3/1994, 1/1995) về chủ trương, biện pháp tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa hai nước, mỗi bên đã quán triệt rõ cho các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, tư tưởng chỉ đạo hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước là: giữ vững và phát huy

truyền thống quan hệ đoàn kết giữa hai Đảng và hai dân tộc láng giềng anh em. Phát triển cả chiều rộng và chiều sâu quan hệ hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm khai thác và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi nước, phục vụ có hiệu quả nhất cho công cuộc phát triển, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Trên cơ sở của tư tưởng chỉ đạo nêu trên, ngày 15 tháng 3 năm 1995, tại Hà Nội, *Thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật đến năm 2000* được ký kết. Sau đó, Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 1996-2000 giữa hai nước Việt Nam và Lào cũng được ký kết. Ngoài các hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật ký kết hàng năm giữa hai Chính phủ, trong giai đoạn này, Việt Nam và Lào còn ký kết hàng loạt hiệp định và nghị định thư quan trọng nhằm thúc đẩy việc triển khai quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Trong thời gian này, hợp tác về *nông nghiệp và phát triển nông thôn* được Đảng, Nhà nước ở hai nước ưu tiên phát triển, không chỉ để khai thác thế mạnh, tiềm năng sẵn có của Việt Nam và Lào, mà còn có ý nghĩa then chốt trong bảo đảm an ninh lương thực. Nội dung hợp tác giữa hai bên chuyển từ việc chủ yếu là hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn ở một số vùng cụ thể sang kết hợp giữa hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp với quy hoạch sản xuất lương thực và thủy lợi trên các cánh đồng lớn của Lào. Từ năm 1996, hai bên phối hợp xây dựng mô hình thí điểm phát triển nông nghiệp gắn với nông thôn mới.

Việt Nam đã cử nhiều chuyên gia hàng đầu về nông nghiệp và thủy lợi sang giúp Lào nghiên cứu, thu thập tài liệu, khảo sát phân tích đất, thiết kế hệ thống thủy lợi, tiến hành xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho các dự án về nông nghiệp cũng như trực tiếp xuống tận các bản làng để giúp đỡ nông dân Lào canh tác, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng hệ thống thủy lợi, phát triển kỹ thuật chăn nuôi theo phương pháp khoa học. Cùng với việc hợp tác với Lào xây dựng các văn phòng điều hành chương trình dự án, tổ chức các vườn cây giống, xây dựng các trạm thú y, các hệ thống thủy lợi, tập huấn cán bộ trồng trọt, chăn nuôi..., Việt Nam còn trang bị cho Lào những công cụ, máy móc, áp dụng kỹ thuật trồng lúa bằng nhiều hình thức, phương pháp tiên tiến.

Từ đầu những năm 2000, hợp tác về thương mại và đầu tư là một lĩnh vực hợp tác được hai Đảng, hai Nhà nước đặc biệt quan tâm và cùng tạo điều kiện

cho các doanh nghiệp của Lào đầu tư sang Việt Nam cũng như doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang Lào. Quan hệ đầu tư trực tiếp tuy chưa trở thành lĩnh vực hợp tác lớn, nhưng đã có những ngành và doanh nghiệp có quan hệ hợp tác và thu được những kết quả đầy triển vọng.

Ngành thương mại hai nước xúc tiến nghiên cứu xây dựng đề án, tiến tới đầu tư xây dựng Khu thương mại tự do Lao Bảo - Đenxávăn, xây dựng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo - Na Pê, mở cửa khẩu phụ và 11 điểm chợ biên giới để thúc đẩy sản xuất và giao lưu, trao đổi hàng hóa giữa hai nước, đặc biệt là các vùng biên giới Việt Nam - Lào. Quan hệ thương mại Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam nói chung, hoạt động kinh tế biên giới nói riêng có những tiến bộ rõ rệt, góp phần đắc lực vào việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân hai nước. Từ năm đầu những năm 2000, hoạt động hợp tác thương mại tiếp tục tăng, kim ngạch hai chiều từ 45 triệu USD/năm vào đầu những năm 1990 tăng lên 240 triệu USD vào năm 2006, đạt 422 triệu USD vào năm 2008 và 490 triệu USD vào năm 2010.

Sau khi có Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương giữa hai nước (14/1/1996) và các quy định về đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài (1999) cùng các thỏa thuận của hai Đảng, hai Nhà nước, hai bên có nhiều cố gắng chỉ đạo các ngành, địa phương, cơ sở triển khai nhằm đẩy mạnh hợp tác đầu tư liên doanh trên lãnh thổ của nhau, tạo nhiều điều kiện để trao đổi, tìm hiểu cơ hội đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp hai bên. Các cuộc viếng thăm và làm việc của các đoàn cấp cao Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành hai nước; các cuộc hội thảo giữa doanh nghiệp hai nước do phía Lào tổ chức (10/1998) và Đại Sứ quán Việt Nam tổ chức (6/2000); các hội chợ hàng hoá tại Lào không ngừng thúc đẩy những cơ hội hợp tác trong lĩnh vực này. Về phía Việt Nam, Chính phủ đã ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào.

Hầu hết các cơ chế hợp tác đã được ký kết, tạo khung pháp lý quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, thể hiện sự quyết tâm của hai bên nhằm nâng cao chất lượng hợp tác, dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau trên cơ sở thông lệ quốc tế và quan hệ đặc biệt giữa hai nước, như: thỏa thuận về tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hoá qua lại giữa hai nước (*Thỏa thuận Cửa Lò 1999*), Quy chế tài chính và quản lý dự án sử dụng vốn viện trợ của Việt Nam dành cho Lào.

Việc ban hành Nghị định về đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam (4/1999) kèm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về quản lý và triển khai các dự án hợp tác với Lào (16/7/1999) đã làm cho số dự án đầu tư vào Lào tăng lên đáng kể. Từ năm 2001 đến 2005 có 18 dự án, chiếm 52,9% số dự án đầu tư vào Lào từ trước đến lúc này.

Đầu tư trực tiếp của Lào vào Việt Nam cũng tăng nhanh, năm 2005 có sáu dự án với số vốn đóng góp của Lào là 4,3 triệu USD, đến năm 2007 tăng lên tám dự án với tổng số vốn 23 triệu USD, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: thương mại, du lịch và dịch vụ.

Năm 2006, hai bên đã cấp phép cho 52 dự án đầu tư vào Lào với số vốn đăng ký đạt 368,6 triệu USD. Năm 2007, phía Việt Nam có 87 dự án được cấp phép đầu tư vào Lào với tổng số vốn đăng ký là 1.020 triệu USD, xếp thứ ba trong tổng số 30 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Lào. Hội doanh nghiệp Việt Nam hợp tác và đầu tư tại Lào ra đời vào năm 2010.

Nhiều dự án đầu tư sản xuất hàng hoá tiêu dùng nhằm tận dụng thế mạnh nguyên liệu và nhân lực sẵn có của Lào đã được đưa vào hoạt động. Các dự án với quy mô lớn được mở ra không những mang lại lợi ích kinh tế - xã hội, mà còn có ý nghĩa an ninh - quốc phòng, góp phần thực hiện chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai nước. Đó là Nhà máy thủy điện Xê Camản 3 (240 MW), dự án trồng và chế biến cao su, các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào, khai thác và sản xuất muối mỏ kali ở Trung Lào, tổ hợp than điện Nặm Ngân,... đã và đang được các tổng công ty nhà nước và các địa phương của Việt Nam triển khai.

Năm 2009, lần đầu sau 20 năm Việt Nam mở đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, Chính phủ Lào đã cấp phép cho dự án đầu tư sân golf có tầm cỡ ở ngoại thành Viêng Chăn, khu Đông Phô Xi, huyện Hặt Xai Phong với số vốn khoảng 1 tỷ USD của Công ty Golf Long Thành¹.

Về giao thông vận tải, giai đoạn 1996 - 2000, hai bên đã cùng nhau tìm nguồn đầu tư nâng cấp hệ thống đường thông thương nối liền hai nước, tạo điều kiện cho Lào thông thương qua lãnh thổ và cảng biển Việt Nam ra các nước. Hai bên đã đầu tư quốc lộ 43 (Mộc Châu - cửa khẩu Pa Háng), 6B (Hủa Phăn),

¹ Đây là dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Lào với các hạng mục như: một sân Golf 36 lỗ, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng và biệt thự, trung tâm thương mại, bệnh viện, trường học trên tổng diện tích 557,4 ha. Với dự án phức hợp sân Golf của Công ty Golf Long Thành, đến thời điểm này, theo số liệu chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Lào, Việt Nam đã đứng vị trí thứ ba trong danh sách các nhà đầu tư tại Lào sau Thái Lan và Trung Quốc.

đầu tư xây dựng cửa khẩu Chiềng Khương (Sơn La), quốc lộ 42 Lai Châu - Tây Trang - Phongxaly); cải tạo nâng cấp quốc lộ 9A, cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị) - Xavannakhet, quốc lộ 8 đi cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) – Bolikhamsay, quốc lộ 7 đi cửa khẩu Nậm Cắn (Nghệ An) - Xiêng Khoảng; quốc lộ 217 đi cửa khẩu Na Mèo (Thanh Hóa) và 6A (Hủa Phăn), quốc lộ 12A đi cửa khẩu Chalo (Quảng Bình) - Khăm Muộn. Cải tạo nâng cấp cảng Đà Nẵng, cảng Xuân Hải và hoàn thành bên I cảng Vũng Áng để phía Lào sử dụng. Hai bên phối hợp hoàn thành xây dựng cửa khẩu Cầu Treo và Nậm Phao. Hai bên ký thỏa thuận về nguyên tắc Việt Nam cho Lào vay ưu đãi xây dựng đường 18B tại Lào.

Kết quả đầu tư trong lĩnh vực giao thông vận tải không những tạo điều kiện thông thương giữa hai nước, giúp Lào có đường ra biển, mà còn làm thay đổi bộ mặt kinh tế của nhiều khu vực và góp phần nâng cao đời sống, trình độ dân trí của các xã vùng cao trên dọc các tuyến thông qua Lào. Nhiều khu kinh tế cửa khẩu mới được hình thành, giao lưu thương mại các chợ biên giới giữa hai nước ngày càng phát triển.

Trong lĩnh vực năng lượng, từ năm 1986 đến năm 1995, hai bên đã phối hợp chặt chẽ, khẩn trương thiết kế và thi công một số tuyến dây tải điện 35 kV từ Việt Nam qua Lào.

Tháng 7 năm 1998, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định hợp tác năng lượng - điện, hai bên đã trao đổi, bổ sung và thống nhất dự án quy hoạch hệ thống đầu nối điện giữa hai nước. Hai bên xác định cụ thể công trình thủy điện hợp tác, phương thức mua, bán điện và giá điện làm cơ sở để phía Lào đưa vào tiến độ xây dựng và phía Việt Nam đưa vào tổng sơ đồ phát triển điện giai đoạn 2001-2005.

Việt Nam hoàn thành việc giúp Lào quy hoạch đầu nối mạng điện hai nước các tuyến Nậm Mộ - Bạ Vẽ - Vinh (110 kV), Xê Camản - A Vương - Đà Nẵng (220 kV), Nam Lào - Trạm 500 kV Plâycu (500 KV) để chuẩn bị thực hiện thỏa thuận nối mạng năng lượng điện trong những năm tới. Tiếp tục xây dựng Nhà máy thủy điện Xê Camản 3, chuẩn bị đầu tư cụm dự án thủy điện Xê Camản 1, bao gồm cả dự án Xê Camản Xanxay (Xê Camản 0) và các dự án thủy điện Nậm Cắn, Xê Camản 4, Đắc Ymon, Xê Coong 3 (thượng lưu và hạ lưu) để phục vụ kết nối hệ thống điện giữa hai nước.

Hợp tác về giáo dục và đào tạo luôn được hai Đảng, hai Nhà nước xác định là một nhiệm vụ quan trọng, là lĩnh vực hợp tác chiến lược và là biểu hiện

của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Việt Nam coi việc đào tạo cho Lào một nguồn nhân lực có trình độ cao là nhu cầu có tính chiến lược lâu dài, không những của Lào mà còn phục vụ cho quá trình hợp tác của Việt Nam với Lào.

Trong những năm đầu đổi mới (1986-1992), Việt Nam đã đào tạo cho Lào 537 cử nhân của các ngành và 252 lưu học sinh trung học chuyên nghiệp; tăng cường đào tạo giúp Lào bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), để cung cấp cho các ngành mũi nhọn về kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Đồng thời, phía Lào còn yêu cầu Việt Nam cử các chuyên gia sang giúp xây dựng chương trình giảng dạy, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp,... Kể từ năm 1992, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào đã ký kết Hiệp định về đào tạo cán bộ Lào tại Việt Nam và hằng năm, hiệp định này đều được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Từ năm 1997, hai bên đã nhanh chóng chuyển hướng kết hợp đào tạo dài hạn, chính quy với tăng cường bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ hệ ngắn hạn trên các lĩnh vực quản lý; kết hợp cử chuyên gia đào tạo tại Lào với việc mở rộng hình thức đào tạo tại chức cho Lào tại Việt Nam. Trong năm năm (1996-2000), phía Việt Nam đã tiếp nhận 2.184 cán bộ, học sinh Lào. Chính phủ Lào cũng ngày càng tăng số học bổng đại học cấp cho cán bộ, học sinh Việt Nam tại Lào. Ngoài ra, hằng năm, Đại học Quốc gia Lào còn mở rộng tiếp nhận hàng chục sinh viên Việt Nam sang học tự túc hệ đại học.

Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Đảng và Nhà nước hai nước Việt Nam và Lào ngày càng quan tâm hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Từ năm 2001 đến năm 2007, hai bên đã thống nhất dùng 49,05% nguồn vốn viện trợ (289,4 tỷ VNĐ) để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Lào, thông qua việc cấp học bổng cho cán bộ, học sinh Lào có mặt ở Việt Nam và đầu tư vào các cơ sở đào tạo tại Lào.

Hai bên tập trung ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị và quản lý của Đảng và Nhà nước Lào, với số lượng từ 130 người năm 2001 tăng lên 225 người năm 2005 và hàng ngàn cán bộ, học sinh tốt nghiệp các bậc đại học và cao đẳng trong năm năm (2001-2005). Kết quả này đã tạo cho Lào một nguồn nhân lực có chất lượng cao trên hầu hết các lĩnh vực quản lý, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật.

Hợp tác về khoa học kỹ thuật, nhất là về chuyên gia cũng được hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước coi trọng đổi mới và hoàn thiện cả về cơ

chế lẫn hình thức hợp tác. Trong những năm 1996 – 2000, theo yêu cầu của phía Lào, Việt Nam đã cử 475 lượt chuyên gia, tập trung vào các lĩnh vực kinh tế (63%), quốc phòng - an ninh (28%) và các lĩnh vực khác. Trong những năm này, nhiều đoàn chuyên gia vụ việc quan trọng của Việt Nam được cử sang Lào trao đổi và xử lý các vấn đề về quản lý vĩ mô (1996), đổi mới doanh nghiệp (1998), tiếp nhận viện trợ (1999),... Đặc biệt, sự có mặt kịp thời của Đoàn chuyên gia cao cấp Việt Nam giúp Lào chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô năm 1999, được phía Lào đánh giá đạt hiệu quả cao và thiết thực.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội lần thứ X (4/2006) và Đảng Nhân dân cách mạng Lào tổ chức Đại hội lần thứ VIII (3/2006), hai bên thống nhất xác định quan điểm hợp tác trong giai đoạn 2006-2010 là *tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, có hiệu quả trong mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, kết hợp chặt chẽ giữa hợp tác kinh tế với chính trị, an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Lấy mục tiêu chính trị làm cơ sở xem xét hiệu quả cho các hoạt động hợp tác kinh tế trên cơ sở phát huy và duy trì các kết quả hợp tác đã đạt được; sử dụng tốt tiềm năng, thế mạnh và bảo đảm sự phát triển bền vững môi trường sinh thái của mỗi nước; nâng cao hiệu quả và tăng cường ảnh hưởng thông qua hợp tác kinh tế; đồng thời có cơ chế hỗ trợ thông thoáng, tạo sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp hoạt động đầu tư, thương mại trên thị trường hai bên.*

Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật tiếp tục hướng vào mục tiêu ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường hợp tác phát triển bền vững vùng biên giới hai nước; quan tâm thích đáng hợp tác trên lĩnh vực văn hóa; khuyến khích và tạo điều kiện cho các địa phương hợp tác trên cơ sở quản lý thống nhất thông qua các chương trình hợp tác. Như vậy, hợp tác kinh tế đang đóng vai trò trọng tâm, là cơ sở vững chắc để phát triển hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, nhằm đưa quan hệ hợp tác kinh tế lên ngang tầm hợp tác chính trị.

- Hợp tác giữa các địa phương và hợp tác biên giới

Quan hệ hợp tác toàn diện và đa dạng giữa các địa phương và hợp tác biên giới thực sự là nét nổi bật, tạo ra nền tảng và chiều sâu của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Về chính trị, các tỉnh biên giới và các địa phương kết nghĩa của hai nước đã cử nhiều đoàn đại biểu đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành, các cấp,...

duy trì các hoạt động đối ngoại chính thức, hoặc trao đổi kinh nghiệm, thống nhất quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau trên các lĩnh vực. Công tác đối ngoại nhân dân được chú trọng đã tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, cùng vun đắp mối quan hệ đoàn kết đặc biệt thêm bền chặt. Đặc biệt, hai bên luôn quan tâm và tạo điều kiện cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi để lớp lớp thế hệ mai sau luôn giữ gìn, bảo vệ và phát triển tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, coi đó là quy luật tồn tại, phát triển của hai nước.

Về quốc phòng - an ninh, các tỉnh có chung đường biên giới quốc gia với nhau thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp xử lý kịp thời những vụ việc phát sinh liên quan đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội của mỗi bên. Hai bên duy trì đều đặn giao ban công tác biên giới, tổ chức tuần tra song phương và bảo trì mốc giới trên tuyến biên giới. Nhân dân các vùng biên giới ngày càng tăng cường đoàn kết, thực hiện tốt quy chế biên giới, giúp đỡ nhau vượt qua mọi khó khăn hằng ngày để ổn định và phát triển đời sống.

Về kinh tế, hợp tác giữa các địa phương kết nghĩa và các tỉnh biên giới hai nước Việt Nam và Lào đã mang lại những hiệu quả sâu rộng và thiết thực trong việc cùng nhau xóa nghèo, cải thiện đời sống và phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động thương mại, đầu tư và du lịch ngày càng được đẩy mạnh, nhất là từ năm 2001. Các địa phương của Lào đã giúp hàng hóa Việt Nam chiếm lĩnh thị trường, từ đó mở rộng sang thị trường nước thứ ba, trước hết là các nước trong Tiểu vùng Mê Công, cũng như giải quyết việc làm cho lao động Việt Nam. Các tỉnh của Việt Nam giúp Lào trao đổi và vận chuyển hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là giúp về kho bãi và đường ra biển. Các doanh nghiệp địa phương của Việt Nam đã bắt đầu chú ý đầu tư vào các ngành khai khoáng, thủy điện, công nghiệp chế biến gỗ, phân bón, dược phẩm, trồng cao su,... kết hợp với việc xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực cho Lào, tạo ra những mô hình sản xuất kinh doanh mới, gắn phát triển kinh tế với thực hiện mục tiêu công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Một số địa phương của Việt Nam đã triển khai hợp tác có hiệu quả tốt với các địa phương của Lào như: Sơn La hợp tác với sáu tỉnh Bắc Lào, đặc biệt là tỉnh Hủa Phăn và Luông Phạbang; Hà Tĩnh với tỉnh Bolikhămxay; Quảng Bình với tỉnh Khăm Muộn; Quảng Trị với Xavănnakhê; Nghệ An với Xiêng Khoảng; Kon Tum với Áttapư,... Riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều chương trình hợp tác với Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Chămpaxắc.

Những dự án hợp tác theo đơn vị lãnh thổ ở các tỉnh biên giới cùng với các chương trình dự án quy hoạch quốc gia giữa hai nước là những nội dung hợp tác mới và có hiệu quả cao. Các địa phương Việt Nam và Lào phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau khai thác tiềm năng, thế mạnh sẵn có về đất đai và nguồn tài nguyên, nhân lực của mỗi bên cũng như giúp nhau bảo vệ môi trường, phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của hai nước.

Các địa phương không chỉ hỗ trợ, giúp đỡ nhau một cách thiết thực bằng kinh nghiệm, khả năng sẵn có theo truyền thống vốn có, mà đã có sự chuyển hướng tích cực trong hợp tác cùng phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh tế, như: chuyển giao công nghệ sinh học, nuôi cấy mô tế bào thực vật, sản xuất giống cây có giá trị kinh tế cao, phối hợp hình thức gieo giống, cung cấp nguyên liệu chiết xuất cây trầm gió của tỉnh Hà Tĩnh; chuyển giao kỹ thuật và công nghệ chế biến thức ăn viên cho cá của Thành phố Hồ Chí Minh; lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Xiêng Khoảng 2010-2020 của tỉnh Nghệ An; nâng cao năng lực của các trạm thu phát truyền hình ở các huyện tỉnh Hòa Phấn của tỉnh Thanh Hóa,... với số vốn hàng chục tỷ đồng.

Hợp tác giáo dục - đào tạo ở các địa phương được mở rộng và tăng cường. Tính đến cuối năm 2006, có 1.046 học sinh Lào học tập tại 12 tỉnh, thành phố của Việt Nam, trong đó có 383 cán bộ, học sinh ở các bậc học đào tạo bằng nguồn ngân sách của các địa phương. Các địa phương Việt Nam cũng đã giúp đỡ nhiều cơ sở đào tạo tại Lào như: Quảng Bình xây dựng Trường Phổ thông Khăm Muộn; Hà Nội xây dựng Trường Trung cấp Kỹ thuật chăn nuôi ở Viêng Chăn; Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Trường Trung học phổ thông Xíkhốt ở Viêng Chăn, đồng thời cung cấp cho hai địa phương kết nghĩa là Viêng Chăn và Champaxác 100 suất học bổng đại học,...

Trong những năm 2001 - 2010, hai bên đã phối hợp thực hiện tốt Hiệp định về quy chế biên giới, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh, đặc biệt là phối hợp phòng chống vận chuyển và mua bán ma túy qua biên giới, góp phần xây dựng biên giới hai nước là đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác phát triển. Để thúc đẩy hợp tác phát triển toàn diện và ổn định vùng biên giới hai nước, hai bên đã ký kết *Thỏa thuận Hà Nội 2007* nhằm cải tiến thủ tục kiểm tra, kiểm soát qua lại giữa hai bên, tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hóa qua lại biên giới hai nước; triển khai dự án tăng dày và tôn tạo cột mốc hệ thống quốc giới Việt Nam - Lào để thực hiện vào năm 2008. Đặc biệt, hai bên đã phối hợp và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, y tế, các cụm bản ở khu vực biên giới nhằm bảo đảm ổn định an ninh - quốc phòng.

Quan hệ kết nghĩa giữa các tỉnh càng tô đậm thêm những dấu ấn tình cảm chia ngọt sẻ bùi, “*Một miếng khi đói bằng một gói khi no*” của bà con Việt Nam và Lào. Sau cơn bão số 8 năm 1985, Đoàn đại biểu đảng, chính quyền và đoàn thể tỉnh Khăm Muộn (Lào) đã kịp thời có mặt tại tỉnh Bình - Trị - Thiên¹, ủng hộ lương thực, hàng hóa trị giá 215.700 kíp, tỉnh Xavảnnakhết giúp 220 m³ gỗ và 10.000 cây tre. Năm 1989, khi biết cơn bão số 9 gây thiệt hại một số nơi thuộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum (Việt Nam), Tỉnh ủy và Ủy ban chính quyền Áttapur đã lập tức gửi tặng nhân dân Gia Lai - Kon Tum 2.000 tấn thóc để cứu trợ cho những vùng bị thiên tai khắc phục hậu quả. Đó là những món quà có ý nghĩa vô cùng quý giá, thể hiện truyền thống đoàn kết gắn bó “*hạt muối cắn đôi, cọng rau bẻ nửa*” giữa nhân dân hai nước Lào và Việt Nam.

Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2010, gắn với việc Việt Nam và Lào cùng tiến hành sự nghiệp đổi mới, quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt – Nam có nhiều biến chuyển cả về nội dung và phương thức, ngày càng phù hợp với yêu cầu và điều kiện của mỗi nước và tình hình thế giới. Trong hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, hai nước luôn xác định tập trung vào những lĩnh vực có thể phát huy được thế mạnh và điều kiện thuận lợi căn bản của mỗi nước, kết hợp thỏa đáng thông lệ và tập quán quốc tế với tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, có sự ưu tiên, ưu đãi cho nhau phù hợp với khả năng của mỗi nước. Từ năm 2001 đến 2010, hai nước đã xây dựng các thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho các giai đoạn năm năm (2001-2005, 2006-2010), 10 năm (2001-2010), sau đó là hàng loạt hiệp định, nghị định thư và các thỏa thuận hợp tác cũng được ký kết, tạo thành một hệ thống các cơ chế hợp tác và khung pháp lý quan trọng để các bộ, ngành hai bên áp dụng; nhờ đó tính hiệu quả của quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào được chú trọng và nâng lên rõ rệt.

Với những thành quả to lớn đạt được trong giai đoạn 1986 – 2010, *quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước đang trở thành yếu tố quyết định trong việc củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào*, tạo tiền đề cho việc tăng cường và mở rộng hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên tầm cao mới.

¹ Nay là ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

III. NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUAN HỆ HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM – LÀO, GIAI ĐOẠN 2011 ĐẾN 2017

Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực có những biến chuyển nhanh chóng, phức tạp cùng với những ảnh hưởng ngày càng lan rộng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam có những thuận lợi rất cơ bản, song cũng đứng trước những khó khăn mới. Cả hai nước Việt Nam và Lào đều thu được những thành tựu to lớn sau hơn hai thập kỷ tiến hành đổi mới. Quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam được lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước tăng cường, coi là qui luật giành thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và phát triển ở mỗi nước.

Sự ổn định về chính trị và phát triển kinh tế cũng như vai trò tích cực của hai nước Việt Nam và Lào trên các vấn đề khu vực, quốc tế được các nước và tổ chức quốc tế đánh giá cao. Sự phát triển năng động của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, những nỗ lực của các nước ASEAN trong xây dựng Cộng đồng kể từ cuối 2015¹... tạo những thuận lợi để Việt Nam và Lào đẩy mạnh hội nhập khu vực.

Tuy nhiên, Việt Nam và Lào đều là những nước đang phát triển, nguồn lực và tính cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế. Tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là tình hình Biển Đông có những thay đổi phức tạp, khó lường, đe dọa sự ổn định, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi quốc gia.

Tình hình trên tác động trực tiếp đến quan hệ Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam, đòi hỏi mối quan hệ hai nước phải có những đổi mới để phù hợp với xu thế phát triển chung trên cơ sở mối quan hệ đặc biệt đã được nhân dân hai nước xây dựng và vun đắp.

Đẩy mạnh hợp tác về chính trị, đối ngoại

Quan hệ hợp tác chính trị ngày càng gắn bó, tin cậy sâu sắc thể hiện qua việc hai bên đã duy trì hằng năm các cuộc gặp gỡ tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước dưới nhiều hình thức²; phối hợp chặt chẽ các vấn đề có

¹ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 27 tổ chức tại Kuala Lumpur ngày 22-11-2015 đã ra Tuyên bố chung về thành lập Cộng đồng ASEAN từ ngày 31-12-2015.

² Đó là các chuyến thăm Lào của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức tháng 6-2011 và tháng 11-2016, thăm nội bộ 2014; Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm chính thức tháng 2-2012, thăm nội bộ 2014, 2015; Chủ tịch nước Trần Đại Quang thăm chính thức tháng 6-2016; Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức tháng 9-2011; Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức tháng 4-2017; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn

tính chiến lược, cũng như kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc; duy trì cơ chế cử đặc phái viên khi cần thiết; tổ chức 4 cuộc hội thảo lý luận giữa hai Đảng¹, các hội nghị chuyên đề để trao đổi thông tin, lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình hoạch định đường lối, chính sách cũng như trong chỉ đạo thực tiễn về công cuộc đổi mới và xây dựng Đảng, quản lý nhà nước; đón các đoàn sang trao đổi kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, quản lý nhà nước, hội nhập quốc tế; mở các lớp nghiên cứu, trao đổi chuyên đề và bồi dưỡng cán bộ các cấp cho Lào; phối hợp tổ chức Năm đoàn kết hữu nghị 2012 và các ngày lễ quan trọng hằng năm²; hoàn thành Công trình biên soạn *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào (1930 -2007)* và đưa nội dung các sản phẩm của công trình lịch sử phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền về mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào; phối hợp triển khai xây dựng một số công trình và tôn tạo các di tích lịch sử về quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào ở mỗi nước; khen thưởng huân, huy chương cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào; hai bên tích cực chuẩn bị để tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam – Lào trong năm 2017.

Về mặt đối ngoại, Việt Nam và Lào đã phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế tham vấn cấp Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương và Bộ trưởng Ngoại giao. Việt Nam phối hợp và hỗ trợ tích cực để Lào lần đầu tiên với vai trò nước chủ nhà tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao Á - Âu (ASEM³ 9) vào

Sinh Hùng thăm chính thức tháng 7-2012; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân thăm chính thức tháng 9-2016; Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn thăm chính thức Việt Nam tháng 8-2011 và tháng 12-2012, thăm nội bộ 2012, 2014, 2015; Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Bunnhăng Volachít thăm chính thức tháng 4-2016; Thủ tướng Thoongxinh Thammavông thăm chính thức tháng 3-2011 và tháng 2-2012, tham dự lễ hoàn thành dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới tháng 3-2016; Thủ tướng Thoonglun Xixulít thăm chính thức tháng 6-2016; Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotu thăm chính thức tháng 8-2011, tháng 4-2012, tháng 1-2016, tháng 3-2017. Trong giai đoạn 2011- 2016, hai bên trao đổi khoảng 2173 đoàn. Hai tháng đầu năm 2017, hai bên đã trao đổi 33 đoàn các cấp, trong đó có 13 đoàn cấp Thứ trưởng trở lên, Việt Nam có 18 đoàn, Lào có 15 đoàn.

¹ Đó là các cuộc Hội thảo với chủ đề: “Một số vấn đề lý luận-thực tiễn trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam và Lào”, “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện một Đảng cầm quyền ở Lào và Việt Nam”, “Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào – Lý luận và thực tiễn”, “Hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm Lào, kinh nghiệm Việt Nam”.

² 85 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 125 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 70 năm Quốc khánh Việt Nam, 65 năm Ngày truyền thống quân tình nguyện Việt Nam tại Lào, 60 năm Ngày thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, 40 năm Quốc khánh Lào, 95 năm Ngày sinh Chủ tịch Cayxôn Phômvihân

³ ASEM viết từ *The Asia-Europe Meeting* (Hội nghị thượng đỉnh Á – Âu hay Diễn đàn hợp tác Á-Âu) chính thức thành lập vào năm 1996.

tháng 11 năm 2012; ủng hộ Lào gia nhập WTO¹ năm 2012; hỗ trợ có hiệu quả cho Lào trong việc đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN 2016 và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN vào tháng 9 năm 2016. Lào cũng phối hợp, ủng hộ Việt Nam trên nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế.

Hai bên thường xuyên trao đổi sâu rộng về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm, trong đó có môi trường chiến lược tại châu Á – Thái Bình Dương, hợp tác trong ASEAN, phát triển tiểu vùng và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Công, vấn đề Biển Đông; nhất trí tiếp tục phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn khu vực và quốc tế; chủ động và tích cực chia sẻ thông tin, trao đổi quan điểm và phối hợp lập trường tham vấn ở tất cả các kênh và các cấp, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của mỗi nước.

Hoạt động đối ngoại nhân dân là kênh đối ngoại được hai nước quan tâm thường xuyên. Đặc biệt, trong năm Đoàn kết hữu nghị Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam 2012, hai bên đã tổ chức các cuộc mít tinh tại thủ đô hai nước, tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng; tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao². Trong các chuyến thăm hỏi lẫn nhau giữa các địa phương khu vực giáp biên, hai bên thường trao đổi với nhau những kinh nghiệm về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, về công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận... và mối quan hệ đó ngày càng đi vào chiều sâu với nội dung thiết thực và có hiệu quả.

- Hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Về hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh, giữa Việt Nam và Lào tiếp tục được khẳng định là một trong những cột trụ hết sức quan trọng trong quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Hai bên nhất trí tăng cường phối hợp, triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung hợp tác với mục tiêu củng cố và tăng cường hơn nữa sự tin cậy, hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước, nhân dân và Quân đội hai nước, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị – xã hội để xây dựng đất nước và làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ mối quan hệ hữu nghị truyền thống và tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào.

¹ WTO viết tắt World Trade Organization (Tổ chức Thương mại Thế giới) chính thức được thành lập vào năm 1995.

² Triển lãm “Sách báo – Mùa xuân hữu nghị Việt Lào” tháng 4 năm 2012; Hội diễn văn nghệ quần chúng người Việt Nam tại Lào tháng 5 - 2012; Liên hoan hữu nghị nhân dân Việt Nam – Lào lần thứ 3 tại Việt Nam tháng 7 - 2012; tổ chức nhiều cuộc nói chuyện tại các cơ quan trung ương và địa phương nhằm tuyên truyền sâu rộng mối quan hệ hai nước; tổ chức cuộc thi tìm hiểu ‘Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt – Lào, Lào – Việt Nam với số lượng người tham gia đông đảo. Chuyến thăm hữu nghị nước CHDCND Lào tháng 4-2017 của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc được coi là hoạt động chính thức mở đầu cho các hoạt động lớn kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam – Lào trong năm 2017.

Hai bên phối hợp thực hiện tốt các Nghị định thư của Bộ Quốc phòng và An ninh, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, hợp tác xây dựng tuyến biên giới Việt Nam – Lào ổn định và phát triển bền vững; hai bên đã hoàn thành Dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam – Lào¹, ký hai văn kiện pháp lý quan trọng là “*Nghị định thư về đường biên giới và mốc giới Việt Nam - Lào*” và “*Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào*” (16/3/2016); tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện Thỏa thuận cấp cao Chính phủ về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn ngoài giá thú trong khu vực biên giới hai nước².

Việc tìm kiếm, cất bốc, hồi hương hài cốt liệt sĩ cũng được hai Bộ Quốc phòng tích cực phối hợp thực hiện. Trong giai đoạn 2011-2016 các đội quy tập mộ liệt sĩ của Việt Nam, được sự giúp đỡ của chính quyền, nhân dân Lào đã tìm kiếm, đưa về nước 2.504 hài cốt liệt sĩ, nâng tổng số hài cốt liệt sĩ là quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam tìm thấy ở Lào lên gần 34.000 hài cốt. Tại Việt Nam, các lực lượng chức năng cũng đã quy tập được 6 hài cốt quân nhân và lưu học sinh Lào hy sinh hoặc mất trong thời gian học tập, công tác tại Việt Nam và đưa vào Nghĩa trang liệt sĩ Đồng Tâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa³.

Trong chuyến thăm chính thức Việt Nam, từ ngày 8 – 11 tháng 1 năm 2017 của Đoàn Đại biểu Quân sự cấp cao Lào do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lào, Thượng tướng Chănsamôn Chănnhalat dẫn đầu, Bộ trưởng Quốc phòng hai nước thống nhất việc tăng cường công tác phối hợp, đôn đốc, giám sát trong triển khai các nội dung kế hoạch hợp tác năm 2017 và các thỏa thuận cấp cao; chú trọng nâng cao hiệu quả, nhất là trong đào tạo, huấn luyện, tăng cường trao đổi, giao lưu các cấp, đặc biệt là đoàn cấp cao; tổ chức trao đổi chính sách quốc phòng cấp Thứ trưởng, chương trình giao lưu, hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam - Lào, giao lưu sỹ quan trẻ; khuyến khích các cơ quan, đơn vị hai bên tổ chức kết nghĩa, giúp đỡ lẫn nhau. Hai bên thống nhất tăng cường trao đổi kinh nghiệm về công tác Đảng, công tác chính trị, công tác tuyên truyền, giáo dục về quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn mỗi nước; phối hợp tổ chức các hoạt động kỷ niệm 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác, 55 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước,

¹ Hai bên đã tôn tạo, cắm mới 905 vị trí, tương đương 1.002 cột mốc và cọc dấu, trong đó cắm bổ sung 168 cọc dấu.

² Hiện có 1.632 người Lào, 5.836 người Việt Nam di cư tự do và kết hôn ngoài giá thú đang sinh sống tại vùng biên mỗi nước.

³ Xem *Báo Quân đội nhân dân* ngày 8-6-2012, *Báo điện tử VTV.vn* ngày 6-6-2016.

trong đó có việc hoàn thành xây dựng Tượng đài “Tình đoàn kết liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào” tại tỉnh Xayxômbun,...

Về hợp tác an ninh, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, thời cơ, thuận lợi và thách thức đan xen, lực lượng an ninh nhân dân hai nước luôn xác định đoàn kết, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của hai Đảng, Nhà nước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào. Bộ Công an Việt Nam và Bộ An ninh Lào đều nỗ lực để lực lượng công an hai nước hợp tác chặt chẽ, thực chất hơn nữa nhằm bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam và Lào trong mọi hoàn cảnh. Hai bộ thống nhất tiếp tục tăng cường trao đổi đoàn lãnh đạo nhằm trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia của mỗi nước, phòng chống tội phạm và các vấn đề an ninh phi truyền thống; thống nhất khi có vụ việc phát sinh, sẽ phối hợp, xử lý nhanh chóng, không để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, chống phá, ảnh hưởng đến quan hệ đoàn kết đặc biệt, hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai nước; thống nhất tiếp tục tham vấn, ủng hộ nhau trên các diễn đàn thế giới, khu vực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác. Đặc biệt, lực lượng an ninh hai nước thống nhất bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho các sự kiện kỷ niệm quan hệ hai nước diễn ra trong năm 2017.

- Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học – công nghệ

Trên cơ sở “*Thỏa thuận Chiến lược về Hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Giáo dục, Khoa học kỹ thuật giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2011 - 2020*” ký tại Hà Nội ngày 9 tháng 4 năm 2011, hai bên đã tiến hành rà soát bổ sung, sửa đổi các văn bản thỏa thuận, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách mới phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế của mỗi nước, thể hiện mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước và thông lệ quốc tế, tạo sự chuyên biến trong hợp tác kinh tế cũng như hội nhập quốc tế và khu vực của mỗi nước... Chính phủ Việt Nam và Lào khuyến khích các bộ, ngành, tổ chức, địa phương và các doanh nghiệp hai bên hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trên các lĩnh vực mà hai bên có thế mạnh; phía Việt Nam tiếp tục dành sự hỗ trợ tối đa trong khả năng của mình cho các bộ, ngành, địa phương của Lào.

Tại cuộc hội đàm ngày 15 tháng 5 năm 2016, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Thoonglun Xixulít đều bày tỏ sự hài lòng về mối quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào không ngừng được củng cố và phát triển, ngày càng gắn bó và tin cậy. Hai Thủ tướng nhất trí hai bên đã đạt được nhiều mục tiêu quan trọng trong *Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật Việt - Lào giai đoạn 2011 – 2020*. Đặc biệt, *Hiệp định về hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Lào giai đoạn 2011 – 2015* đã được triển khai tốt, góp phần không ngừng củng cố và phát triển quan hệ song phương cả về chiều rộng và chiều sâu. Hai Thủ tướng khẳng định sẽ phối hợp chặt chẽ để tổ chức thực hiện tốt các thoả thuận của lãnh đạo cấp cao hai nước về tăng cường quan hệ chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng cũng như hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư; nhất trí chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả *Kế hoạch hợp tác giữa hai Chính phủ năm 2016* và *Hiệp định hợp tác song phương Việt Nam – Lào giai đoạn 2016 – 2020*; tiếp tục kiện toàn Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác song phương để cơ chế này đạt hiệu quả cao nhất.

Hợp tác về đầu tư giữa hai nước Việt Nam và Lào trong giai đoạn này có bước phát triển mới theo chiều sâu, thiết thực và hiệu quả nhờ vào sự đổi mới về quy mô, quy hoạch và chất lượng của các chương trình hợp tác và dự án đầu tư.

Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến về hợp tác quy hoạch đầu tư là vào ngày 19 tháng 12 năm 2012, tại tỉnh Vĩnh Phúc (Việt Nam), Việt Nam và Lào ký *Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về Chiến lược hợp tác Việt Nam – Lào tại hai tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng, nước CHDCND Lào đến năm 2020*¹. Tổng số dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào giai đoạn 2011 – 2015 là 84 dự án, trong đó năm 2015 tăng 14 dự án với số vốn 1,16 tỷ USD, trong đó có nhiều dự án lớn như: Dự án khai thác muối mỏ kali, dự án trồng cao su, mía đường và nuôi bò của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai tại Nam Lào, dự án sân golf của Công ty Golf Long Thành, dự án liên doanh viễn thông của Tập đoàn Viettel, các ngân hàng liên doanh tại Lào. Về thủy điện, Việt Nam có 15 dự án đầu tư với tổng công suất trên 3.000 KW và tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1,4 tỷ USD. Về khoáng sản

¹ Thỏa thuận chiến lược này được điều chỉnh và ký lại nhân chuyến thăm chính thức Lào của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng vào tháng 11-2016.

Việt Nam có 57 dự án đầu tư tại Lào. Về trồng cây công nghiệp Việt Nam có 18 dự án đầu tư tại Lào.

Đầu tư Việt Nam đang trở thành điểm sáng của FDI tại Lào. Nhiều dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào đã và đang phát huy hiệu quả, sản xuất kinh doanh có lãi, đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển của hai nước, tạo công ăn việc làm và làm tốt công tác an sinh xã hội tại Lào từ đó góp phần củng cố và vun đắp cho mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào không ngừng nở hoa, kết trái. Công ty Hoàng Anh Gia Lai đã đầu tư xây dựng bệnh viện, trường học, cầu đường... trị giá khoảng 40 triệu USD. Công ty Đầu tư Sài Gòn tài trợ 100 suất học bổng cho sinh viên Lào sang học tại các trường đại học ở Việt Nam. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam giúp xây dựng một trường học tại tỉnh Hủa Phăn trị giá 1 triệu USD, công ty Golf Long Thành hỗ trợ phát triển cho các cơ quan của Lào 3,6 triệu USD, v.v...

Ngày 8 tháng 2 năm 2017, lần đầu tiên, Thủ tướng hai nước đồng chủ trì kỳ họp lần thứ 39 Ủy ban liên chính phủ Việt Nam – Lào về hợp tác song phương, mở ra cơ chế hợp tác trực tiếp và có hiệu quả cao giữa hai người đứng đầu cơ quan hành pháp hai nước.

Sự quan tâm của hai phía Chính phủ và nhà đầu tư Việt Nam cũng như Lào đã đưa hợp tác đầu tư hai nước có những bước phát triển mới. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào, tính đến nay Việt Nam có 408 dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đầu tư 3,7 tỷ USD, trong đó đã thực hiện được 1,5 tỷ USD (thủy điện có 07 dự án, khai khoáng có 63 dự án, trồng cao su và cây công nghiệp có 18 dự án). Trong thời gian gần đây, dự án thủy điện Xê Camán 1 đã chạy thử tổ máy số 1, số 2; khách sạn Mường Thanh Viêng Chăn, Crowne Plaza Viêng Chăn hoàn thành đưa vào sử dụng; Tập đoàn Viettel đã nâng cấp mạng 4G tại Lào; hai bên đã ký Thỏa thuận giữa hai Chính phủ về hợp tác phát triển các dự án thủy điện tại Lào và mua bán điện giữa hai nước đến năm 2030...

Nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam, trợ giúp của các bộ, ngành, địa phương của Việt Nam trong thời gian qua đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao năng lực, cải thiện cơ sở vật chất, giải quyết khó khăn cho nhiều bộ, ngành, địa phương của Lào, nhất là các địa phương có truyền thống cách mạng, vùng sâu, vùng xa. Nhiều công trình, dự án đã tạo được dấu ấn và được phía Lào đánh giá cao. Viện trợ của Việt Nam giúp Lào đã góp phần

củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Hợp tác về thương mại Việt Nam – Lào được đẩy mạnh theo chiều rộng và chiều sâu, hai bên thống nhất tiếp tục triển khai những nội dung chính như: Đề án phát triển thương mại giữa hai nước giai đoạn 2008 – 2015; hai bên tạo thuận lợi cho việc tổ chức Hội chợ thương mại Việt Nam - Lào năm 2011 tại Lào và sẽ tiếp tục nghiên cứu tổ chức thêm các Hội chợ thương mại Việt – Lào tại một số địa phương khác của Lào trong những năm tiếp theo....

Hai bên tiếp tục dành ưu đãi thuế quan cho doanh nghiệp hai nước; nghiên cứu, báo cáo Chính phủ hai nước cho phép mở rộng Danh mục hàng hoá được hưởng ưu đãi thuế quan giảm thuế 50% và 0% cho các năm tiếp theo; tiếp tục triển khai các thoả thuận về hợp tác phát triển thương mại biên giới giữa hai nước; nghiên cứu lập “*Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam-Lào đến năm 2020*”; nghiên cứu lập “*Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam – Lào giai đoạn 2012 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.

Kim ngạch hai chiều năm 2011 đạt 734 triệu USD, tăng 49,8%; năm 2012 đạt 866 triệu USD, tăng 17,1%; năm 2013 đạt 1.125 triệu USD, tăng 29%; năm 2014 đạt 1.290 triệu USD, tăng 14,2%; năm 2015 đạt 890 triệu USD; năm 2016 đạt 823,4 triệu USD (Việt Nam nhập khẩu từ Lào 345,4 triệu USD, Xuất khẩu sang Lào 478 triệu USD)

Năm 2016, hợp tác thương mại giữa hai nước diễn ra nhiều hoạt động, như: “Hội chợ thương mại Việt – Lào năm 2016” tại Thủ đô Viêng Chăn vào tháng 7 năm 2016; Hội nghị Thương mại biên giới Việt Nam - Lào lần thứ X tại tỉnh Áttapư (Lào) vào tháng 9 năm 2016; Ký Bản ghi nhớ về thành lập website kinh tế – thương mại Việt Nam – Lào tháng 11 năm 2016...; Hội nghị phổ biến Hiệp định Thương mại song phương mới và Hiệp định Thương mại biên giới được tổ chức tại Việt Nam vào tháng 7 năm 2016 và tại Lào vào tháng 8 năm 2016. Hai nước tiến hành phối hợp nghiên cứu và xây dựng “*Đề án Tổng thể phát triển Thương mại Việt Nam – Lào giai đoạn 10 năm (2017 – 2026)*”; tìm kiếm giải pháp cần thiết thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước...

Về kết nối giao thông vận tải, hai nước quan tâm đặc biệt tới việc bảo đảm kết nối giao thông đường bộ trên các trục huyết mạch và các tuyến kết nối qua biên giới với các cảng biển của Việt Nam để phục vụ đầu tư, thương mại

Việt Nam - Lào, trên nguyên tắc đầu tư đồng bộ và đồng thời giữa hai bên. Hai bên đã tập trung triển khai có hiệu quả Biên bản ghi nhớ về “*Chiến lược hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải*” (ký tháng 9 - 2015), trong đó, hai ngành giao thông vận tải đã thống nhất Kế hoạch 5 năm (2016 – 2020) thực hiện Bản ghi nhớ này; hoàn thành nghiên cứu tiền khả thi dự án xây dựng đường cao tốc Hà Nội – Viên Chăn và ký kết Thỏa thuận về đầu tư xây dựng dự án (11/2016). Việt Nam và Lào tiến hành nghiên cứu khả thi một số dự án kết nối giao thông: tuyến đường sắt Thà Khẹt – Mụ Giạ – Tân Ấp – Vũng Áng; phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét việc bổ sung tuyến đường 8 vào Hiệp định GMS – CBTA¹; thúc đẩy các thủ tục cần thiết để mở tuyến vận tải hành khách từ Hà Tĩnh đi Khăm Muôn (Lào) đến Nakhon Phanôm (Thái Lan) và ngược lại để phát triển du lịch. Hai bên đang tiếp tục phối hợp với Nhóm tư vấn của ADB đánh giá, rút kinh nghiệm mô hình kiểm tra “một cửa, một lần dừng” tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo-Đenxávan và xem xét khả năng nhân rộng triển khai mô hình này tại các cặp cửa khẩu khác khi có điều kiện...

Hai bên phối hợp nghiên cứu phương án nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Vũng Áng Lào – Việt Nam theo hướng tăng tính chủ động cho phía Lào; Chính phủ hai nước xem xét khả năng sửa đổi, bổ sung “*Thỏa thuận sử dụng cảng Vũng Áng*” để phía Lào khai thác cảng Vũng Áng hiệu quả hơn trong tình hình mới.

Việt Nam và Lào tiếp tục phối hợp chặt chẽ với nhau và cùng phối hợp với các nước Tiểu vùng sông Mê Công trong việc quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn nước sông Mê Công.

Về hợp tác giáo dục – đào tạo, công tác đào tạo đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực cho Lào ngày càng được tăng cường về số lượng, cải thiện về chất lượng với các phương thức và loại hình đào tạo đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu đổi mới của Lào; các cơ sở đào tạo lưu học sinh Lào tại Việt Nam được quan tâm đầu tư nâng cấp. Chất lượng học tập lưu học sinh Lào theo diện Hiệp định có chuyển biến tốt. Năm học 2010-2011, có 4.709 lưu học sinh Lào; năm học 2011-2012 có 5.234 lưu học sinh Lào; năm học 2012-2013 có 6.493 lưu học

¹ GMS – CBTA viết tắt của Greater Mekong Subregion - Cross Border Transport Agreement (Hiệp định vận tải qua lại biên giới của các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng)

sinh Lào: năm học 2013-2014 có 7.782 lưu học sinh Lào; năm học 2014-2015 có 9.295 cán bộ, sinh viên Lào học tập tại Việt Nam¹.

Hai bên tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “*Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt – Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 – 2020*”; ký Nghị định thư về hợp tác đào tạo cán bộ giữa hai nước (thay thế Nghị định thư đã hết hạn); thúc đẩy việc giảng dạy tiếng Việt tại Lào; khuyến khích cán bộ Lào học tiếng Việt và cán bộ Việt Nam học tiếng Lào. Chính phủ Việt Nam dành 1.200 suất học bổng cho cán bộ, học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam (500 suất đào tạo dài hạn và 700 suất đào tạo ngắn hạn). Tính đến thời điểm hiện tại, số lưu học sinh Lào đang học tập tại Việt Nam là hơn 14.209 người². Chính phủ Lào dành 60 suất học bổng cho cán bộ, học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào theo chương trình đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn nâng tổng số lưu học sinh Việt Nam đang học tập tại Lào là 290 người³.

Hợp tác trong các lĩnh vực khoa học- công nghệ, thông tin truyền thông, lao động, văn hóa nghệ thuật, thể thao du lịch, bảo tàng... được hai bên quan tâm thực hiện. Việt Nam đã tổ chức động thổ xây dựng hai bệnh viện hữu nghị tại tỉnh Hủa Phăn trị giá khoảng 20 triệu USD và tỉnh Xiêng Khoảng trị giá khoảng 17 triệu USD. Việt Nam và Lào cũng đã ký thỏa thuận hợp tác nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội và nhân văn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của hai nước.

Quan hệ hợp tác giữa các ban, bộ, ngành, Ủy ban của Quốc hội, Mặt trận, đoàn thể, các địa phương tiếp tục được đẩy mạnh và thực hiện linh hoạt, hiệu quả và thiết thực. Hai bên đã trao đổi các đoàn, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau. Các Ban của Đảng (Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương) đã ký hợp tác với các Ban của Lào.

- Hợp tác giữa các địa phương và hợp tác biên giới

Về hợp tác giữa các địa phương, trong giai đoạn này, các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, giao lưu nhằm thúc đẩy phát triển hợp tác toàn diện trên các

¹ Trong đó có 3.780 người thuộc diện Hiệp định; 3.092 người thuộc diện học bổng của các địa phương và các bộ, ngành; 2.295 người theo diện tự túc; 110 người theo học bổng tài trợ của các doanh nghiệp, 20 người theo học bổng của các tổ chức quốc tế đài thọ. Nguồn: *Ban Đối ngoại Trung ương Đảng CS Việt Nam*.

² Diện hiệp định hơn 3.419 người, diện hợp tác giữa bộ, ngành, địa phương là 5.266 người, tài trợ của các tổ chức quốc tế là 31 người, tài trợ của doanh nghiệp là 23 người và tự túc là 5.470 người. Nguồn: *Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*

³ Nguồn; *Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*.

lĩnh vực: kinh tế – thương mại, đầu tư, du lịch, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, giáo dục, y tế, quốc phòng – an ninh, giao lưu nhân dân,... giữa các tỉnh có biên giới Việt Nam và Lào và các tỉnh, thành phố của Việt Nam tiếp tục phát triển sôi động và mang lại hiệu quả cao. Hợp tác, giao lưu giữa các địa phương vừa đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội ở mỗi địa phương, đồng thời củng cố nền tảng và làm sâu sắc hơn quan hệ đặc biệt Việt Nam và Lào trên mọi phương diện.

Trong lĩnh vực hợp tác phát triển bền vững biên giới, chính quyền và hệ thống chính trị của hai nước đều rất chú trọng xây dựng tuyến biên giới Việt Nam – Lào ổn định và phát triển toàn diện; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn các hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá, chia rẽ mối quan hệ giữa hai nước.

Việc tăng cường kiểm tra dọc tuyến biên giới, tại các cửa khẩu, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; ngăn chặn và xử lý việc khai thác tài nguyên thiên nhiên trái phép, nạn buôn lậu, vận chuyển ma túy, mua bán người và những vấn đề tiêu cực khác nảy sinh tại địa bàn biên giới hai nước được đẩy mạnh trong giai đoạn này; khẩn trương hoàn thành các thủ tục đối nội, đối ngoại để triển khai, phổ biến, tuyên truyền, thực hiện hiệu quả hai văn kiện pháp lý mới được ký kết ngày 16 tháng 3 năm 2016 tại Hà Nội là *Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới Việt Nam – Lào, Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới Việt Nam – Lào.*

* * *

Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào Việt Nam từ năm 1975 đến 2017 là một bước tiến dài và đạt được những thành quả vô cùng to lớn. Từ quan hệ liên minh chiến đấu, hai nước bước sang thời kỳ đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện được đánh dấu bằng văn kiện lịch sử: “*Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam – Lào*” (18/7/1977). Bằng quyết tâm chính trị của hai Đảng và quyết tâm điều hành, quản lý của hai Nhà nước, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, các địa phương và nhân dân hai nước, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam ngày càng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, từ hợp tác về chính trị, đối ngoại, quốc phòng - an ninh đến hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hợp tác giữa các địa phương, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc xây dựng và phát triển ở mỗi nước.

Trong giai đoạn khảo nghiệm, mở đường đổi mới (1976 - 1985), điểm nổi bật trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam không phải là mối quan hệ của một nước giàu đối với một nước nghèo, của một nước đã thành công với một nước mới tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là sự giúp đỡ lẫn nhau, nương tựa vào nhau của hai nước có cùng hoàn cảnh vừa ra khỏi chiến tranh với những hậu quả nặng nề của sự tàn phá khốc liệt. Đây là sự cùng nhau chia sẻ những kinh nghiệm trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội với nhiều khó khăn, lúng túng. Đây là sự tương trợ lẫn nhau nhằm khắc phục tình trạng thiếu thốn từ cái ăn, cái mặc, đến cả những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Và đây còn là sự phối hợp cùng nhau trên mặt trận ngoại giao để cùng vượt qua những khó khăn và thách thức để bảo vệ độc lập, tự chủ, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.

Giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986, gắn với việc Việt Nam và Lào cùng chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, điều chỉnh cơ cấu kinh tế và quan hệ kinh tế đối ngoại, giảm dần tính tập trung, bao cấp, chuyển sang xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, hai nước luôn xác định tập trung vào những lĩnh vực có thể phát huy được thế mạnh và điều kiện thuận lợi căn bản của mỗi nước, kết hợp thỏa đáng thông lệ và tập quán quốc tế với tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam và Lào, có sự ưu tiên, ưu đãi cho nhau phù hợp với khả năng của mỗi nước. Các thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật, các hiệp định, nghị định thư và các thỏa thuận hợp tác được ký kết, tạo thành một hệ thống các cơ chế hợp tác và khung pháp lý quan trọng để các bộ, ngành hai bên áp dụng; nhờ đó tính hiệu quả của quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam được chú trọng và nâng lên rõ rệt.

Từ năm 2011 đến nay, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực và có hiệu quả trên các lĩnh vực; góp phần quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị của mỗi nước; tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, đồng thời là nhân tố đặc biệt quan trọng góp phần nâng cao vị thế của cả hai Đảng, hai nước, đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Chặng đường hơn 40 năm bảo vệ và phát triển quan hệ đặc biệt mà Việt Nam và Lào cùng tiến hành đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và có

ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Chặng đường đó cũng chính là thời gian thử thách quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào. Nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào hết sức vui mừng nhận thấy quan hệ hai nước tiếp tục có bước phát triển tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực. Việt Nam và Lào đều dành những ưu tiên cao nhất cho nhau trong mỗi quan hệ, đồng thời vừa bảo đảm tôn trọng tính pháp lý và những thông lệ quốc tế. Điều đó càng khẳng định **mối quan hệ đặc biệt hiếm có Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam là tài sản chung vô giá của hai Đảng, hai dân tộc, là quy luật tồn tại và phát triển, là quan hệ sống còn và là nguồn lực quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ, phát triển ở mỗi nước.**

Chương IV

QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO BẢN CHẤT, THÀNH QUẢ, BÀI HỌC VÀ TRIỂN VỌNG

I. BẢN CHẤT, THÀNH QUẢ, Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ

Bản chất của quan hệ đặc biệt đó bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn kết hợp với chủ nghĩa quốc tế trong sáng; tình đoàn kết thủy chung và niềm tin về lòng chân thành, trong sáng mà hai dân tộc Việt Nam, Lào dành cho nhau; sự giúp đỡ đến mức cao nhất nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển tương lai của hai dân tộc.

- Mỗi quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào không giống bất cứ mối quan hệ nào trong lịch sử thế giới đương đại, được xây đắp, nuôi dưỡng bằng công sức, của cải, xương máu của nhiều thế hệ cách mạng người Việt Nam và Lào. Trải qua rất nhiều gian nan, thử thách khắc nghiệt, quan hệ đó vẫn vẹn nguyên, không hề bị rạn nứt và phá vỡ cho dù các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn chống phá, chia rẽ.

- Tính đặc biệt của quan hệ Việt Nam - Lào được tạo dựng trên nền tảng *quan điểm, nguyên tắc, phương pháp và cơ chế* phù hợp với điều kiện cụ thể của hai dân tộc Việt Nam - Lào.

Bản chất của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, được nuôi dưỡng, phát triển bằng sức cảm hóa sâu sắc của *quan điểm* “giúp bạn là mình tự giúp mình” do Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dẫn. Đây là câu nói cô đọng, giàu ý nghĩa chính trị, nhân văn, mở ra phương hướng xử lý hài hòa lợi ích của hai dân tộc; là vũ khí sắc bén chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ban ơn.

Dựa trên luận điểm về quyền dân tộc tự quyết, cơ quan lãnh đạo cấp cao Việt Nam, Lào đã nhất trí tiến hành liên minh, hợp tác theo *nguyên tắc* tôn trọng độc lập tự chủ của bạn như Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “Cán bộ Việt Nam sang công tác ở Lào phải hoàn toàn ở dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Trung ương Lào, nhất là của Thủ tướng Xuphanuvông. Tuyệt đối không được tự cao, tự đại, không được bao biện...”¹.

¹Lời phát biểu tại Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào lần thứ nhất tháng 9-1952. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Về phía Lào, Chủ tịch Cayxôn Phômvihân nhấn mạnh: “Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải do nhân dân ta tự làm lấy. Đảng ta là một Đảng lãnh đạo cách mạng thực sự, do đó phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ”¹.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào còn đòi hỏi cả hai bên thực hiện tự phê bình và phê bình như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Mong cán bộ Việt Nam làm việc ở Lào thành khẩn, thật thà tự phê bình và mong các đồng chí Lào cũng phê bình anh em Việt Nam thật thà không nể nả... Vì cách mạng, vì đoàn kết ba dân tộc mà phê bình”².

Xuất phát từ sự tôn trọng quyền độc lập tự chủ và tình nghĩa anh em, tại cuộc Hội đàm ngày 9 tháng 7 năm 1961, hai đoàn đại biểu cấp cao của Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào bàn thảo và nhất trí với phương pháp quan hệ công tác của hai Đảng do đồng chí Lê Duẩn đề xuất: “Cách mạng Lào do đồng chí Lào lãnh đạo. Đường lối, chủ trương do Đảng Lào đề ra, Việt Nam góp ý kiến. Cũng có lúc Việt Nam thấy vấn đề trước thì Việt Nam sẽ đề xuất ý kiến trước nhưng quyền quyết định vẫn do Đảng Lào”³.

Về quan hệ giữa hai nước, hai Chính phủ, đồng chí Lê Duẩn cho rằng: “Những vấn đề lớn trong quan hệ giữa hai Chính phủ thì hai Đảng cũng cần có sự trao đổi ý kiến trước với nhau”⁴.

Nhiệm vụ giúp đỡ nhau giữa hai dân tộc đã được tiến hành theo *phương pháp* giúp bạn nâng cao năng lực để tự giải quyết các nhiệm vụ cách mạng của dân tộc mình, không áp đặt, dập khuôn.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào có sức nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chiến lược và cả các tình huống bất ngờ, do hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam, Lào áp dụng *cơ chế* điều hành linh hoạt các hoạt động liên minh, hợp tác trong đấu tranh chống ngoại xâm và hòa bình xây dựng đất nước.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào có những đặc điểm sau đây:

- *Quan hệ Việt Nam – Lào phát triển từ quan hệ truyền thống lên quan hệ đặc biệt*

¹ Kayxôn Phômvihân: *Bài nói tại Hội nghị cán bộ toàn quốc* ngày 13-5-1974. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

² Hồ Chí Minh: *Lời phát biểu tại Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt – Miên - Lào*, TL đã dẫn.

³ Tổng cục Chính trị, *Đảng lãnh đạo quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, H. 2008, tr. 317-318.

⁴ Tổng cục Chính trị, *Đảng lãnh đạo quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, H. 2008, tr. 318.

Quan hệ truyền thống thân thiết của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào được chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ hướng, soi đường đi tới độc lập tự do, đã biến thành quan hệ đặc biệt và sức mạnh vĩ đại, đưa tới nhiều thắng lợi lịch sử của Việt Nam và Lào trong đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống đế quốc Pháp, Mỹ xâm lược và tiến hành thành công sự nghiệp đổi mới đưa hai nước cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào do Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nền móng và chính Người cùng đồng chí Cayxôn Phômvihản, đồng chí Xuphanuvông và các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước dày công vun đắp; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người vạch đường cho sự nghiệp giải phóng và phát triển của hai dân tộc Việt Nam, Lào, cũng là người trực tiếp chỉ đạo xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam và tự mình nêu tấm gương sáng về đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong xử lý mọi quan hệ quốc gia, quốc tế Việt Nam - Lào.

Các thế hệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân, dân hai nước do thấm nhuần và thực hiện lời dạy của Người mà vượt qua mọi gian nguy để giành nhiều thắng lợi, kết thúc vẻ vang các chặng đường cách mạng và đang vươn tới những thắng lợi mới.

- Xây dựng, bảo vệ và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào Lào - Việt Nam là sự nghiệp của nhân dân Việt Nam, Lào

Mục tiêu phấn đấu của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào bao quát những nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân Việt Nam, Lào, là đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng chống kẻ thù chung, xây dựng quan hệ bình đẳng, tự chủ, hữu nghị, hợp tác giữa hai quốc gia.

Trong gần một thế kỷ qua, nhân dân hai nước chung sức, chung lòng, vừa xây dựng lực lượng, vừa anh dũng, sáng tạo, giữ vững mục tiêu cách mạng, đánh thắng nhiều kẻ thù hùng mạnh mà không tính thiệt hơn, chỉ dành cho nhau sự quý mến, trân trọng và biết ơn sâu nặng.

Truyền thống tốt đẹp đó tiếp tục được phát huy trên trận tuyến bảo vệ và xây dựng Tổ quốc trên con đường đổi mới của hai nước.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào mang tính xuyên suốt, toàn diện và bền vững

Trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài của hai dân tộc, quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào là nhân tố *xuyên suốt* các chặng đường và bước trước chuẩn bị cho bước sau nối tiếp phát triển.

Mỗi thời kỳ lịch sử tương ứng với một nhiệm vụ chiến lược cách mạng của hai nước và gắn liền với sự vận động của quan hệ Việt Nam - Lào trên các lĩnh vực tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, xã hội, văn hoá. Tuy mỗi thời kỳ có những nhiệm vụ trọng tâm, song nhìn tổng thể, vẫn nhận rõ tính toàn diện, phong phú mang bản chất cách mạng, nhân văn trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn.

Tất cả nhân tố trên đều lắng đọng, kết tinh và qua kiểm nghiệm trên nhiều bước đường gian khó, hiểm nghèo đã biến quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào thành giá trị văn hoá nhân văn trường tồn và phát triển cùng thời gian.

Thành quả cơ bản

Một là, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là quy luật giành thắng lợi và nguồn sức mạnh vô tận của cách mạng Việt Nam, Lào; là di sản văn hóa của hai dân tộc Việt Nam, Lào

Trước hết, *quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là quy luật giành thắng lợi* của hai dân tộc Việt Nam, Lào.

Từ bước khởi đầu thiết lập quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các cấp lãnh đạo tối cao của hai nước đã thấu hiểu tính tất yếu khách quan gắn bó vận mệnh của hai dân tộc Việt Nam, Lào trên cùng trận tuyến đấu tranh giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Cả hai bên đều chung sức, chung lòng tận dụng được lợi thế tự nhiên hiếm có của dãy Trường Sơn hùng vĩ, kết hợp với biển cả, đất đai, tài nguyên thiên nhiên quý giá khác; khơi dậy tối đa tinh thần gan góc, ý chí đấu tranh quật cường, sáng tạo của hai cộng đồng dân tộc trong một khối thống nhất bền chặt, đấu tranh vì độc lập, tự do và thịnh vượng của đất nước dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam. Các nhân tố đó kết tụ thành quy luật giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Lào.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào thể hiện rõ tính quy luật giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Lào được phản ánh ở hiệu quả to lớn trên các chặng đường liên minh, hợp tác, giúp đỡ qua lại giữa hai dân tộc trong giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, tạo lập địa

bàn chiến lược cho hai bên hoạt động, nương tựa, bảo vệ lẫn nhau. Đồng thời, mỗi bên đều sẵn sàng đáp ứng yêu cầu giúp bạn, phối hợp với bạn trên các lĩnh vực hoạt động. Tất cả đã diễn ra theo quy trình phát triển lực lượng từ yếu đến mạnh, từ nhỏ đến lớn, từ phá vỡ thế bị bao vây, cấm vận đến hội nhập khu vực và quốc tế.

Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào ghi lại nhiều kỳ tích của hai dân tộc, xuất hiện hầu như cùng thời điểm từ khởi nghĩa giành chính quyền đến phát hiện con đường đổi mới phù hợp với quy luật phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của hai nước Việt Nam và Lào. Các hiện tượng đó xác nhận sức mạnh tổng hợp đưa tới những thắng lợi lịch sử tất yếu của hai dân tộc.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào là nguồn lực vô tận quý giá nhất của hai dân tộc Việt Nam, Lào. Đó là thành quả lý luận cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được các thế hệ lãnh đạo kế tiếp của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào kế thừa, phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của hai nước Việt Nam, Lào, trở thành ngọn cờ dẫn đường cho hai dân tộc kề vai sát cánh đi tới thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là động lực nhân lên gấp bội sức mạnh của hai dân tộc do mỗi bên đều tự giác phát huy tinh thần tự lực, tự cường kết hợp với sự giúp đỡ vô tư của phía bạn. Mặt khác, nó còn tạo ra ảnh hưởng qua lại tích cực thuận chiều cho sự phát triển của cả hai nước trên các chặng đường lịch sử từ cách mạng giải phóng dân tộc đến sự nghiệp đổi mới.

Đó cũng là ***di sản văn hóa thiêng liêng của hai dân tộc Việt Nam, Lào***, nơi hội tụ biết bao giá trị cao đẹp và sâu sắc mà trí tuệ và tình cảm của nhân loại hằng ngưỡng mộ, tôn vinh, rất phù hợp với cách diễn đạt của Chủ tịch Xuphanuvông "Tình hữu nghị anh em giữa nhân dân Lào và nhân dân Việt Nam thật là vĩ đại mà bất cứ bài ca, bản nhạc nào, bất cứ bài thơ nào hay nhất cũng không sao diễn tả trọn vẹn được. Tình hữu nghị đó cao hơn núi, dài hơn sông, rộng hơn biển cả, đẹp hơn trăng rằm, ngát hương thơm hơn bất cứ đóa hoa nào thơm nhất. Tình hữu nghị cao đẹp đó đã được vun trồng, xây đắp với tất cả tấm lòng thành thật của chúng ta. Do đó, không thể có hung thần nào, không thể có kẻ thù nào phá vỡ nổi"¹.

¹ Báo Nhân Dân, ngày 2 tháng 6 năm 1971.

Hai là, quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào đưa cách mạng Việt Nam, Lào đi tới nhiều kỳ tích lịch sử

- Hai dân tộc Việt Nam, Lào sát cánh bên nhau giành độc lập dân tộc

Sau khi cách mạng hai nước Việt Nam và Lào đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân hai nước đã sát cánh, đoàn kết đấu tranh giành lại độc lập dân tộc. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đưa ra *nhiều quyết định độc lập, sáng tạo*: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở vị trí hàng đầu và cho rằng, sau khi lật đổ chế độ thuộc địa, mỗi dân tộc đều có quyền tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình; mặt khác, ba dân tộc Việt Nam, Lào và Campuchia cần đoàn kết chặt chẽ mới có thể chiến thắng kẻ thù xâm lược và xây dựng đất nước phồn vinh. Đối với các dân tộc Lào và Campuchia, dân tộc Việt Nam có nghĩa vụ giúp đỡ trên con đường đấu tranh vì độc lập, tự do.

Hướng tới các mục tiêu trên, công tác xây dựng đảng, đào tạo cán bộ và tổ chức các lực lượng chính trị, vũ trang được khẩn trương tiến hành. Nhiệm vụ thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất tại Việt Nam, Lào, Campuchia rất được coi trọng theo chủ trương thu hút rộng rãi nhất các giai cấp và tầng lớp yêu nước bằng cách thi hành các chính sách ích nước, lợi dân. Đồng thời, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo lập căn cứ địa ở Việt Nam và Lào làm chỗ dựa để tập hợp và phát triển lực lượng cách mạng.

Trung tuần tháng 8 năm 1945, thời cơ giành độc lập cho Đông Dương xuất hiện, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định Tổng khởi nghĩa và tiến hành Hội nghị toàn Đảng tại Tân Trào, Tuyên Quang (14,15/8/1945). Vào thời điểm này, lãnh tụ Hồ Chí Minh gặp các đồng chí đại biểu Xứ uỷ Lào, Người cho rằng: thời cơ rất thuận lợi cho nhân dân Đông Dương, ở đâu có điều kiện, phải giành được chính quyền trước khi Đồng minh vào.

Nhân dân hai nước Việt, Lào chớp thời cơ, tiến hành khởi nghĩa thành công tháng 8 năm 1945.

Đó là *kỳ tích* đầu tiên của hai nước Việt Nam, Lào, của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Thành công của Tổng khởi nghĩa tại Việt Nam và khởi nghĩa tại Lào bắt nguồn từ sáng tạo lý luận và chỉ đạo thực tiễn của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương về cách mạng giải phóng dân tộc và vấn đề dân tộc ở

Đông Dương, về huy động tối đa sức mạnh đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các lực lượng yêu nước nổi dậy giành chính quyền khi thời cơ khởi nghĩa xuất hiện.

- Hai dân tộc Việt Nam, Lào kề vai, sát cánh, xây dựng thực lực, kiên cường chiến đấu, đưa cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài 30 năm (1945-1975) đi tới thắng lợi hoàn toàn

Trong khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sức mạnh cơ bản của thắng lợi đã được tạo lập.

Thứ nhất, bốn năm đầu cuộc kháng chiến (1945-1949), chiến trường Đông Dương bị kẻ thù bao vây, cô lập. Nhưng chúng vẫn không thể ngăn chặn quân dân hai nước vạch rừng, băng qua sông, suối mở đường từ Việt Nam xuyên qua đất Lào tới Thái Lan, Miến Điện, rồi tỏa rộng ra nhiều nước Á, Âu, tuyên truyền cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Đông Dương; thu hút sự ủng hộ, chi viện của bạn bè quốc tế; chuyển về Lào và Việt Nam nhiều cán bộ, chiến sĩ Việt kiều, bổ sung lực lượng kháng chiến.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt đầu tiên của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt đầu tiên của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam vốn đã được chuẩn bị từ trước tháng 8-1945; đến kháng chiến chống thực dân Pháp, bao gồm các nhà lãnh đạo xuất sắc của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào.

Phía Việt Nam, đó là nhiều cán bộ cấp cao của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Phía Lào, những nhà cách mạng tiêu biểu như đồng chí Cayxôn Phômvihản, đồng chí Xuphanuvông và nhiều đồng chí lãnh đạo khác đều đứng trong đội ngũ này. Trong thời gian học tại trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An) và trường Đại học Luật Hà Nội (1935 - 1945), cũng là lúc đồng chí Cayxôn Phômvihản tiếp xúc với những người bạn cùng chí hướng cách mạng và tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đến cuối năm 1944, đồng chí được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cứu quốc.

Trên các chặng đường cách mạng tiếp theo, với trọng trách của người lãnh đạo cách mạng Lào và chung sức với các đồng chí lãnh đạo cách mạng Việt Nam vun đắp, phát triển quan hệ Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào, đồng chí Cayxôn Phômvihản đã đảm đương xuất sắc hai sứ mệnh đó.

Cuộc gặp gỡ thân tình giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân Xuphanuvông diễn ra gần trọn tháng 9 năm 1945, tại Hà Nội, tác động tích cực tới sự nghiệp cách mạng của Hoàng thân như ông cho biết: “Tôi bắt đầu sự nghiệp đấu tranh vào năm 1945... Nhờ có dịp được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tôi đã học được rất nhiều điều bổ ích... Sau đó tôi về nước để lãnh đạo đấu tranh giải phóng cho nhân dân Lào”¹. Cũng từ lúc bấy giờ, Hoàng thân Xuphanuvông trở thành nhà cách mạng chân chính trong các lãnh tụ nổi bật nhất của nhân dân Lào và là người có nhiều cống hiến to lớn cho quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Tiếp tục bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ cách mạng Lào được Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm thực hiện. Đồng chí Phumi Vôngvichít cho biết, sau khi bế mạc Đại hội quốc dân Lào tại chiến khu Việt Bắc, tháng 8 năm 1950: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành bốn ngày đêm liền để giảng giải chủ nghĩa Mác-Lênin cho chúng tôi nghe rất dễ hiểu, rõ ràng, giúp cho chúng tôi thấy rõ hơn con đường mình đi và tin tưởng vào thắng lợi một cách vững chắc hơn trước*”².

Thứ ba, gây dựng cơ sở chính trị và căn cứ địa, phát triển chiến tranh du kích tại Lào

Đây là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc Lào và cũng là một nhiệm vụ trọng yếu mà phía Việt Nam tự nguyện góp phần thực hiện.

Tư tưởng chủ đạo của nhiệm vụ trên được nêu ra rất sớm tại *Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc* của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 11 năm 1945 là: cần tiến hành vận động nhân dân ở vùng nông thôn Lào tiến hành chiến tranh du kích. Điều đó có quan hệ khăng khít và cấp bách với sự phát triển thực lực của cách mạng Lào, đặc biệt là trên địa bàn nông thôn, nơi chưa xây dựng được lực lượng chính trị và vũ trang rộng khắp.

Từ cuối năm 1948, việc thành lập khu kháng chiến được bắt đầu tiến hành. Các khu kháng chiến Thượng Lào, Hạ Lào, Tây Bắc Lào ... lần lượt xuất hiện.

Phương pháp vận động quần chúng là cán bộ tìm cách đến với dân, tuyên truyền, vận động dân các bộ tộc đoàn kết và thắt chặt quan hệ giữa hai dân tộc

¹ Xem Trần Đương, *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hoàng thân Xuphanuvông*, Nxb. Thông tấn, H.2007, tr.21,22.

² Phumi Vôngvichít, *Nhớ lại đời tôi trong quá trình lịch sử đất nước Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 69.

Lào, Việt Nam cùng ra sức chống thực dân Pháp xâm lược; xây dựng Mặt trận và các đoàn thể, tổ chức du kích, thiết lập chính quyền...; hướng dẫn dân sản xuất lương thực, thực phẩm và nhiều loại sản phẩm tiêu dùng, xây dựng đời sống văn hóa tiến bộ, mở lớp học chữ Lào.

Năm 1949, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo thành lập Chính phủ Lào kháng chiến và Mặt trận dân tộc thống nhất Lào (Neo Lào Ítxala); cử một đơn vị cán bộ, chiến sĩ sang Thái Lan và Lào đón Hoàng thân Xuphanuvông và các nhà lãnh đạo cách mạng Lào tới Việt Bắc để thực hiện chủ trương trên.

Giữa tháng 8 năm 1950, tại tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam), Đại hội Quốc dân Lào quyết định những vấn đề quan trọng về cách mạng Lào, thành lập Chính phủ Lào kháng chiến và Neo Lào Ítxala. Sự kiện đó tạo ra bước phát triển mới về việc tăng cường cơ quan chỉ đạo kháng chiến và mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các phần tử yêu nước và phát huy mạnh mẽ hơn sức mạnh của cuộc chiến tranh cách mạng Lào góp phần tăng cường quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Thứ tư, xây dựng tại mỗi nước Việt Nam, Campuchia, Lào một Đảng mácxít-lêninnít và thành lập Mặt trận liên minh Việt Nam - Campuchia - Lào.

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 2 năm 1951, đồng chí Hồ Chí Minh đề nghị thành lập tại mỗi nước Đông Dương một Đảng Cộng sản.

Đồng chí Cayxôn Phômvihản phát biểu: "Chúng tôi, người cộng sản Lào hiểu rõ và tán thành đề nghị đó không chút thắc mắc"¹.

Đại biểu Đảng bộ Campuchia phát biểu: "Chúng tôi rất hoan nghênh đề nghị sáng suốt của Báo cáo chính trị"².

Đồng chí Hồ Chí Minh nói: "Sau khi nghe các đồng chí Miên, Lào phát biểu ý kiến, chắc Đại hội cũng như tôi, chúng ta rất cảm động. Nhưng cảm động đây không phải là buồn, trái lại là cảm động vui. Vì chúng ta như con một nhà, một nhà cộng sản, một nhà cách mạng. Bây giờ con cái đã khôn lớn rồi phải chia nhà, chia cửa ở riêng. Con trai có vợ, con gái có chồng (võ tay), sau này đẻ con, đẻ cháu đông đúc, từ gia đình nhỏ tiến lên gia đình lớn rất mạnh, từ gia

¹ Biên bản Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

² Biên bản Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

đình lớn đến họ hàng, họ hàng càng to, càng mạnh, đông người nhiều việc, nhất định thành công”¹.

Theo Nghị quyết Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Cộng sản ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam²; Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào có sự hỗ trợ của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tiến hành các công tác chuẩn bị để thành lập Đảng Nhân dân Lào.

Nội tiếp Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương, cũng tại Việt Bắc, diễn ra Hội nghị thành lập Mặt trận liên minh Việt - Miên - Lào. Nghị quyết Hội nghị biểu thị ý chí thống nhất của nhân dân ba nước đoàn kết đánh đuổi xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, làm cho ba nước Việt Nam, Campuchia, Lào hoàn toàn độc lập, nhân dân ba nước được tự do, sung sướng và tiến bộ.

Thứ năm, Việt Nam, Lào đồng tâm, hiệp lực chiến đấu, lập nhiều chiến công

Khi phải đối đầu với mưu đồ và hành động xâm lược của thực dân Pháp, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đưa ra một quyết định quan trọng: “Về quân sự, Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao là một chiến trường, phải đánh theo một chiến lược chung”³.

Tháng 4 năm 1953, liên quân Lào - Việt mở chiến dịch Thượng Lào. Trong vòng một tháng, liên quân giải phóng một vùng rộng lớn với trung tâm là Sầm Nưa tạo ra một địa bàn đứng chân vững chắc của cách mạng Lào.

Tiếp đó, trong chiến dịch Đông Xuân 1953-1954, thắng lợi của các chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào đã củng cố và mở rộng căn cứ ở vùng trọng yếu này, buộc đối phương phải đưa quân tới đây để đối phó với liên quân Lào - Việt.

Hạ tuần tháng 1 năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay đổi phương châm tác chiến tại chiến dịch Điện Biên Phủ từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc", bộ đội Việt Nam phối hợp với quân giải phóng Lào và được nhân dân Lào chi viện vật chất, tấn công khu vực sông Nậm U, tiến sát kinh đô Luông Phabang, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch đẩy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của quân đội Pháp vào thế hoàn toàn cô lập.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân và dân Việt Nam mở màn cuộc quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ. Quân, dân Lào đã anh dũng chiến đấu, chặt đứt con đường chiến lược của địch chi viện cho Điện Biên Phủ từ phía Lào; góp

¹ Biên bản Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương TL đd.

² Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia thành lập giữa năm 1951.

³ Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Nxb. Sự thật, H. 1986, tập 1, tr. 383.

phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa tới sự kiện ký kết Hiệp định Giơnevơ. Tuy chưa phản ánh đầy đủ thắng lợi của quân dân ba nước, song Hiệp định Giơnevơ đã công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Trong *kháng chiến chống Mỹ xâm lược*, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam phát triển vượt bậc tạo nên sức mạnh kỳ diệu mới, đưa cách mạng giải phóng dân tộc của hai nước tới thắng lợi hoàn toàn. 21 năm chống Mỹ là một chặng đường kế tục, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, trong đó, nổi bật lên những hoạt động tiêu biểu, điển hình:

Sự phối hợp giữa lãnh đạo, quân dân hai nước Việt Nam, Lào phá vỡ mưu đồ tiêu diệt lực lượng vũ trang nông cốt Pathét Lào và hãm hại bộ phận đầu não cơ quan lãnh đạo cách mạng Lào do đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tiến hành.

Ngay sau khi nghe báo cáo tình hình Lào từ lúc thành lập Chính phủ liên hiệp cuối năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá những kết quả mà Pathét Lào giành được. Mặt khác, Người chỉ rõ: việc đưa hai tỉnh tập kết của Pathét Lào vào Vương quốc là âm mưu của Mỹ “điều hổ ly sơn” để đi đến tiêu diệt lực lượng Pathét Lào. Người chỉ dẫn phương pháp hoạt động mới và cách đối phó với địch.

Những lời phát biểu chân tình và quý báu, kịp thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh được các cơ quan có trách nhiệm của hai nước lĩnh hội và thực hiện.

Do sự hợp lực giữa hai phía Lào, Việt Nam, Tiểu đoàn 2 Pathét Lào đã mưu trí, anh dũng chiến đấu thoát ra khỏi vòng vây của địch tại Xiêng Khoảng vào tháng 5 năm 1959, sau 15 ngày trở về căn cứ an toàn.

Sau một thời gian chuẩn bị rất công phu của các đồng chí lãnh đạo Lào bị giam và nhiều lực lượng cách mạng bên ngoài trại giam, cuối cùng, đêm ngày 23 rạng ngày 24 tháng 5 năm 1960, với sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều lực lượng phía Lào và phía Việt Nam, các đồng chí lãnh đạo Lào và cán bộ bị bắt vượt khỏi trại giam Phôn Khênh tại Viêng Chăn. Đánh giá sự kiện lịch sử này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết:

“Cuộc giải thoát Chủ tịch Xuphanuvông là một chiến công đặc biệt, tiêu biểu cho tình hữu nghị anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào. Chúng ta hãy giữ vững và phát triển tình hữu nghị đặc biệt ấy”¹.

Sự hợp lực giữa lãnh đạo Đảng Nhân dân Lào và Đảng Lao động Việt Nam để xác định phương pháp đấu tranh vũ trang là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh chính trị chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở Lào

Từ đầu năm 1958, xu thế phát triển của tình hình Lào ngày càng hiện rõ sự can thiệp, xâm nhập của Mỹ mạnh mẽ và toàn diện. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, ngày 3 tháng 6 năm 1959, bàn về vấn đề Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên phương pháp đấu tranh của cách mạng Lào: “Phải dùng du kích phong trào sẽ lan rộng”... “Phải trường kỳ gian khổ, phải chú ý dân vận, địch vận”.

Đến tháng 7 năm 1959, hai Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào nhất trí quyết định phát động cuộc đấu tranh vũ trang trong mùa mưa năm 1959: Lấy trọng tâm là chiến tranh du kích, phát động phong trào quần chúng nổi dậy, giành chính quyền tại thôn xã.

Trung tuần tháng 7 năm 1959, bộ đội Lào mở ba hướng tấn công, hướng chính từ Đông Nam Sầm Nưa tới Đông Nam Xiêng Khoảng. Hướng thứ hai hoạt động chủ yếu tại vùng Mường Xon bắc Sầm Nưa đến Phongxalỳ, Luông Phạbang đến Xiêng Ngân. Hướng thứ ba có nhiệm vụ phối hợp tại địa bàn từ Bắc đường số 8 đến đường 12 Khăm Muộn.

Các đơn tấn công đó hỗ trợ nhân dân trong vùng nổi dậy giải phóng nhiều huyện, xã tại các tỉnh Hủa Phăn, Phong Xalỳ, Xiêng Khoảng, Luông Phạbang, Khăm Muộn.

Tuyến đường chiến lược Trường Sơn là một công trình vĩ đại, biểu tượng cao đẹp của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Năm 1959, đáp ứng nhu cầu chi viện sức người, sức của cho các chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia, việc mở đường chiến lược Trường Sơn càng trở nên cấp bách. Theo đề nghị của Việt Nam, tại cuộc hội đàm cấp cao giữa lãnh đạo Đảng Nhân dân Lào và Đảng Lao động Việt Nam cuối năm 1960, phía Lào hoàn toàn ủng hộ chủ trương mở đường Tây Trường Sơn và phát biểu: "Vận mệnh hai nước chúng ta gắn bó mật thiết với nhau.

¹ Đại tá Phan Đình, *Cuộc vượt ngục kỳ diệu*, Nxb. Quân đội nhân dân, H. 2008, tr. 1.

Nhân dân Lào sẽ làm hết sức mình để góp phần vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam anh em"¹.

Công cuộc mở đường diễn ra với sự phối hợp lực lượng Lào, Việt Nam cùng tiến hành. Phần đường phía Tây Trường Sơn vốn là địa bàn sinh sống của nhiều bộ tộc Lào, là trọng điểm đánh phá ác liệt của đối phương. Nhưng nhân dân Lào không hề nao núng ý chí, chủ động, tự nguyện dành một phần lãnh thổ của mình cho tuyến đường chiến lược đi qua. ***Đây là cống hiến vô cùng quý giá của nhân dân Lào cho thắng lợi của Việt Nam và quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược.***

Đường Trường Sơn vừa là tuyến đường chuyển vận người và của từ hậu phương lớn miền Bắc Việt Nam chi viện cho chiến trường ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; cũng là nơi thiết lập căn cứ hậu cần khổng lồ, dự trữ và cung cấp vũ khí, hàng quân dụng, dân dụng cho tiền tuyến.

Nơi đây biến thành chiến trường phản công quyết liệt của bộ đội Việt Nam và bộ đội Lào trong cùng một lực lượng liên minh giáng trả các mũi tấn công của đối phương, ghi lại biết bao chiến công hiển hách. Tất cả đã tạo dựng nên một biểu tượng cao đẹp của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, đúng như lời phát biểu của đồng chí Cayxôn Phômvihân: “Chúng tôi vui mừng và rất tự hào là trên vùng phía Đông của đất nước chúng tôi có con đường quan trọng được mang tên “Hồ Chí Minh” đã góp phần tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc giải phóng miền Nam Việt Nam”².

Thắng lợi vĩ đại của hai dân tộc Việt Nam, Lào diễn ra năm 1975, kết thúc 30 năm chiến tranh cách mạng, lập *hai kỳ tích* chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; đánh dấu sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ và sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới, dù đế quốc Pháp, Mỹ đã gắng hết sức nhưng không thể nào cứu vãn nổi.

Quan hệ Việt Nam – Lào tiếp tục phát triển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của hai dân tộc Việt Nam, Lào (1976 - 2017)

Trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao, quốc phòng, an ninh:

Sau khi thu được thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hai nước Việt Nam, Lào ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng

¹ Đảng Nhân dân Cách mạng Lào - Đảng Lao động Việt Nam: *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930-2007 - Biên niên sự kiện*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2011, tập I, tr. 482.

² Cayxôn Phômvihân: *Tình hữu nghị đặc biệt vĩ đại giữa Lào và Việt Nam mãi mãi xanh tươi, đơm hoa kết trái*. In trong *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam 1930-2007. Bài viết của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2011, tr. 452.

hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, ngày 18 tháng 7 năm 1977 thúc đẩy sự phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào trong khung cảnh mới, mang tính chính trị, pháp lý cơ bản, bền vững lâu dài.

Trong 40 năm qua, Hiệp ước ấy luôn khơi dậy nhiều sáng tạo, đưa tới những giải pháp hữu hiệu mà hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam, Lào phối hợp thực hiện, như phá tan mưu đồ của đối phương xuyên tạc vấn đề Việt Nam phối hợp với cách mạng Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt và hồi sinh dân tộc Campuchia, dỡ bỏ bao vây, cấm vận, bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và một số quốc gia khác... Đồng thời, Việt Nam hỗ trợ Lào giải quyết khó khăn về lương thực, hàng tiêu dùng khi biên giới phía Tây bị đóng cửa, để kịp thời ổn định tình hình xã hội, ngăn chặn dòng người di tản ra nước ngoài.

Việc ký kết Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Lào ngày 18 tháng 7 năm 1977 và hoàn thành hoạch định, cắm mốc trên toàn tuyến biên giới cùng với hoạt động hợp tác về an ninh - quốc phòng, kinh tế, giao lưu văn hoá đã xây dựng nên một biên giới hoà bình, hữu nghị hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Lào.

- Trước những khó khăn gay gắt của tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Việt Nam và Lào từ cuối thập kỷ 70 và thập kỷ 80 thế kỷ XX, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào sử dụng phương châm: nhìn thẳng vào sự thật để phát hiện những sai lầm chủ quan duy ý chí, nóng vội, muốn đi nhanh lên chủ nghĩa xã hội theo mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp; và quyết định tiến hành *công cuộc đổi mới* ở hai nước. Hai Đảng cùng phối hợp chặt chẽ trong quá trình nghiên cứu, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và áp dụng vào điều kiện cụ thể của mỗi nước; đồng thời, tìm tòi thử nghiệm trong thực tiễn để mở ra con đường đổi mới và hội nhập quốc tế, đưa cách mạng hai nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và tiến bước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó chứng tỏ: “Công cuộc đổi mới là tất yếu khách quan, là quá trình có tính chất cách mạng và khoa học”¹. Thắng lợi này ghi thêm một *kỳ tích* mới của quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào.

¹ *Lịch sử Đảng Nhân dân Cách mạng Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2005, tr. 238.

- Trên thế giới, từ năm 1987 đến năm 1991, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng dẫn tới sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa do thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phê phán Đảng Cộng sản và chủ nghĩa Mác - Lênin. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đưa ra những nguyên tắc đổi mới (năm 1989): giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa và nhận thức đúng hơn, có phương pháp phù hợp hơn để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Cũng vào lúc này, công cuộc đổi mới đã đưa lại hiệu quả bước đầu rõ rệt trong sản xuất và đời sống, tạo được niềm tin của nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào cùng con đường phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các hoạt động trên thể hiện rõ bản lĩnh chính trị và năng lực sáng tạo của hai Đảng đã vượt qua cơn bão táp hiểm nghèo, *giữ vững vai trò lãnh đạo* của mình và *ổn định chính trị* của đất nước.

- Từ 1976 đến đầu thế kỷ XXI, Việt Nam và Lào bị nhiều thế lực thù địch từ bên ngoài vừa tấn công, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, vừa sử dụng những phần tử phản động lưu vong quay trở về phá hoại an ninh quốc gia. Một lần nữa, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đặt ra cho chính quyền và nhân dân Việt Nam, Lào nhiều nhiệm vụ mới.

Theo chủ trương, kế hoạch hợp tác giữa hai Đảng và Chính phủ, lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh Lào, Việt Nam phối hợp chặt chẽ thực hiện các nhiệm vụ chống ngoại xâm, chống phi, dẹp bạo loạn, trừ diệt bọn phản động vượt qua lãnh thổ Lào xâm nhập lãnh thổ Việt Nam... Mặt khác, hai bên giúp nhau đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và trang bị kỹ thuật hậu cần.

Hợp tác phát triển kinh tế, giáo dục, đào tạo cán bộ:

- Trên lĩnh vực hợp tác kinh tế, Việt Nam và Lào nhất trí hoàn toàn: dựa trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập tự chủ và ý chí tự lập, tự cường, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi nhằm phát huy thế mạnh của mỗi nước, kết hợp thỏa đáng tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam – Lào với thông lệ quốc tế; căn cứ vào tình hình cụ thể của mỗi nước mà dành ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ cho nhau.

Phương thức hợp tác ngày càng được mở rộng và nâng cao về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Nội dung hợp tác kinh tế được chuyển dần theo cấp độ

từ thấp lên cao: ban đầu là viện trợ, cho vay, tiến đến hợp tác sản xuất kinh doanh phù hợp với công thức: Tài nguyên Lào, lao động kỹ thuật Việt Nam, vốn hợp tác hoặc vay của nước thứ ba. Tiếp đó, từ năm 1996 trở đi, một công thức hợp tác mới được áp dụng, đó là hợp tác hai bên cùng có lợi theo thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau.

Điều đặc sắc nổi bật trong quan hệ hợp tác kinh tế Lào - Việt Nam, là tinh thần giúp đỡ nhau mỗi khi nước bạn gặp khó khăn, nhất là khi không thể tự giải quyết được. Hành động Việt Nam cùng hợp tác chặt chẽ với Lào nghiên cứu chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô năm 1999 đạt được kết quả tốt đẹp, là một mẫu hình tiêu biểu.

- Hợp tác giáo dục và đào tạo cán bộ Lào - Việt Nam được lãnh đạo hai Đảng và Nhà nước đặt ở tầm *chiến lược*, mở đầu từ thời kỳ chống Mỹ và liên tục phát triển cho dù phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ của chiến tranh và những biến động của phe xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm chiến tranh, Việt Nam chủ yếu giúp Lào về giáo dục phổ thông. Song với tầm nhìn chiến lược, chủ động đón những bước phát triển đột biến của cách mạng, từ năm 1962, theo yêu cầu của bạn Lào, Việt Nam đã cử nhiều chuyên gia sang Lào để hợp tác với bạn nghiên cứu lập phương án giải quyết.

Sau năm 1975, đặc biệt là từ năm 1986, hợp tác giáo dục, đào tạo cán bộ Việt Nam - Lào phát triển khá toàn diện về cấp độ và loại hình chuyên môn, nghiệp vụ mà lưu học sinh Lào theo học, với trọng tâm là đại học, trên đại học. Trong đó, số cán bộ thuộc hệ thống chính trị của Lào chiếm tỷ lệ cao, học tập trung và tại chức, dài hạn và ngắn hạn, chủ yếu do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đảm nhiệm. Nội dung chương trình đào tạo chứa đựng nhiều kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn trên các chặng đường cách mạng, nhất là công cuộc đổi mới, đó là những kiến thức bổ ích cho đội ngũ cán bộ Lào.

Phía Lào cũng giúp đỡ Việt Nam đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn về Lào và phiên dịch tiếng Lào, góp phần tạo nguồn nhân lực bền vững trong việc giữ gìn và phát triển theo chiều sâu quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Nhìn chung, hợp tác giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ chiến lược lâu dài giữa hai nước nhằm hình thành một đội ngũ cán bộ

có đầy đủ năng lực và nhận thức một cách sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, tạo lòng tin vững chắc lâu dài lẫn nhau, góp phần tăng cường bền vững mối quan hệ giữa hai Đảng và hai Nhà nước.

Ý nghĩa lịch sử

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh vô địch của hai dân tộc Việt Nam, Lào

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào nảy sinh, phát triển trong sự trùng hợp mục tiêu cách mạng và tình nghĩa của hai dân tộc láng giềng ruột thịt là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; bình đẳng, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau. Điều đó đã trở thành động lực mạnh mẽ, là cội nguồn sáng tạo và niềm tin tất thắng, biến sức mạnh tổng hợp của hai dân tộc trở thành vô địch của sự nghiệp, giải phóng và phát triển đất nước từ nô lệ, bị chia cắt, nghèo nàn, lạc hậu trở thành những dân tộc độc lập, tự do, thống nhất, có vị trí xứng đáng trong khu vực và quốc tế.

- Đứng ở vị trí chiến lược của vùng Đông Nam Á, nơi đối đầu quyết liệt giữa phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, hoà bình và tiến bộ xã hội với các thế lực xâm lược, khối đại đoàn kết Việt Nam - Lào trở thành lực lượng vững mạnh, chặn đứng, làm thất bại những mưu đồ và hành động của kẻ thù, góp phần quan trọng tạo dựng môi trường hoà bình, hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia Đông Nam Á.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa vùng Đông Nam Á phát triển mạnh. Việt Nam và Lào tuy đã giành được độc lập, nhưng ngay sau đó, bị quân đội Pháp kéo tới xâm lược. Chúng đã vấp phải cuộc kháng chiến liên minh của nhân dân Việt Nam và Lào. Chiến tranh xâm lược kéo dài và hiện rõ sự thất bại của đế quốc Pháp. Đế quốc Mỹ thay chân Pháp hùng áp đặt chủ nghĩa thực dân mới tại miền Nam Việt Nam và Lào; thành lập liên minh quân sự chống phe xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc.

Với sức mạnh đoàn kết dân tộc, đoàn kết Việt Nam - Lào, quân dân Việt Nam, Lào đã liên minh chiến đấu đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp, Mỹ; đồng thời đập tan mưu đồ phá hoại của thế lực thù địch; góp phần tạo lập môi trường hoà bình, hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia Đông Nam Á.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là một tấm gương mẫu mực, thủy chung, trong sáng, vững bền, chưa từng có trong quan hệ giữa các dân tộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hoà bình và tiến bộ xã hội.

Trong lịch sử thế giới từ xưa tới nay, đã xuất hiện nhiều hình thức liên minh, đồng minh, hợp tác hoặc hình thành các cộng đồng quốc gia. Nhưng xét về mọi phương diện, chỉ có mối quan hệ Việt Nam - Lào mang đầy đủ các yếu tố ưu việt về cách mạng và nhân văn dựa trên cơ sở lý luận đúng đắn và nguyên tắc, phương pháp hợp lý về xây dựng phát triển mối quan hệ quốc gia - quốc tế, được lãnh đạo hai Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước đồng thuận và cùng chung sức thực hiện, mang lại những thành tựu to lớn và tiến bộ vượt bậc về mọi mặt cho cả hai dân tộc. Tất cả hợp thành *một tấm gương mẫu mực, thủy chung, trong sáng, bền vững, chưa từng có* trong quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới.

Bài học lịch sử

- Xác định đúng đắn hệ thống quan điểm lý luận về mối quan hệ dân tộc và quốc tế trong thời đại mới giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào

Từ khi bị thực dân Pháp xâm lược và thiết lập chế độ thuộc địa tại Việt Nam và Lào, nhân dân hai nước đã giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung tại một số vùng và một số cuộc khởi nghĩa; song, chưa xuất hiện lý luận dẫn đường và cơ quan lãnh đạo quan hệ đoàn kết của hai dân tộc.

Với trách nhiệm cao đối với cách mạng Đông Dương và năng lực sáng tạo lý luận cách mạng kiệt xuất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất những quan điểm cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, Campuchia, Lào, bao hàm cả nội dung quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Đó là cách mạng của các dân tộc ở Đông Dương được tiến hành theo quan điểm cách mạng triệt để, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Sức mạnh tạo nên thắng lợi của sự nghiệp đó là khối đại đoàn kết nhân dân Đông Dương và sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Người nhân mạnh, phải hết sức tôn trọng nguyên tắc "dân tộc tự quyết", quyền độc lập, tự do của các dân tộc ở Đông Dương, đồng thời, coi việc Việt Nam giúp cách mạng Lào là thực hiện nghĩa vụ quốc tế, hơn thế nữa đó là giúp bạn là mình tự giúp mình. Hai Đảng, hai dân tộc Việt Nam, Lào coi đó là nền tảng tư tưởng và phương pháp ứng xử của quan hệ Việt Nam - Lào. Những

quan điểm trên thể hiện rõ ràng, đúng đắn nguyên tắc dân tộc tự quyết và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, biến những hy sinh cao cả mà hai bên dành cho nhau như là lẽ sống bình dị.

Tư duy và hành động đó càng có ý nghĩa khi ngày nay trên thế giới xuất hiện xu thế hòa bình, độc lập, dân chủ, hợp tác và phát triển, nhưng vẫn còn tồn tại những biểu hiện lợi ích dân tộc cực đoan với những cuộc xung đột dân tộc, chiến tranh cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh kinh tế rất phức tạp.

- Xác định nội dung, phương thức xây dựng quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là cơ sở thực hiện các nhiệm vụ cách mạng do hai bên xác lập nhằm đoàn kết chân thành, cùng nhau đánh bại mọi kẻ thù xâm lược và dốc sức giúp đỡ nhau bảo vệ độc lập, tự do, phát triển đất nước về mọi mặt.

Trên cơ sở những quan điểm, nguyên tắc và phương pháp tiến hành liên minh, hợp tác giữa hai dân tộc, hai bên cùng ra sức thực hiện các nhiệm vụ cách mạng do lãnh đạo cấp cao Việt Nam, Lào đề ra với sự cố gắng cao nhất của mình và thu được nhiều thắng lợi rực rỡ. Tại cuộc Hội đàm giữa đại diện hai Trung ương Đảng năm 1971, đồng chí Cayxôn Phômvihản nói: "tuy Việt Nam có khó khăn nhưng đã không tiếc gì với Lào, chính cái đó đã góp phần tăng cường đoàn kết giữa hai Đảng. Đây là *quan hệ đặc biệt trên thế giới không đâu có*"¹.

Cảm ơn và đáp lại lời nói chân tình đó của đồng chí Cayxôn Phômvihản, đồng chí Lê Duẩn phát biểu: "Nhân dân Việt Nam hy sinh xương máu cho cách mạng Lào, nhân dân Lào cũng hy sinh tính mạng và của cải để giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Hai Đảng, hai dân tộc chúng ta giúp đỡ lẫn nhau, *nếu chỉ thấy sự giúp đỡ của một bên là không đúng* (BBS nhấn mạnh). Đảng chúng tôi luôn luôn giáo dục cho cán bộ, đảng viên Việt Nam hiểu rõ điều đó"².

Trong những năm tháng cùng nhau hoạt động, cán bộ và nhân dân Việt Nam, Lào luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền, phong tục tập quán của nhau, tin yêu giúp đỡ nhau; thật lòng tự phê bình, phê bình để cùng tiến bộ và phát triển nội lực của mỗi bên... Do vậy, những thành quả cách mạng của hai nước

¹Trích lược một số ý kiến phát biểu của anh Bảy* và anh Ba* tại cuộc Hội đàm giữa hai Trung ương Đảng 1971. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. * Anh Bảy: Đồng chí Cayxôn Phômvihản; anh Ba: Đồng chí Lê Duẩn.

²Trích lược một số ý kiến phát biểu của anh Bảy và anh Ba. Tài liệu đã dẫn.

cũng in đậm giá trị cách mạng và nhân văn của quan hệ Việt Nam - Lào, không chỉ cho hiện tại mà cần bảo vệ, phát huy cao hơn nữa trong tương lai.

- Tình cảm cách mạng thủy chung, trong sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào là một nhân tố trọng yếu tạo nên độ bền vững và phát triển của mối quan hệ Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam

Hiện thực lịch sử cho thấy độ bền vững và phát triển của quan hệ Việt Nam – Lào chịu tác động quan trọng và trực tiếp của tình cảm thủy chung, trong sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Tình cảm đó bắt nguồn từ đạo đức cách mạng của đảng viên, từ phẩm chất trong sạch và năng lực tương xứng với nhiệm vụ của người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào cần giữ gìn và phấn đấu thực hiện như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn.

Trong môi trường hoạt động hiện nay của đảng viên, có nhiều thuận lợi nhưng cũng đầy cám dỗ tiêu cực. Tất cả đều đòi hỏi ở sự tự giác của mỗi đảng viên và sự giáo dục, kiểm tra của tổ chức Đảng, gắn liền với việc giữ vững các nguyên tắc xây dựng Đảng và nâng cao bản lĩnh, năng lực lãnh đạo của Đảng; đồng thời cần nhận thức đầy đủ và thực hiện đúng trách nhiệm của cá nhân và tổ chức trong việc bảo vệ, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, vì lợi ích quốc gia và quốc tế.

- Khai thác, phát huy các nhân tố, điều kiện cần thiết để xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào

Việt Nam và Lào sống bên nhau tại hai triền Đông và Tây Trường Sơn hùng vĩ, rất thuận lợi cho sự phát triển phong phú của động vật, thực vật lại được bổ sung bởi nhiều hang động, rừng nguyên sinh kỳ thú, thuận lợi cho du lịch. Trường Sơn còn là một tường thành vững chắc cho quân dân hai nước nương tựa nhau chống giặc ngoại xâm.

Về kinh tế, hai nước có thể bổ sung cho nhau lợi thế về biển cả của Việt Nam, đường bộ của Lào đi sâu vào lục địa châu Á, cùng các nguồn tài nguyên phong phú của mỗi nước.

Ngoài những điều kiện trên, hai nước Việt Nam, Lào có một ưu thế nổi trội vô cùng quý giá là quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào mà hai Đảng, hai dân tộc cần luôn luôn vun đắp, bảo vệ và phát huy trong mọi hoạt động chính trị, tư

tương, kinh tế, quốc phòng an ninh, ngoại giao, văn hoá, giáo dục đào tạo nhân lực, nhân tài.

II. PHÂN ĐÁU ĐƯA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM – LÀO LÊN TẦM CAO MỚI

Với những thành tựu to lớn về kinh tế-xã hội sau hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới và những chuyển biến quan trọng trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong những năm qua đã tạo nên những điều kiện vật chất và tinh thần to lớn thúc đẩy việc tiếp tục tăng cường hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong thời gian tới.

Bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực đang và sẽ có những biến động phức tạp, khó lường, khuynh hướng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực vẫn chiếm ưu thế, song cũng xuất hiện xu hướng bảo hộ mậu dịch và dân tộc chủ nghĩa. Để tăng cường hợp tác toàn diện, đưa quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào lên tầm cao mới, hai nước cần tiếp tục bổ sung và phát triển cơ chế, chính sách, chương trình và tổ chức chỉ đạo hợp tác cho phù hợp với thực tế và những đòi hỏi mới của sự hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Trong quá trình tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện, hai bên cần luôn luôn tôn trọng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại của nhau.

Trong quan hệ hợp tác kinh tế phải chú trọng tăng cường tính thực chất, hiệu quả và chất lượng. Các chương trình hợp tác, nhất là từ phía Việt Nam (các dự án của Việt Nam đầu tư vào Lào) phải phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và phát triển bền vững của Lào. Việt Nam cần ưu tiên các dự án hợp tác với Lào phù hợp với qui hoạch và kế hoạch phát triển của Lào. Đó là các dự án hợp tác về phát triển thủy điện, dự án xây dựng đường giao thông ra biển; các dự án hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực....

Việt Nam và Lào cần phải phát huy quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt trở thành động lực thúc đẩy ngày càng mạnh mẽ hợp tác toàn diện, đặc biệt là hợp tác kinh tế phục vụ mục tiêu phát triển của mỗi nước, đưa hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong thời gian tới ngang tầm với quan hệ truyền thống đặc biệt giữa hai nước.

Tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam – Lào khác căn bản với các quan hệ đối tác thông thường ở chỗ nó là quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện

bao gồm cả chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa...phù hợp với thông lệ quốc tế, song, có ưu tiên, ưu đãi cho nhau cao hơn cả các quan hệ song phương khác. Cần có một nhận thức thống nhất của cán bộ và nhân dân hai nước về tính chất đặc biệt này. Cả hai bên cần có tầm nhìn rộng hơn, toàn diện và lâu dài hơn chứ không chỉ ở các lợi ích kinh tế thuần túy và ngắn hạn.

Để tăng cường quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Lào, trong giai đoạn mới, trước mắt cần tập trung hiện thắng lợi “*Thỏa thuận Chiến lược về hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật giữa Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2011-2020*”, tạo những tiền đề vật chất cần thiết đưa quan hệ hợp tác Việt Nam – Lào lên tầm cao mới.

Định hướng cơ bản của chiến lược hợp tác Việt Nam – Lào trong thời gian tới là: Phát huy truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào trở thành động lực tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong hợp tác kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập của mỗi nước. Trong đó, không ngừng nâng cao nhận thức và làm sâu sắc thêm quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật tạo sự chuyển biến mạnh mẽ thúc đẩy hợp tác kinh tế ngang tầm với quan hệ truyền thống giữa hai nước. Thẩm nhuần tư tưởng chỉ đạo: coi trọng, phát triển và củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước và coi đây là nhiệm vụ có tầm chiến lược to lớn, thiết thực phục vụ lợi ích đảm bảo ổn định an ninh chính trị và phát triển của mỗi nước. Coi hợp tác và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ chiến lược lâu dài giữa hai nước nhằm hình thành một thế hệ mới kế cận có đầy đủ năng lực và nhận thức một cách sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, tạo lòng tin vững chắc, lâu dài lẫn nhau, góp phần tăng cường bền vững mối quan hệ giữa hai Đảng và hai Nhà nước. Đặc biệt coi trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ các cấp của các địa phương Lào, cán bộ làm việc ở các dự án giữa hai nước; kết hợp hài hòa giữa đào tạo và bồi dưỡng, giữa số lượng và chất lượng, giữa đào tạo chính qui các bậc học với đào tạo nghề.

Thường xuyên phối hợp và cụ thể hóa quan điểm về quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào trên tinh thần các tuyên bố chung và thỏa thuận cấp cao giữa lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước vào các nội dung hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa

học kỹ thuật giữa hai nước. Từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tinh thần quan hệ đặc biệt theo luật pháp của mỗi nước trên cơ sở những nội dung sau:

- Tiếp tục đầu tư và phát huy những tiềm năng, lợi thế của hai nước nhằm bổ sung nguồn lực cho nhau, phù hợp với mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước theo từng giai đoạn, góp phần thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở cả hai nước.

- Quan tâm đặc biệt tới việc bảo đảm kết nối giao thông đường bộ trên các trục huyết mạch và các tuyến kết nối qua biên giới với các cảng biển của Việt Nam để phục vụ đầu tư, thương mại và hội nhập giữa hai nước trên nguyên tắc đầu tư đồng bộ và đồng thời giữa hai bên.

- Tăng cường và nâng cao vai trò hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các bộ, ngành, tổ chức, địa phương và doanh nghiệp hai nước. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các địa phương có chung đường biên giới nhằm phát triển các địa phương khu vực biên giới trở thành hậu phương chiến lược vững chắc, ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài, tạo sự gắn bó, tin tưởng lẫn nhau lâu dài.

- Hai bên phối hợp chặt chẽ việc rà soát, hoàn thành việc bổ sung sửa đổi các văn bản thỏa thuận, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách mới phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế mỗi nước, thể hiện mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước và thông lệ quốc tế, tạo sự chuyển biến trong hợp tác kinh tế cũng như hội nhập quốc tế và khu vực của mỗi nước.

- Phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các cam kết và có sự đồng thuận trong các khuôn khổ hợp tác đa phương đối với những vấn đề có liên quan đến hai nước.

Trên cơ sở những kết quả to lớn của sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào những năm qua, lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước thống nhất đặt ưu tiên cao nhất cùng phấn đấu nâng quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào lên *tầm cao mới*, theo phương châm *chất lượng và hiệu quả*, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, tăng trưởng kinh tế bền vững, hội nhập ngày càng sâu rộng và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, lãnh đạo cấp cao hai nước đã nhất trí trước hết tiếp tục củng cố, tăng cường sự gắn bó, tin cậy và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong những vấn đề có tính chiến lược giữa hai Đảng, hai nước; duy trì các cuộc gặp cấp cao truyền thống. Tăng cường

tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú, hiệu quả và thiết thực về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân hai nước, đặc biệt là thế hệ thanh thiếu niên hôm nay và mai sau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Tuyên huấn Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Lịch sử Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*, Tài liệu Tuyên truyền, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Lịch sử Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Bài viết của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Hồi ký Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Hồi ký Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Văn kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1930-1945)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Văn kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1946-1955)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Văn kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1956-1975)*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Văn kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1976-1985)*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Văn kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1986-2007)*, tập 5, Nxb

Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Biên niên Sự kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1930-1975)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: *Biên niên Sự kiện Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào - Việt Nam (1976-2007)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.

13. Tài liệu liên quan đến quan hệ Việt Nam – Lào lưu tại Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI MỞ ĐẦU	3
Chương I: DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, HAI DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ LÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO (1930 - 1945)	5
I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM – LÀO	5
II. ĐOÀN KẾT ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO (1930 - 1945)	8
Chương II: LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM – LÀO TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG (1945-1975)	14
I. LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954)	14
II. PHÁT TRIỂN LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1954 – 1975)	19
Chương III: HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM – LÀO (1975 – 2017)	33
I. HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM – LÀO GIAI ĐOẠN 1975 - 1985	33
II. CÙNG CỐ VÀ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO GIAI ĐOẠN 1986 - 2010	42
III. NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUAN HỆ HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM – LÀO GIAI ĐOẠN 2011 - 2017	62
Chương IV: QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO- BẢN CHẤT, THÀNH QUẢ, BÀI HỌC VÀ TRIỂN VỌNG	75
I. BẢN CHẤT, THÀNH QUẢ, Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ	75
II. PHẤN ĐÁU ĐƯA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO LÊN TẦM CAO MỚI	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99